

TỈNH HƯNG HÓA

TỜ TÂU

TỈNH THẦN HƯNG HÓA KÍNH TUÂN LỜI PHÊ BIÊN VẼ BẢN ĐỒ TIẾN TRÌNH

Bản đồ kèm theo:

Tỉnh Hưng Hóa	興化省
Phủ Gia Hưng	嘉興府
Huyện Tam Nông	三農縣
Huyện Thanh Sơn	清山縣
Huyện Thanh Thủy	清水縣
Châu Sơn La	山羅州
Châu Mai Sơn	枚山州
Châu Phù Yên	扶安州
Châu Mai	枚州
Châu Đà Bắc	陀北州
Châu Mộc	木州
Châu Yên	安州
Huyện Quy Hóa	歸化縣
Huyện Văn Chán	文振縣
Huyện Trấn Yên	鎮安縣
Huyện Yên Lập	安立縣
Châu Văn Bàn	文盤州
Châu Thủy Vĩ	水尾州
Phủ Yên Tây	安西府
Châu Chiêu Tấn	昭晉州
Phủ Điện Biên	奠邊府
Châu Ninh Biên	寧邊州
Châu Tuần Giáo	遵教州
Châu Luân	倫州
Châu Lai	萊州
Châu Quỳnh Nhai	瓊崖州
Châu Thuận	順州

TỈNH HUNG HOÁ

Thành tỉnh¹ ở địa phận xã Trúc Khê, huyện Tam Nông. Thành xây bằng đá ong, chu vi 316 trượng 9 thước 8 tấc, cao 1 trượng 2 thước 1 tấc. Thành có 4 góc, dày 9 thước, 1 tấc, có 4 cửa. Xung quanh có hào, rộng 2 trượng 8 thước, sâu 9 thước.

Tỉnh hạt phía đông giáp huyện Bát Bạt tỉnh Sơn Tây, phía tây giáp châu Quảng Lăng nước Thanh (Trung Quốc), phía nam giáp huyện Trình Cố tỉnh Thanh Hoá, phía bắc giáp châu Lục Yên tỉnh Tuyên Quang, phía đông nam giáp phủ Nho Quan tỉnh Ninh Bình, phía tây nam giáp nước Nam Chưởng, phía đông bắc giáp phủ Lâm Thao tỉnh Sơn Tây, phía tây bắc giáp phủ Khai Hoá nước Thanh (Trung Quốc).

Đông tây cách nhau 764 dặm. Nam bắc cách nhau 646 dặm.

Toàn tỉnh có 4 phủ, gồm 6 huyện, 16 châu.

1.Phủ Gia Hưng: Phủ lỵ chưa xây dựng. Ở dưới cũng thế.

Thống hạt 3 huyện: Tam Nông, Thanh Sơn, Thanh Thủy và 7 châu: Sơn La, Mai Sơn, Phù Yên, Mai Châu, Đà Bắc, Mộc Châu, Yên Châu.

2.Phủ Quy Hoá:

Phủ thống hạt 3 huyện: Văn Chấn, Trấn Yên, Yên Lập và 2 châu: Văn Bàn, Thủy Vĩ.

3.Phủ Yên Tây:

Phủ thống hạt 1 châu: châu Chiêu Tấn.

4.Phủ Điện Biên: Đã có phủ lỵ.

Phủ kiêm lý 1 châu: châu Ninh Biên.

Thống hạt 5 châu: Tuần Giáo, Luân Châu, Lai Châu, Quỳnh Nhai, Thuận Châu.

Binh ngạch:

-Lính tuyển: 136 người.

-Thổ dũng: 2.576 người.

-Thủ dũng: 200 người.

(Lệ mới đặt để đóng giữ 2 đồn Quán Ti và Trấn Hà).

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 8.976 người.

¹Tỉnh Hưng Hoá: Theo ĐNNTC: "Đất tỉnh Hưng Hoá thời Hùng Vương thuộc bộ Tân Hưng". Thời thuộc Đường là đất châu Lâm Tây (thuộc Phong Châu tổng quản). Đời Lý là đất Đãng Châu 登州. Đời Trần là đạo Đà Giang 沱江道, sau đổi là trấn. Năm Quang Thái 10 (1397) đổi làm trấn Thiên Hưng 天興鎮. Thời thuộc Minh đổi đặt làm 2 châu Gia Hưng 嘉興州 và Quy Hoá 歸化州. Đầu đời Lê Thái Tổ là 2 lộ Gia Hưng và Quy Hoá, đặt thuộc Tây đạo. Năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông định bản đồ trong cả nước, đặt thừa tuyên Hưng Hóa 興化承宣 (sau gọi là xứ), gồm 3 phủ Gia Hưng, Quy Hoá và Yên Tây. Đời Mạc gọi là trấn. Đầu đời Gia Long vẫn gọi là trấn Hưng Hoá 興化鎮, gồm 3 phủ, 4 huyện, 16 châu (phủ Gia Hưng: huyện Thanh Xuyên và 10 châu: Sơn La, Tuần Giáo, Thuận, Mai, Việt, Ninh Biên, Mộc, Đà Bắc, Phù Hoa, Mai Sơn. Phủ Quy Hoá: 3 huyện: Văn Chấn, Trấn Yên, Yên Lập và 2 châu: Thủy Vĩ, Văn Bàn. Phủ Yên Tây: 4 châu: Chiêu Tấn, Luân, Quỳnh Nhai, Lai). Năm Minh Mệnh 12 (1831) cắt huyện Tam Nông trước thuộc Sơn Tây nhập vào Hưng Hoá, đổi gọi là tỉnh Hưng Hoá 興化省. Năm Minh Mệnh 14 (1833) tách huyện Thanh Xuyên thành 2 huyện Thanh Sơn và Thanh Thủy. Năm Thiệu Trị 1 (1841) tách các châu Ninh Biên, Tuần Giáo và Lai Châu lập thêm phủ mới là phủ Điện Biên. Từ đó cho đến đời Đồng Khánh không thay đổi. Nay là đất các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, các huyện Văn Chấn, Trấn Yên, Văn Yên tỉnh Yên Bái, các huyện Thanh Sơn, Thanh Thủy, Yên Lập tỉnh Phú Thọ, các huyện Đà Bắc, Mai Châu tỉnh Hòa Bình.

Ruộng đất:

-Ruộng đất công tư các hạng: 19.294 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 15.054 quan.

-Thuế sản phẩm quy thành tiền: 2.805 quan.

-Nộp bằng thóc: 7.720 hộc.

Phong tục:

Các phủ huyện châu trong tỉnh người Kinh, người Thanh, người Thổ (Thái)¹, Nùng, Mán ở xen lẫn nhau. Phong tục của người Kinh trong tỉnh thì đơn hậu, chất phác, tương đối biết lễ nghĩa phép tắc. Sĩ, nông, công, thương đều có nghề nghiệp nhất định. Ngôn ngữ chữ viết, ăn mặc vật dụng quanh năm giống như phong tục tỉnh Sơn Tây. Các châu huyện ở thượng du rải rác có người Thanh (Trung Quốc) cư trú, phong tục theo nước Thanh, tương đối xa xỉ. Tập tục người Nùng thì quá quê mùa hủ lậu. Người Thổ (Tày) ở nhà sàn lợp lá, khai khẩn ruộng ở chỗ đất bằng, dân cư ở bìa rừng hay bên khe suối không giống nhau. Người Mán tùy theo đất mà di cư, dựa vào núi làm nhà, phát nương làm rẫy, sống nhờ nguồn lợi ở rừng. Nói chung người Thổ (Tày), người Mán tính tình phần nhiều là hung hãn, tục chuộng tàn tiện chất phác. Đàn ông thì bắt cá, săn bắn, làm ruộng. Cũng có nơi đàn bà con gái làm nghề nuôi tằm, dệt lụa. Ăn thì phần nhiều là ăn gạo nếp, mặc thì dùng vải nhuộm chàm, dùng túi vải đựng con ở sau lưng, dùng ống tre ống vầu để lấy nước. Khi ốm đau thì cầu đảo. Gả con gái thì cho đến ở rể. Còn việc tang ma, cúng tế hàng năm thì chỉ có thổ hào, mán trưởng dẫn nhiệm theo phong tục của người Kinh, còn dân thường chỉ làm qua loa đại khái, khác phong tục người Kinh.

Sản vật:

Nhiều lúa thu, ít lúa hè. Khoai, đậu, cam, quýt và các sản vật sản xuất chăn nuôi thông thường thì nơi nào cũng có, nhưng không nhiều lắm. Trong rừng thì có các loại: thảo quả, tre vầu², nứa, tre hoa, gỗ sến, gỗ táu, củ nâu v.v..., cùng là chim thú như gà rừng, hoạ mi, vẹt, hươu nai, hổ, báo, lợn rừng, dê, gấu. Ở sông thì có: ba ba, cá chiên, cá mè. Hàng hoá thì có sa nhân, vỏ gai, vỏ dó³, sáp ong, cánh kiến, vải thô, thổ cẩm. Duy huyện Tam Nông có nghề dệt vải trắng, làm sơn sống, theo lệ chịu thuế. Còn như mỏ vàng ở Sơn La, Mai Châu, mỏ diêm tiêu, mỏ lưu huỳnh ở Thuận Châu đã vãng làm tập tâu xin tạm hoãn [nộp thuế]. Mỏ vàng ở Văn Chấn, mỏ vàng và mỏ đồng ở Thủy Vĩ, mỏ bạc ở Chiêu Tấn, Tuần Giáo, mỏ đồng ở Trấn Yên, Lai Châu, Mai Sơn, Yên Châu, mỏ diêm tiêu ở Mai Sơn thì đã đóng cửa mỏ, hiện đang sức cho tiến hành khám thực.

Khí hậu:

Trong toàn tỉnh tháng giêng mưa dầm, tháng 2, 3 khí hậu ấm áp dễ chịu. Tháng 5, 6 nắng gắt. Tháng 7, 8 nhiều mưa gió, thỉnh thoảng có lốc. Tháng 10 hết sấm, tháng 11 gió rét, tháng 12 rét đậm, ít mưa, bắt đầu có sấm. Khí đất thì ở núi khô ráo, ở đất thì ẩm ướt, thời tiết khí hậu như thường. Ruộng vụ hè thì tháng 9 gieo mạ, tháng 12 xuống cấy, tháng 4 gặt lúa. Ruộng vụ thu thì tháng 4 gieo mạ, tháng 6 xuống cấy, tháng 10 gặt lúa, cũng giống như vùng trung du. Các châu huyện miền thượng du thì dân đều ở núi. Khí hậu vừa thay đổi là lạnh nóng đã khác nhau. Vừa nắng đã thấy nóng, chưa rét đã

¹Nguyên văn: Thổ. Ngày trước khoa dân tộc học chưa phát triển, việc ghi tên các dân tộc ít người thường chỉ ghi theo thói quen như Mán, Lạc v.v... Tên gọi người Thổ cũng khá phổ biến. Chẳng hạn ở Lạng Sơn, ghi Thổ tức chỉ người Tày, ở Thanh Hoá Thổ chỉ cả người Mường, người Thái, ở Hưng Hoá (như phủ Điện Biên) thì Thổ chỉ người Thái. Hiện chưa có tài liệu chính xác nào để tra cứu vấn đề này, nhưng để tiện cho sự tham khảo của độc giả, chúng tôi cố gắng tra tìm căn cứ tương đối để ghi thêm trong ngoặc: Thổ (Tày), Thổ (Mường), Thổ (Thái). Những trường hợp không thật rõ thì vẫn để theo chữ dùng trong nguyên văn.

²Ngv.: Thanh trúc 靑竹: NPDVBK: "Thanh trúc, là Tre vầu vỏ xanh" (Mộc loại, 35b).

³Ngv.: chữ bì, tức vỏ cây dó để làm giấy.

lạnh. Khí đất thì ở chỗ cao khí khô, chỗ thấp thì khí ẩm, khí núi bốc ngùn ngụt. Ban ngày đến giờ Thìn, giờ Tỵ (gần trưa) chưa tan hết sương mù, cho nên nhiều khí lam chướng, đặc biệt là tháng 3 và tháng 9 là hai tháng lam chướng nặng nề nhất. Nước ở các khe núi và các nhánh sông rất độc. Đất ruộng thì phân nhiều men theo núi mà canh tác, ngăn khe mà cấy lúa. Nhà làm ruộng núi thì nhiều ngô, nhà làm ruộng đồng thì nhiều thóc nếp, còn lúa tẻ thì rất ít. Mỗi khi mưa lâu ngập úng thì nhà nông mất mùa, có lẽ vì khắp nơi đều là núi mà khe ngòi cạn hẹp nên nước thoát rất chậm.

Sông núi:

Trong tỉnh nhiều núi, những núi có tên thì có:

-Núi Động Đình: ở Yên Châu.

-Núi Pha Lung: ở Mộc Châu.

-Núi Hùng Nhĩ: ở Thanh Sơn.

-Núi Chuyên Thiệt: ở Thanh Thủy.

Thứ đến:

-Thanh Sơn còn có núi Trường Sơn, núi Thu Cúc.

-Thanh Thủy còn có núi Thục Luyện.

-Mộc Châu còn có núi Lỗ Động, núi Phong Huyệt, núi Yên Huyệt.

-Sơn La có núi Ban Sơn, núi Ca, núi Nạp.

-Mai Sơn có núi Hiền Sơn, núi Tượng Sơn.

-Văn Chấn có núi Chi Sơn, núi Bút Sơn.

-Trần Yên có núi Cái Đỉnh, núi Mỏ Cò¹.

-Thủy Vĩ có núi Loan Nương, núi Cổ Lôi, núi Cổ Tốt, núi Chiêu, núi Ái.

-Văn Bàn có núi Lan Sơn, núi Loan Khoá, núi Nghi, núi Mã Yên.

-Tuần Giáo có núi Hào, núi Phú Thành.

-Luân Châu có núi Quảng, núi Thạch Trản.

-Chiêu Tấn có núi Phong Cương, núi Ngũ Tiên, núi Cương, núi Kha.

-Ninh Biên có núi Hiền Liêu, núi Cổ Thành, núi Phạ.

-Thuận Châu có núi Xích Thổ, núi Đốc, núi Tương, núi Lung.

-Lai Châu có núi Liên, núi Lai, núi Chân Thạch, núi Càn Ca.

-Phù Yên có núi Thạch Lãng, núi Thính Đáp, núi Thái, núi Lai, núi Thục Luỹ.

-Mai Châu có núi Hành Sơn, núi Xích Thạch, núi Nữ Vương, núi Tiên Biều, núi Bàn Sơn.

-Đà Bắc có núi Tâm Cảnh, núi Cử, núi Than, núi Roi, núi Ngải, núi Long Môn, núi Ninh, núi Cấn, núi Thân Cốc.

-Yên Lập có núi Quang, núi Hộ, núi Trâm Trí, núi Tượng Khẩu.

Đường sông trong tỉnh hạt, nêu những sông lớn thì chỉ có sông Thao, sông Đà. Thứ đến thì có sông Mã, sông Mỹ, sông Xuân Đài, sông Thục Luyện, sông Kim Tử, sông Ngưu Giang, sông Sâm Giang, sông Lôi Giang, sông Phù Yên, sông Na Giang, sông Nậu Giang.

Danh thắng:

Huyện Tam Nông có:

Đền Văn miếu Khải Thánh, miếu Hội đồng, miếu Thành hoàng đều ở địa phận xã Trúc Khê.

¹Ngv.: Mỏ vụ 喋窩, chữ 窩 (vụ) đọc theo nghĩa là "con cò".

Huyện Thanh Sơn có đền sơn thần Tản Viên, đền Quan Công, đền Trần Đại tướng, đền thần Linh Ý.

Huyện Thanh Thủy có đền Đình đại tướng quân.

Châu Đà Bắc có đền thần đê Long Thủy.

Châu Mai Sơn có đền thần Hoàn Giang.

Châu Phù Yên có đền sơn thần Tản Viên.

Châu Ninh Biên có chùa Cổ Thành.

Huyện Trấn Yên có đền thần Diệp phu nhân, đền thần Vệ quốc.

Châu Văn Bàn có đền thần Vệ quốc.

Châu Thủy Vĩ có đền Quan Công, đền Liễu Hạnh Công chúa, đền Long Vương.

Đường đi:

-Một đường quan báo phía đông từ trạm Sơn Quang tỉnh Sơn Tây qua bến Hạ Nông của sông Đà, qua trạm Hưng Nông, qua bến Trúc Khê của sông Thao, đến trạm Sơn Thạch tỉnh Sơn Tây, dài 70 dặm, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ thành tỉnh đi về phía nam, qua bến sông Đà ở suối Thập châu Phù Yên. Lại qua các phủ, huyện, châu: Mai Sơn, Sơn La, Thuận Châu, Tuần Giáo, Điện Biên đến giáp nước Nam Chưởng, dài 1.250 dặm, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ thành tỉnh đi về phía tây, qua bến đò Mỹ Hà huyện Tam Nông, qua 2 huyện Cẩm Khê, Hạ Hòa tỉnh Sơn Tây, đến huyện lỵ Văn Chấn, dài 160 dặm 11 trượng, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ thành tỉnh đi về phía tây qua bến Mỹ Hà huyện Tam Nông, lại qua 2 huyện Cẩm Khê, Mỹ Hà tỉnh Sơn Tây, lại qua 3 huyện châu Trấn Yên, Văn Bàn, Thủy Vĩ đến giáp nước Thanh, dài 960 dặm, 5 trượng, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ thành tỉnh đi về phía tây, qua bến đò Mỹ Hà huyện Tam Nông, qua 2 huyện hạt Cẩm Khê, Hạ Hòa tỉnh Sơn Tây, lại qua 2 huyện, châu Trấn Yên, Văn Bàn đến châu lỵ châu Chiêu Tấn, dài 500 trượng, rộng 3 thước.

PHỦ GIA HƯNG

Phủ lỵ chưa xây dựng, số dặm trượng đông, tây, nam, bắc chưa rõ.

Phủ Gia Hưng¹ thống hạt 3 huyện: Tam Nông, Thanh Sơn, Thanh Thủy và 7 châu: Sơn La, Mai Sơn, Phù Yên, Mai Châu, Đà Bắc, Mộc Châu, Yên Châu, gồm 20 tổng.

1-**Huyện Tam Nông**, 5 tổng:

- | | | | |
|-----------------|------------------|--------------------|--------------|
| 1.Tổng Văn Lang | 2.Tổng Hiền Quan | 3.Tổng Thượng Nông | 4.Tổng Tứ Mỹ |
| 5.Tổng Dị Nậu | | | |

¹Phủ Gia Hưng 嘉興府: Đồi Lý là đất đạo Lâm Tây 臨西道, đồi Trần thuộc trấn Thiên Hưng 天興鎮. Thời thuộc Minh tách ra đặt châu Gia Hưng. Đầu đời Lê Thái Tổ là lộ Gia Hưng thuộc Tây đạo. Năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông đổi làm phủ Gia Hưng (thuộc thừa tuyên Hưng Hóa), gồm huyện Thanh Xuyên và 10 châu: Sơn La, Tuần Giáo, Thuận, Mai, Việt, Ninh Biên, Mộc, Đà Bắc, Phù Hoa, Mai Sơn. Các triều sau vẫn theo như thế. Năm Minh Mệnh 12 (1831) tách huyện Tam Nông nguyên thuộc trấn Sơn Tây nhập vào phủ Gia Hưng. Năm Minh Mệnh 14 (1833) tách huyện Thanh Xuyên làm 2 huyện Thanh Sơn và Thanh Thủy. Năm Thiệu Trị 1 (1841) tách 2 châu Ninh Biên và Tuần Giáo sang phủ Điện Biên mới lập. Khoảng cuối Tự Đức đầu Đồng Khánh lại tách Thuận Châu sang phủ Điện Biên (trong ĐNNTC Thuận Châu vẫn thuộc phủ Gia Hưng). Như vậy, đến đời Đồng Khánh phủ Gia Hưng có 3 huyện và 7 châu, bao gồm phần đất nay thuộc các huyện Đà Bắc, Mai Châu tỉnh Hòa Bình, tỉnh Sơn La, các huyện Thanh Sơn, Tam Thanh tỉnh Phú Thọ.

2-Huyện Thanh Sơn, 3 tổng:

- 1.Tổng Phương Giao 2.Tổng Xuân Đài 3.Tổng Kiệt Sơn

3-Huyện Thanh Thủy, 2 tổng:

- 1.Tổng Yên Lãng 2.Tổng Cự Thắng

4-Châu Sơn La: Chưa đặt tổng.**5-Châu Mai Sơn**, 1 tổng:

- 1.Tổng Trình Cát

6-Châu Phù Yên, 2 tổng:

- 1.Tổng Quang Huy 2.Tổng Tường Phong

7-Mai Châu, 2 tổng:

- 1.Tổng Bạch Mai 2.Tổng Thanh Mai

8-Châu Đà Bắc, 2 tổng:

- 1.Tổng Hiền Lương 2.Tổng Đức Nhân

9-Mộc Châu, 2 tổng:

- 1.Tổng Mộc Thượng 2.Tổng Mộc Hạ

10-Yên Châu, 1 tổng:

- 1.Tổng Sách Lâm

Binh ngạch:

- Lính tuyển: 118 người.
- Thổ dũng: 1.059 người.

Nhân đinh:

- Đinh số chính nạp: 4.750 người.

Ruộng đất:

- Ruộng đất công tư các hạng: 14.498 mẫu.

Thuế cả năm:

- Nộp bằng tiền: 9.114 quan.
- Thuế sản vật quy thành tiền: 48 quan.
- Nộp bằng thóc: 6.423 hộc.

Phong tục:

Cả huyện Tam Nông và 1 tổng của huyện Thanh Sơn (tổng Phương Giao) đều là người Kinh, đủ cả bốn hạng dân sĩ, nông, công, thương. Tục cưới xin, tang ma, cúng tế, ngôn ngữ, chữ viết giống như vùng trung châu. Các châu huyện miền thượng du rải rác có người Thanh cư trú, theo phong tục nước Thanh, tương đối xa xỉ. Người Thổ làm nhà sàn lợp lá, vỡ đất làm ruộng ở chỗ đất bằng. Người Mán đốt nương làm rẫy, sống nhờ vào nguồn lợi rừng. Có Mán Trắng, Mán Đen¹, tục còn gọi là Xá Đeo Tiên². Phong tục của họ có chỗ giống nhau, chỗ khác nhau. Đại để đều làm các nghề nông tang, đánh cá, săn bắn. Còn như việc cúng tế hàng năm thì chỉ có Thổ hào, Mán trưởng dần dần theo phong tục người Kinh, còn dân thường thì không cúng tế.

¹ Ngv. Bạch tộc và Hắc tộc. Gọi là Mán Trắng, Mán Đen là phân biệt theo thói quen mặc quần trắng hay quần đen.

² Người Mán, tức dân tộc Xá. Gọi là Xá Đeo Tiên vì đàn ông người Xá thường dùng dây xâu 7 đồng tiền đeo ở sau lưng.

Sản vật:

Các loại lúa nếp, lúa tẻ, khoai, đậu, ngô thì các huyện, châu trong phủ nơi nào cũng có, nhưng không được nhiều. Trong rừng có tre vầu, nứa, gỗ sến, gỗ táu, tồ mộc, sáp ong, sa nhân, vỏ đay, vỏ dỏ và các loài chim thú như gà rừng, hươu, nai, hổ, báo. Ở sông thì có cá chiên, cá mè, tôm, ba ba. Riêng huyện Tam Nông có dẹt vải trắng, làm sơn sống, chịu lệ đóng thuế. Còn như mỏ vàng thì có ở Mai Sơn, Sơn La, nhưng đã vãng làm tập tâu xin tạm hoãn. Sơn La, Phù Yên có mỏ diêm tiêu. Mai Sơn có 2 mỏ diêm tiêu. Mỏ đồng ở Mai Sơn, Yên Châu hiện đã đóng cửa mỏ, hiện đang tiến hành khám thực.

Khí hậu:

Hai huyện Tam Nông, Thanh Sơn ở gần thành tỉnh, khí hậu thường điều hoà. Khí đất thấp, ẩm ướt, nhưng thời tiết khí hậu cũng vẫn bình thường, ít khí lam chướng, gần giống như khí hậu ở tỉnh thành. Các châu, huyện thượng du thì những nơi ven núi thời tiết chỉ mới hơi thay đổi, rét nóng đã khác nhau. Khí đất cao ráo, mù lạnh bốc lên, cho nên nhiều khí lam chướng, đặc biệt là tháng 3 và tháng 9 là hai tháng lam chướng nặng nề nhất.

Sông núi:

Trong phủ hạt có nhiều núi, nêu những núi có tên: Huyện Thanh Sơn có núi Hùng Nhĩ. Yên Châu có núi Động Đình. Mộc Châu có núi Pha Lung. Thanh Thủy có núi Chuyền Thiệt.

Thứ đến: Huyện Thanh Sơn còn có núi Thu Cúc, núi Trường Sơn. Huyện Thanh Thủy còn có núi Thục Luyện. Châu Mai Sơn có núi Hiền Sơn, núi Tượng Sơn (núi Voi). Sơn La có núi Ban Sơn, núi Khau Ca, núi Khau Nạp. Châu Phù Yên có núi Thục Lũy, núi Thạch Lăng, núi Thính Đáp, núi Thái Sơn, núi Lai Sơn. Mộc Châu có núi Lỗ Động, núi Phong Huyệt, núi Yên Huyệt, Mai Châu có núi Hành Sơn, núi Xích Thạch, núi Nữ Vương, núi Tiên Biều, núi Bàn Sơn. Đà Bắc có núi Tâm Cảnh, núi Thán Sơn, núi Lôi Sơn, núi Ngải Sơn, núi Long Môn, núi Ninh Sơn, núi Cán Sơn, núi Thân Cốc.

Hai sông lớn:

-Một dòng sông lớn từ giang phận huyện Cẩm Khê tỉnh Sơn Tây chảy qua huyện Tam Nông của phủ hạt và thành tỉnh Hưng Hoá, hợp lưu với sông Đà. Đó là *sông Thao*.

-Một dòng sông lớn từ giang phận Quỳnh Nhai Thuận Châu phủ Điện Biên chảy qua các châu huyện Sơn La, Mai Sơn, Phù Yên, Mộc Châu, Mai Châu, Tam Nông của phủ hạt, hợp lưu với sông Thao. Đó là *sông Đà*.

Danh thắng:

Văn miếu tỉnh, đền Khải Thánh, miếu Hội đồng, miếu Thành hoàng đều ở địa phận xã Trúc Khê huyện Tam Nông.

Huyện Thanh Sơn có đền sơn thần Tản Viên, đền Quan Công, đền Trần Đại tướng, đền thần Linh Ý.

Huyện Thanh Thủy có đền Đình Đại tướng quân.

Châu Đà Bắc có đền thần đê Long Thủy.

Châu Mai Sơn có đền thần Hoàn Giang.

Châu Phù Yên có đền sơn thần Tản Viên.

Đường đi:

-Một đường quan báo từ bến đò Hạ Nông huyện Tam Nông qua trạm Hưng Nông, thành tỉnh Hưng Hoá đến bến đò Trúc Khê, dài 10 dặm 70 trượng, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ thành tỉnh Hưng Hoá qua huyện Tam Nông đến bến Mỹ Hà giáp huyện Cẩm Khê tỉnh Sơn Tây, dài 20 dặm 5 trượng, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ thành tỉnh Hưng Hoá qua các huyện, châu Tam Nông, Thanh Sơn, Phù Yên, Mai Sơn, Sơn La đến giáp Thuận Châu phủ Điện Biên, dài 650 dặm, rộng 4 thước.

HUYỆN TAM NÔNG

Tam Nông¹ là huyện thống hạt của phủ Gia Hưng.

Huyện lỵ đặt ở xã Cổ Tiết, tổng Văn Lang, chu vi 55 trượng 5 thước, bốn phía trồng rào tre. Mở một cửa trước.

Huyện giáp phía đông giáp huyện Sơn Vi tỉnh Sơn Tây, phía tây giáp huyện Thanh Sơn, phía nam giáp huyện Bất Bạt tỉnh Sơn Tây, phía bắc giáp huyện Cẩm Khê tỉnh Sơn Tây.

Đông tây cách nhau 41 dặm. Nam bắc cách nhau 48 dặm.

Huyện có 5 tổng:

1-Tổng Văn Lang, 9 xã:

1.Xã Văn Lang	2.Xã Cổ Tiết	3.Xã Danh Hựu	4.Xã Xuân Quang
5.Xã Nam Cường	6.Xã Phú Cường	7.Xã Tự Cường	8.Xã Phụ Cường
9.Xã Thanh Uyên			

2-Tổng Hiền Quan, 6 xã:

1.Xã Hiền Quan	2.Xã Gia Dụ	3.Xã Thu Trường ²	4.Xã Hương Nha
5.Xã Gia Áo ³	6.Xã Vực Trường		

3-Tổng Thượng Nông, 5 xã:

1.Xã Thượng Nông	2.Xã Hạ Nông	3.Xã Dậu Dương	4.Xã Sơn Cương
5.Xã Trúc Phê			

4-Tổng Tứ Mỹ, 8 xã:

1.Xã Tứ Mỹ	2.Xã Phương Quan	3.Xã Tê Lỗ	4.Xã Hùng Đô
5.Xã Bình Lỗ	6.Xã Vệ Đô	7.Xã Vũ Sái	8.Xã Quang Húc

5-Tổng Dị Nậu, 6 xã:

1.Xã Dị Nậu	2.Xã Hạ Nậu	3.Xã Dực Vệ ⁴	4.Xã Hương Nộn
5.Xã Thọ Xuyên	6.Xã Đức Phong		

Binh ngạch:

- Lính tuyển: 41 người.
- Thổ dũng: 270 người.

Nhân đinh:

- Đinh số chính nạp: 856 người.

Ruộng đất:

- Ruộng đất công tư các hạng: 9.774 mẫu.

¹Huyện Tam Nông 三農縣: Từ đời Trần về trước là châu Cổ Nông 古農州. Thời thuộc Minh vẫn gọi là châu Cổ Nông, đặt thuộc phủ Tam Giang. Năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông định bản đồ toàn quốc, đổi tên là huyện Tam Nông thuộc phủ Đà Dương thừa tuyên Sơn Tây. Khoảng niên hiệu Vĩnh Thịnh (1705-1719) đặt thuộc phủ Lâm Thao. Năm Minh Mệnh 12 (1831) đổi thuộc phủ Gia Hưng. Nay chủ yếu là đất huyện Tam Thanh tỉnh Phú Thọ.

²Xã Thu Trường: từ đầu Nguyễn trở về trước là xã Hoa Trường 華場. Đầu đời Thiệu Trị kiêng húy chữ Hoa, đổi là Thu Trường 秋場.

³Xã Gia Áo: từ đầu Nguyễn trở về trước là xã Triền Áo 屨襖. Từ năm Thiệu Trị kiêng chữ Triền (cận âm với tên húy vua Thiệu Trị), đổi là Gia Áo 嘉襖.

⁴Xã Dực Vệ: Từ đời Tự Đức về trước là xã Hộ Vệ 護衛, theo lệnh kiêng húy tháng 5 năm Kiến Phúc 1 (7-1884) kiêng chữ Hộ (đồng âm với tên húy vua Kiến Phúc Ứng Hồ, x. NCCHVN, tr.162), đổi là xã Dực Vệ 翼衛.

Thuế cả năm:

- Nộp bằng tiền: 3.452 quan.
- Thuế sản vật quy ra tiền: 48 quan.
- Nộp bằng thóc: 5.203 hộc.

Phong tục:

Dân trong huyện thuần hậu, cần kiệm, tương đối biết lễ nghĩa. Sĩ, nông, công, thương đều an phận thủ thường. Ngôn ngữ, chữ viết, áo quần, đồ dùng, các tiết thờ cúng trong năm cũng giống như vùng trung châu.

Sản vật:

Các thứ hoa lợi như lúa, khoai, đậu, các súc vật chăn nuôi thông thường cũng giống như huyện khác, duy ở xã Hiền Quan có dệt vải trắng, xã Cổ Tiết, Văn Lang, Tú Mỹ, Dị Nậu có nghề làm sơn sống, chịu lệ đóng thuế.

Khí hậu:

Khí hậu mưa thuận gió hoà, mùa hạ trời nắng, mùa đông trời lạnh. Khí đất ở núi bình thường, ở đất ẩm ướt, thời tiết bình thường. Việc nông theo mùa, cây cỏ thưa thớt, ít khí lam chướng.

Sông núi:

Huyện hạt không có núi có tiếng.

-Một dòng sông lớn từ chỗ giáp giang phận huyện Cẩm Khê quanh co chảy qua 4 tổng Tú Mỹ, Hiền Quan, Văn Lang, Dị Nậu, rồi qua tổng Thượng Nông, bến Trúc Phê đến xã Hạ Nông, hợp lưu với sông Đà. Đó là *sông Thao*, dài 48 dặm. Trong đó:

- Đoạn sông từ giang phận huyện Cẩm Khê đến bến Trúc Phê dài 38 dặm, rộng trên dưới 87 trượng, sâu trên dưới 1 trượng 5 thước.
- Đoạn sông từ bến Trúc Phê đến xã Hạ Nông dài 10 dặm, rộng trên dưới 91 trượng 3 thước, sâu trên dưới 1 trượng 3 thước.

-Một dòng sông lớn từ chỗ giáp giang phận huyện Bát Bạt qua 2 xã Sơn Động, Hạ Nông, hợp lưu với sông Thao. Đó là *sông Đà* dài 4 dặm, rộng trên dưới 115 trượng, sâu trên dưới 1 trượng 5 thước.

-Một sông nhỏ từ chỗ giáp giang phận huyện Thanh Sơn qua các xã Vũ Sái, Tê Lỗ, Hùng Đô, Vệ Đô, đến bến đò xã Tú Mỹ giáp giang phận huyện Cẩm Khê, đến sông Thao. Đó là sông Mỹ Hà dài 25 dặm, rộng trên dưới 17 trượng, sâu 8 thước.

Danh thắng:

Văn miếu tỉnh, đền Khải Thánh, miếu Hội đồng, miếu Thành hoàng đều ở địa phận xã Trúc Phê.

Đường đi:

-Một đường quan báo từ bến đò xã Hạ Nông giáp giang phận huyện Bát Bạt tỉnh Sơn Tây qua trạm Hưng Nông đến bến đò xã Trúc Phê, giáp giang phận huyện Sơn Vi tỉnh Sơn Tây, dài 10 dặm 70 trượng, rộng 1 trượng.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía bắc qua xã Tú Mỹ đến bến đò Mỹ Hà giáp huyện Cẩm Khê tỉnh Sơn Tây, dài 12 dặm, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía nam, qua xã Tú Mỹ men theo bờ tả ngạn sông Mỹ Hà đến giáp huyện Thanh Sơn, dài 21 dặm 88 trượng 8 thước, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông, qua các xã Hạ Nậu, Trúc Phê đến thành tỉnh, dài 8 dặm 5 trượng, rộng 5 thước.

HUYỆN THANH SƠN

Thanh Sơn¹ là huyện thống hạt của phủ Gia Hưng.

Huyện lỵ đặt ở xã Phương Giao tổng Phương Giao, chu vi 58 trượng. Bốn phía trồng rào tre, mở 1 cửa trước.

Huyện hạt phía đông giáp huyện Bát Bạt tỉnh Sơn Tây, phía tây giáp châu Phù Yên, phía nam giáp huyện Thanh Thủy, phía bắc giáp huyện Tam Nông.

Đông tây cách nhau 146 dặm. Nam bắc cách nhau 77 dặm.

Huyện có 3 tổng:

1-Tổng Phương Giao, 4 xã:

1.Xã Phương Giao 2.Xã Hùng Nhĩ 3.Xã Hùng Vĩ 4.Xã Tang Ma

2-Tổng Xuân Đài, 5 xã:

1.Xã Xuân Đài 2.Xã Địch Quả 3.Xã Long Cốc 4.Xã Cự Bành
5.Xã Văn Lung

3-Tổng Kiệt Sơn, 4 xã:

1.Xã Kiệt Sơn 2.Xã Thạch Kiệt 3.Xã Lai Đồng 4.Xã Thu Cúc

Binh ngạch:

-Lính tuyển: 57 người.

-Thổ dũng: 30 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 673 người.

Ruộng đất:

(Trong huyện hạt không có đất các hạng).

Ruộng công, tư: 1.428 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 1.053 quan.

-Nộp bằng thóc: 372 hộc.

Phong tục:

Tập tục người Kinh ở một tổng Phương Giao cũng giống các huyện khác. Còn lại thì người Thổ nhanh nhẹn giỏi bắn, tập tục cần kiệm, tương đối có biết chữ. Đàn ông cày ruộng, đàn bà dệt vải, gác sàn làm nhà, đặt máng lấy nước giã gạo. Năm hạn thì làm xe guồng để tưới nước. Lúc nông nhàn thì chặt tre đốn gỗ kiếm sống. Phong tục hơi khác với người trung du. Duy có phố Minh Hương tương đối xa xỉ.

Sản vật:

Trong huyện đều trồng lúa vụ thu, chỉ xã Phương Giao trồng lúa hè. Vùng núi phần nhiều trồng khoai, đậu. Cây cối thì có cây tô mộc, xoan, gỗ sến, gỗ táu, nứa. Súc vật thường nuôi cũng giống như huyện khác.

¹Huyện Thanh Sơn 淸山縣: Đời Lý Trần là đất đạo Lâm Tây. Thời thuộc Minh là huyện Lung. Năm Quang Thuận 10 (1469) định bản đồ toàn quốc, đổi gọi là huyện Thanh Nguyên 淸源縣 thuộc phủ Gia Hưng. Đầu đời Mạc Phúc Nguyên (1547-1561) kiêng húy chữ Nguyên, đổi làm huyện Thanh Xuyên 淸川縣. Đời Lê Trung hưng, kiêng tên tước của Thanh vương 淸王 Trịnh Tráng (1623-1657) đổi là huyện Thanh Xuyên 淸川縣. Năm Minh Mệnh 14 (1833) tách huyện Thanh Xuyên làm 2 huyện Thanh Sơn 淸山縣 và Thanh Thủy 淸水縣. Nay thuộc huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ.

Khí hậu:

Khí hậu bốn mùa thường điều hoà, không quá nóng cũng không quá rét. Ruộng vụ thu tháng 4 gieo mạ, tháng 6 xuống cấy, tháng 10 gặt. Khí đất ở núi cao khô, ở đất ẩm thấp, ít có lam chướng.

Sông núi:

Xã Hùng Nhĩ có núi Hùng Nhĩ, xã Thu Cúc có núi Thu Cúc, xã Phương Giao có núi Trường Sơn.

-Một sông nhỏ từ các xã Thu Cúc, Lai Đồng chảy qua xã Hùng Vĩ đến giáp giang phận huyện Tam Nông đổ vào sông Thao. Đó là *sông Mỹ Hà*, dài 125 dặm, rộng trên dưới 15 trượng, sâu trên dưới 9 thước.

-Một sông nhỏ từ chỗ giáp giang phận châu Đà Bắc đến xã Xuân Đài, chảy vào sông Mỹ Hà. Đó là *sông Xuân Đài*, dài 155 dặm 10 trượng, rộng trên dưới 10 trượng, sâu trên dưới 8 thước.

-Một sông nhỏ từ chỗ giáp giang phận huyện Thanh Thủy qua các xã Cự Bành, Văn Lung thông vào sông Mỹ Hà. Đó là *sông Thục Luyện*, dài 28 dặm, rộng trên dưới 10 trượng, sâu 8 thước.

Danh thắng:

-Đền sơn thần Tản Viên: ở xã Hùng Nhĩ, sự tích xem ở phần ghi về tỉnh Sơn Tây.

-Đền Quan Công: ở phố Minh Hương.

-Đền Trần Đại tướng: ở xã Văn Lung. Đại tướng quân (khuyết họ tên) đời Trần cầm quân đi dẹp giặc, tử trận tại đây. Người Thổ thờ ông. Có thuyết nói thần là người bản xứ, sức vóc dũng cảm hơn người. Cuối đời Trần, Ai Lao vào xâm lấn, ông đem quân đi đánh, dẹp tan quân giặc, khi trở về ông hoá ở bên đò Mỹ Hà, từ đó hiển linh, người địa phương dựng đền thờ, đề biển là "Vũ công miếu".

-Đền thần Linh Ý: ở xã Phương Giao. Tương truyền đầu đời nhà Đinh có người bản xứ họ Ưông, một hôm người vợ ra ruộng cấy lúa, gặp lúc trời nổi mưa to sấm chớp, phải ngủ lại trên núi. Đêm đến thấy một luồng sáng từ trên trời bay xuống vây quanh người, bà cảm động rồi có thai. Bà sinh được một người con gái nhan sắc xinh đẹp, tính tình đoan trang, người trong làng gọi là người Tiên. Về sau người con gái ấy mất ở trên núi, đúng nơi khi trước người mẹ tránh mưa. Thi hài người con gái ấy chưa kịp chôn thì sáng hôm sau đã thấy mối đùn lên thành mộ. Sau đó có lúc trời đang mưa gió mà ở chỗ đó thì lại tạnh ráo, hoặc có lúc trời tối đen mà nơi đó lại sáng. Người địa phương lập đền phụng thờ.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông, qua xã Tang Ma, đến giáp huyện Bát Bạt tỉnh Sơn Tây, dài 10 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía Nam, qua Hùng Vĩ, Thục Luyện (thuộc huyện Thanh Thủy) lại chuyển về phía tây, qua các xã Dịch Quả, Long Cốc, Thạch Kệ, Lai Đồng, Thu Cúc đến giáp châu Phù Yên, dài 250 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía bắc đến thành tỉnh, dài 3 dặm, rộng 5 thước.

HUYỆN THANH THỦY

Huyện Thanh Thủy¹ là huyện thống hạt của phủ Gia Hưng và do huyện Thanh Sơn kiêm nhiếp.

Huyện hạt phía đông giáp huyện Bát Bạt tỉnh Sơn Tây, phía tây giáp huyện Thanh Sơn, phía nam giáp huyện Bát Bạt tỉnh Sơn Tây, phía bắc giáp huyện Thanh Sơn.

¹Huyện Thanh Thủy 清水縣: Nguyên là đất huyện Thanh Xuyên (xem chú thích về huyện Thanh Sơn). Năm Minh Mệnh 14 (1833) tách huyện Thanh Xuyên làm 2 huyện Thanh Sơn và Thanh Thủy. Nay đều thuộc đất huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ.

Đông tây cách nhau 87 dặm. Nam bắc cách nhau 230 dặm.

Huyện có 2 tổng:

1-Tổng Yên Lãng, 4 xã:

1.Xã Yên Lãng 2.Xã Hương Càn 3.Xã Thái Càn 4.Xã Khả Cửu

2-Tổng Cự Thắng, 8 xã:

1.Xã Cự Thắng 2.Xã Cự Đông 3.Xã Thắng Sơn 4.Xã Phù Lao
5.Xã Thục Luyện 6.Xã Thạch Khoán 7.Xã Sơn Vi 8.Xã Bách Thắng

Binh ngạch:

-Lính tuyển: 20 người.

-Thổ dũng: 283 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 402 người.

Ruộng đất:

(Trong huyện không có các hạng đất).

Ruộng công tư các hạng: 578 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 576 quan.

-Nộp bằng thóc: 152 hộc.

Phong tục:

Tập tục ngôn ngữ của người Thổ trong huyện hạt cũng giống như người Thổ ở huyện Thanh Sơn. Người Mán phát nương đốt rẫy, sống du canh du cư, [có một số] dần dần theo tục người Kinh, các dân khác thì không thế.

Sản vật:

Lúa, khoai, đậu, tre, gỗ, gia súc các nơi trong huyện cũng đều có cả. Duy ở vùng rừng rải rác có gà rừng, hươu, nai.

Khí hậu:

Khí hậu mưa gió lạnh nóng đều bình thường. Khí đất ở núi thì cao khô, ở đất thì ẩm ướt. Thời vụ làm nông theo mùa. Lá rụng trên núi trong rừng dồn đóng trong hang trong suối, khi mưa lũ xuống thì khe suối nhiễm độc, nhất là tháng 3 và tháng 9 là hai tháng nước độc khá nặng nề.

Sông núi:

Xã Cự Thắng có núi Chuyên Thiết. Xã Thục Luyện có núi Thục Luyện.

-Một sông nhỏ từ xã Khả Cửu chảy xuống, qua xã Thục Luyện đến giáp giang phận huyện Thanh Sơn. Đó là sông Thục Luyện, dài 2 dặm 80 trượng, rộng trên dưới 10 trượng, sâu trên dưới 8 thước.

Danh thắng:

-Đền Đinh Đại Tướng quân: ở xã Thạch Khoán. Thân họ Đinh, huý là Công Mộc, người huyện Thanh Thủy, có công giúp vua Lê Thái Tổ, được phong là Đại tướng quân, tước Thành Vũ quận công, cai quản binh dân bản xứ. Sau khi tướng quân mất, dân áp lập đền thờ.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ phía bắc giáp huyện Thanh Sơn, qua các xã Thạch Khoán, Phù Lao, Sơn Vi, Cự Thắng, Cự Đông, Hương Càn, Yên Lãng đến giáp huyện Bát Bạt tỉnh Sơn Tây, dài 75 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ phía bắc giáp huyện Thanh Sơn, qua các xã Thạch Khoán, Phù Lao, Sơn Vi, Cự Thắng, Cự Đông, Hương Càn, Khả Cửu đến giáp châu Đà Bắc, dài 100 dặm 15 trượng, rộng 3 thước.

CHÂU SƠN LA

Sơn La¹ là châu thống hạt của phủ Gia Hưng.

Châu lỵ đặt ở xã Trình La, chu vi 60 trượng. Bốn phía trồng rào tre, mở một cửa trước.

Châu hạt phía đông giáp châu Phù Yên, phía tây giáp Thuận Châu, phía nam giáp châu Mai Sơn, phía bắc giáp huyện Văn Chấn.

Đông tây cách nhau 203 dặm. Nam bắc cách nhau 195 dặm.

Châu có 4 xã (chưa đặt tổng):

1.Xã Trình La

2.Xã Hiếu Trai

3.Xã Nhân Lý

4.Xã Hương Mộ

Binh ngạch:

-Thổ dũng: 98 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 362 người.

Ruộng đất:

(Trong châu không có các hạng đất).

Ruộng tư: 792 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 589 quan.

-Nộp bằng thóc: 203 học.

Phong tục:

Trong châu hạt người Thổ (Thái) giọng nói lú lo, tập tục quê mùa, chất phác. Đàn ông cày ruộng cấy lúa, đàn bà trồng dâu nuôi tằm. Vỡ đất làm ruộng ở chỗ đất bằng, dựng nhà sàn lợp lá. Người Mán dựa vào núi đắp đất làm nhà, đốt nương làm rẫy, sống du canh du cư. Còn như các lễ chúc mừng điều viếng trong năm thì đều không có.

Sản vật:

Chất đất thích hợp trồng lúa nếp. Sản phẩm hàng hoá thì có vỏ đay, vải thô, gỗ thì phần nhiều là gỗ tạp. Cá thì có Hang Cá (có một cái hang có rất nhiều loại cá này cho nên gọi tên như vậy). Hươu, nai, gấu, hổ rải rác cũng có nơi có, súc vật thường nuôi thì cũng như ở các châu khác. Xã Hiếu Trai có sập ong, có mỏ vàng, nhưng châu đã làm tập tâu xin tạm hoãn [khai thác], lại có mỏ diêm tiêu đã đóng cửa, hiện đang tiến hành khám thực.

Khí hậu:

Mùa xuân, mùa hè phần nhiều nắng tạnh, mùa thu, mùa đông nhiều mưa. Khí đất cao khô. Việc nông thì trong châu hạt chỉ có ruộng vụ thu. Hơi núi bốc ào ào, che trùm cả cây cối, khí lam chướng rất nặng nề.

Sông núi:

Xã Trình La có núi Khau Nạp, núi Ban, núi Khau Ca.

-Một dòng sông lớn từ chỗ giáp giang phận châu Quỳnh Nhai, qua 2 xã Hiếu Trai, Hương Mộ đến giáp giang phận châu Phù Yên. Đó là sông Đà, dài 203 dặm. Trong đó:

¹Châu Sơn La 山羅州: Khi định bản đồ toàn quốc năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông, vùng này là đất Thuận Châu (gồm 4 động) thuộc phủ Gia Hưng. Năm Cảnh Hưng 40 (1779) tách đất Thuận Châu đặt thêm 3 châu là Sơn La, Mai Sơn và Tuần Giáo. Châu Sơn La nay thuộc huyện Mường La tỉnh Sơn La.

- Đoạn sông từ Quỳnh Nhai đến khe Ban xã Hiếu Trai dài 100 dặm, rộng trên dưới 19 trượng, sâu trên dưới 9 thước.
- Đoạn sông từ khe Ban xã Hiếu Trai đến giang phận châu Phù Yên dài 103 dặm, rộng trên dưới 50 trượng, sâu trên dưới 1 trượng.

Danh thắng:

Trong châu vốn không có nơi nào là danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía đông, qua các xã Hương Mộ, Nhân Lý, đến giáp châu Phù Yên, dài 250 dặm, rộng 2 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía tây, đến giáp Thuận Châu, dài 17 dặm, rộng 2 thước 6 tấc.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía nam, đến giáp châu Mai Sơn, dài 150 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía bắc, qua bến đò sông Đà ở xã Hương Mộ, đến giáp huyện Văn Chấn, dài 225 dặm, rộng 2 thước 7 tấc.

CHÂU MAI SƠN

Châu Mai Sơn¹ do phủ Gia Hưng thống hạt.

Châu lý ở xã Trình Ban tổng Trình Cát, chu vi 60 trượng, bốn phía có hàng rào tre, mở 1 cửa trước.

Châu hạt phía đông giáp châu Phù Yên, phía tây giáp Thuận Châu, phía nam giáp huyện Trình Cổ tỉnh Thanh Hoá, phía bắc giáp châu Sơn La.

Đông tây cách nhau 212 dặm. Nam bắc cách nhau 142 dặm.

Châu có 1 tổng:

Tổng Trình Cát, 5 xã:

1.Xã Trình Cát

2.Xã Trình Thuy

3.Xã Trình Ban

4.Xã Trình Phiên

5.Xã Lô Ti

Binh ngạch:

-Thổ dũng: 49 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 508 người.

Ruộng đất:

-Ruộng đất công tư các hạng: 818 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 700 quan.

-Nộp bằng thóc: 98 hộc.

Phong tục:

Trong châu, người Thổ bản tính mạnh tợn, tập tục tàn tiện, làm nghề cày ruộng, dệt vải, khăn ruộng nơi đất bằng, dựng nhà sàn lợp lá. Các lễ nghi chúc mừng điệu viếng, quần áo, ngôn ngữ khác nhiều với vùng trung châu.

¹Châu Mai Sơn 枚山州: Đầu đời Lê là động Mai Sơn thuộc Thuận Châu phủ Gia Hưng. Đời Lê Trung hưng tách đất Thuận Châu đặt thêm 3 châu là Sơn La, Mai Sơn và Tuần Giáo. Châu Mai Sơn nay là huyện Mai Sơn tỉnh Sơn La.

Sản vật:

Có lúa nếp, lúa nương, ngô, gỗ thì có gỗ xoan, tồ mộc, gỗ sến. Quả có cam, quýt. Các loài thú có hổ, hươu. Gia súc thường nuôi thì cũng giống các châu khác. Xã Trình Thuy có mỏ vàng Bản Lỗ, nhưng châu đã có tờ tau xin tạm hoãn [khai thác]. Xã Trình Ban có mỏ đồng Mản Đổ, mỏ diêm tiêu Bản Cạp, mỏ diêm tiêu Mản Thẩm, nhưng đã đóng cửa, hiện đang sức cho khám thực.

Khí hậu:

Thời tiết chợt gió chợt mưa, lạnh nhiều, nắng ít, khí đất cao khô. Việc nông hết thủy đều làm ruộng vụ thu. [Vi đất rừng] cây cỏ rậm rạp, khí lạnh bốc lên, cho nên lam chướng rất độc.

Sông núi:

Xã Trình Phiên có núi Tượng Sơn (núi Voi), xã Trình Ban có núi Hiền Sơn.

-Một dòng sông lớn từ giáp giang phận châu Sơn La, qua xã Trình Phiên đến giáp giang phận Yên Châu. Đó là *sông Đà*, dài 240 dặm. Trong đó:

- Đoạn sông từ giang phận châu Sơn La đến đền thần Hoàn Giang ở xã Trình Phiên dài 130 dặm, rộng trên dưới 15 trượng, sâu trên dưới 9 thước.
- Đoạn sông từ đền thần Hoàn Giang ở xã Trình Phiên đến giang phận Yên Châu dài 110 dặm, rộng trên dưới 50 trượng 5 thước, sâu trên dưới 1 trượng.

Danh thắng:

-Đền thần Hoàn Giang: ở xã Trình Phiên.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía đông qua xã Trình Phiên, đến giáp Yên Châu dài 150 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía tây, qua các xã Lô Ti, Trình Cát đến giáp Thuận Châu, dài 150 dặm, rộng 2 thước 8 tấc.

CHÂU PHÙ YÊN

Phù Yên¹ là châu thống hạt của phủ Gia Hưng.

Châu lý ở xã Quang Huy, tổng Quang Huy. Chu vi 80 trượng, bốn phía có rào tre, mở một cửa trước.

Châu hạt phía đông giáp huyện Thanh Thủy², phía tây giáp châu Mai Sơn, phía nam giáp Mộc Châu, phía bắc giáp huyện Văn Chấn.

Đông tây cách nhau 174 dặm. Nam bắc cách nhau 196 dặm.

Toàn châu có 2 tổng²:

1-Tổng Quang Huy, 2 xã³:

- | | |
|----------------|----------------|
| 1.Xã Quang Huy | 2.Xã Tường Phù |
|----------------|----------------|

2-Tổng Tân Phong, 3 xã:

- | | | |
|----------------|------------------|--------------|
| 1.Xã Tân Phong | 2.Xã Tường Phong | 3.Xã Gia Phù |
|----------------|------------------|--------------|

¹Châu Phù Yên 扶安州: Khi định bản đồ cả nước năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông đặt tên là châu Phù Hoa 符華州, sau đổi viết là 扶華, 扶花 (gồm 4 động) thuộc phủ Gia Hưng, cho đến đầu triều Nguyễn vẫn theo thế. Năm đầu niên hiệu Thiệu Trị (1841) kiêng chữ Hoa (tên húy mẹ vua Thiệu Trị), đổi là châu Phù Yên 扶安州, đổi động làm xã. Nay là huyện Phù Yên tỉnh Sơn La.

²Tên tổng mới đặt năm Minh Mệnh 19 (1838).

³Theo ĐNNTC hai xã Quang Huy và Tường Phù mới đặt thêm vào năm Minh Mệnh 19 (1838).

Binh ngạch:

-Thổ dũng: 182 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 873 người.

Ruộng đất:

(Trong châu không có đất các hạng).

Ruộng tư: 338 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 1.185 quan.

-Nộp bằng thóc: 86 hộc.

Phong tục:

Tập tục người Thổ ở châu quê mùa, chất phác, tiếng nói lú lo. Đàn ông cày ruộng, kiếm củi, đàn bà may vá, canh củi. Họ không biết buôn bán, gác sàn làm nhà ở, không biết chạm khắc, đặt đầu rau làm bếp nấu giữa nhà, không kể gì phương hướng. Mặc thì dùng vải thô, màu sắc thì chuộng xanh chàm, đặt máng nước để giã gạo, đeo túi vải đựng con sau lưng, dùng xe guồng lấy nước tưới ruộng, dùng ống tre vầu xách nước về nhà, ốm đau không uống thuốc, chỉ cầu đảo quỷ thần. Lấy vợ thì đi ở rể rồi sau mới thành hôn. Người Mán phát nương làm rẫy, du canh du cư, y phục dùng toàn vải thô, đàn ông lấy dây râu 7 đồng tiền đeo sau vai áo. Các việc cưới xin tang ma thì đều rất sơ sài.

Sản vật:

Châu hạt đất đai màu mỡ, nhưng dân chỉ làm ruộng vụ thu, không mất nhiều công sức mà lại được nhiều thóc. Thóc thì có lúa nếp, lúa tẻ. Hàng hoá thì có các loại vải trắng, sáp ong, cùng các vật phẩm như khoai, dưa, tre, gỗ cùng các loài gia súc thông thường. Các loài thú như hươu, nai, hổ, báo rải rác cũng có nơi có. Xã Tường Phong có diêm tiêu, hiện nay đã đóng cửa mỏ.

Khí hậu:

Mùa xuân gió mát, mùa hè lúc mưa lúc nắng. Mùa thu, mùa đông rét nhiều. Sương mù khí núi bốc hừng hực, che trùm cây cối, khí lam chướng rất nặng.

Núi sông:

Xã Quang Huy có núi Thục Lũy, núi Thái Sơn, núi Thỉnh Đáp. Xã Tường Phù có núi Lai Sơn. Xã Gia Phù có núi Thạch Lăng.

-Một dòng sông lớn từ chỗ giáp giang phận Mộc Châu qua 2 xã Gia Phù, Tân Phong đến giáp giang phận châu Đà Bắc. Đó là *sông Đà*, dài 30 dặm. Trong đó:

- Đoạn sông từ Mộc Châu đến Khe Thập dài 180 dặm, rộng trên dưới 40 trượng, sâu trên dưới 9 thước.

- Đoạn sông từ Khe Thập đến giang phận châu Đà Bắc dài 120 dặm, rộng trên dưới 40 trượng 5 thước, sâu trên dưới 1 thước.

-Một sông nhỏ từ xã Quang Huy qua 2 xã Tường Phù, Tường Phong ở châu lỵ vòng đến xã Tân Phong, thông với sông Đà. Đó là *sông Phù Yên* dài 175 dặm, rộng trên dưới 2 trượng 8 thước, sâu 8 thước.

Danh thắng:

-Đền sơn thần Tản Viên: ở xã Quang Huy.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía đông qua 2 xã Tường Phong, Tân Phong, lại chuyển về phía bắc ở bến dò sông Phù Yên, đến giáp huyện Văn Chấn, dài 150 dặm rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía tây đến giáp châu Mai Sơn, dài 75 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía đông, qua 2 xã Trường Phù, Gia Phù, lại chuyển về phía nam đến giáp Mộc Châu, dài 150 dặm, rộng 2 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía bắc, đến giáp huyện Thanh Sơn dài 105 dặm, rộng 4 thước.

MAI CHÂU

Mai Châu¹ do phủ Gia Hưng thống hạt, kiêm nhiếp châu Đà Bắc (châu lý đặt ở châu Đà Bắc).

Châu hạt phía đông giáp châu Đà Bắc, phía tây giáp Mộc Châu, phía nam giáp châu Quan Hoá tỉnh Thanh Hoá, phía bắc giáp Mộc Châu.

Đông tây cách nhau 125 dặm. Nam bắc cách nhau 114 dặm.

Châu có 2 tổng:

1-Tổng Bạch Mai, 2 xã:

1.Xã Mai Thượng 2.Xã Tân Mai

2-Tổng Thanh Mai, 2 xã:

1.Xã Mai Hạ 2.Xã Bao La

Binh ngạch:

-Thổ dũng: 49 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 263 người.

Ruộng đất:

(Trong châu không có đất các hạng).

Ruộng tư: 282 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 384 quan.

-Nộp bằng thóc: 72 hộc.

Phong tục:

Thổ dân trong châu nói tiếng lú lo, lấy nông tang làm nghề nghiệp, gác sàn làm nhà ở, mặc quần áo vải thô màu trắng, hoặc xanh đen. Các tục cưới xin, tang ma, cúng tế đều sơ sài.

Sản vật:

Lúa có lúa nếp, lúa tẻ, hàng hoá có vải thô, ở sông thì có tôm, ba ba, cá chiền, cá mè, thú thì có gấu, hổ, hươu, nai. Gỗ thì có các loại như xoan, tồ mộc. Dây leo thì có song, mây. Các sản vật chăn nuôi thông thường giống cũng như ở châu khác.

Khí hậu:

Gió mưa bình thường, nóng lạnh ngang nhau, địa khí ở núi cao khô, ở đất ẩm thấp. Ruộng cấy được cả vụ hè, vụ thu. Cỏ cây rậm rạp, mặt trời lên ba con sào sương mù khí núi vẫn chưa tan hết, khí lạnh bốc ào ào, người dễ nhiễm bệnh sốt rét ngã nước.

Núi sông:

Xã Bao La có núi Xích Thạch (Đá Đỏ), núi Nữ Vương (Vua Bà), núi Tiên Biều (Quả Bầu Tiên), núi Bàn Sơn. Xã Tân Mai có núi Hành Sơn.

¹Mai Châu 枚州: Đồi Trần là đất Mường Mai. Đồi Lê là Mai Châu 枚州 thuộc phủ Gia Hưng. Các triều sau cho đến đời Đông Khánh vẫn theo như thế. Nay là huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình.

-Một dòng sông lớn từ chỗ giáp giang phận Mộc Châu qua 2 xã Quy Đức, Tân Mai đến giáp giang phận châu Đà Bắc. Đó là *sông Đà*, dài 100 dặm. Trong đó:

- Đoạn sông từ sông Mộc Châu đến Khe Trù dài 60 dặm, rộng khoảng 49 trượng 2 thước, sâu khoảng trên dưới 8 thước.
- Đoạn sông từ Khe Trù đến giáp giang phận Đà Bắc, dài 40 dặm, rộng trên dưới 50 trượng, sâu trên dưới 8 thước.

-Một sông nhỏ từ chỗ giáp giang phận Mộc Châu qua xã Mai Hạ, đến giáp giang phận châu Đà Bắc. Đó là *sông Mã*, dài 100 dặm, rộng 10 trượng, sâu 7 thước.

Danh thắng:

Trong châu không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ phía bắc giáp Mộc Châu đi qua bến đò xã Tân Mai, chuyển về phía tây qua các xã Mai Thượng, Mai Hạ, Bao La, đến giáp châu Đà Bắc, dài 150 dặm, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ phía tây giáp Mộc Châu đi qua các xã Bao La, Mai Hạ, qua bến đò Tân Mai đến giáp châu Đà Bắc, dài 180 dặm, rộng 4 thước.

CHÂU ĐÀ BẮC

Châu Đà Bắc¹ do phủ Gia Hưng thống hạt, châu Mai Châu kiêm nhiếp.

Châu lỵ đặt ở xã Hào Tráng tổng Đức Nhân châu ấy (tức châu Đà Bắc). Chu vi 60 trượng, bốn phía trồng rào tre, mở 1 cửa trước.

Châu hạt phía đông giáp huyện Thanh Thủy, phía tây giáp châu Phù Yên, phía nam giáp Mai Châu, phía bắc giáp huyện Thanh Sơn.

Đông tây cách nhau 189 dặm. Nam bắc cách nhau 159 dặm.

Châu có 2 tổng:

1-Tổng Hiến Lương, 2 xã:

- | | |
|-----------------|------------|
| 1.Xã Hiến Lương | 2.Xã Tú Lý |
|-----------------|------------|

2-Tổng Đức Nhân, 3 xã:

- | | | |
|---------------|----------------|--------------|
| 1.Xã Đức Nhân | 2.Xã Hào Tráng | 3.Xã Quy Đức |
|---------------|----------------|--------------|

Bình ngạch:

Châu hạt không có binh ngạch.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 224 người.

Ruộng đất:

Châu hạt không có các hạng đất.

Ruộng tư: 251 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 328 quan.

-Nộp bằng thóc: 64 học.

¹Châu Đà Bắc 陀北州: Nguyên là đất Mộc Châu, một trong 5 châu thuộc phủ Gia Hưng đặt từ năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông. Năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) tách ra lập châu Đà Bắc. Các triều sau cho đến đời Đông Khánh vẫn theo thế. Nay là huyện Đà Bắc tỉnh Hòa Bình.

Phong tục:

Trong châu, thổ dân nói tiếng lú lo, tập tục hung hãn, phần nhiều ở dưới chân núi, khai khẩn chỗ đất bằng làm ruộng. Quần áo bằng vải thô màu đen. Người Mán có tộc Mán Trắng, quần áo dùng cả vải đen vải trắng. Có một tộc Mán toàn dùng vải thô nhuộm màu xanh đen, đàn ông xâu 7 đồng tiền đồng đeo sau vai áo (tục gọi là *Xá Đeo Tiền*), chuyên đốt nương làm rẫy, sống nhờ nguồn lợi rừng. Lễ tiết thờ cúng trong năm thì chỉ những Thổ hào, Mán trưởng hơi theo phong tục người Kinh, còn lại thì đều rất sơ sài, đơn giản.

Sản vật:

Lúa thì có lúa nếp lúa tẻ, ngô, khoai, đậu, củ nâu, vỏ đay, vỏ dó. Gỗ thì có xoan, tồ mộc, Loại tre trúc thì có vầu, nứa. Gia súc thông thường thì các nơi trong châu đều có, thú rừng thì rải rác cũng có hươu, nai, hổ, báo.

Khí hậu:

Mùa đông lạnh nhiều, mùa hè nắng nhiều. Khí đất cao khô. Thời vụ làm nông hơi muộn. Hàng ngày mặt trời lên 3 con sào mà khí lam chướng chưa tan hết. Buổi chiều, mặt trời chỉ mới xế bóng mà khí núi đã bốc lên dày đặc. Khi mưa lũ thì nước ở các khe suối dâng tràn, sau dôn động lại thành những nguồn nước chướng độc, đặc biệt là tháng 3 và tháng 9 là nặng nề nhất.

Núi sông:

Xã Đức Nhân có núi Cử Sơn, núi Thán Sơn (núi Than), núi Tầm Cảnh.

Xã Tú Lý có núi Lôi Sơn (núi Roi), núi Ngải Sơn.

Xã Hào Tráng có núi Long Môn, núi Ninh Sơn, núi Cán Sơn, núi Thần Cốc.

-Một dòng sông lớn từ chỗ giáp giang phận châu Phù Yên, qua các xã Đức Nhân, Quy Đức, Hào Tráng, Hiền Lương, đến giáp giang phận huyện Bát Bạt tỉnh Sơn Tây. Đó là *sông Đà*, dài 95 dặm. Trong đó:

- Đoạn sông từ xã Phù Yên đến châu lý dài 60 dặm, rộng trên dưới 70 trượng, sâu trên dưới 1 trượng.

- Đoạn sông từ châu lý đến sông Bát Bạt dài 35 dặm, rộng 3 thước 5 tấc.

Danh thắng:

-Đền thần đê Long Thủy: ở trong động sâu trên núi Thác Bờ xã Hào Tráng, thờ thần đê Long Thủy là vị thần linh thiêng nhất của sông Đà.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía nam, qua bến đò sông Đà đến giáp Mai Châu, dài 25 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía tây, qua các xã Hào Tráng, Đức Nhân, đến giáp châu Phù Yên, dài 175 dặm, rộng 3 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía bắc, qua các xã Hiền Lương, Tú Lý đến giáp huyện Thanh Sơn, dài 150 dặm, rộng 3 thước.

MỘC CHÂU

Mộc Châu¹ do phủ Gia Hưng thống hạt.

Châu lỵ ở xã Mộc Hạ tổng Mộc Hạ. Chu vi 40 trượng, bốn phía trồng rào tre, mở 1 cửa trước.

Châu hạt phía đông giáp Mai Châu, phía tây giáp Yên Châu, phía nam giáp châu Quan Hoá tỉnh Thanh Hoá, phía bắc giáp châu Phù Yên.

Đông tây cách nhau 212 dặm. Nam bắc cách nhau 68 dặm.

Châu có 2 tổng:

1-Tổng Mộc Thượng, 3 xã:

1.Xã Mộc Thượng 2.Xã Tú Nang 3.Xã Xuân Nha

2-Tổng Mộc Hạ, 3 xã:

1.Xã Mộc Hạ 2.Xã Quy Hướng 3.Xã Hướng Càn

Binh ngạch:

-Thổ dũng: 49 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 351 người.

Ruộng đất:

Trong châu không có các hạng đất.

Ruộng tư: 230 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 471 quan.

-Nộp bằng thóc: 59 hộc.

Phong tục:

Người Thổ (Thái) trong châu nhanh nhẹn, giỏi bắn, tiếng nói líu lo. Đàn ông cày cấy, đàn bà may vá canh cửi. Có tộc Thổ (Thái) Trắng váy áo phụ nữ dùng vải trắng. Việc tang ma thờ cúng trong năm có phần hơi giống với người Trung châu (Kinh).

Sản vật:

Chất đất thích nghi trồng lúa nếp. Hàng hoá thì có vỏ đay. Hoa quả thì có cam, quýt, sa nhân. Gỗ thì phần nhiều là gỗ tạp. Gia súc chăn nuôi thông thường thì các nơi trong châu đều có. Thú rừng thì rải rác cũng có nơi có hươu, nai, hổ, báo.

Khí hậu:

Khí hậu mùa xuân mùa hè phần nhiều tạnh ráo. Thu, đông nhiều mưa. Khí đất tuy cao ráo nhưng không đến nỗi quá khô nóng. Công việc làm nông thì theo mùa. Núi rừng cây cỏ rậm rạp, hàng ngày mặt trời lên đến đỉnh đầu mà sương mù khí núi chưa tan, người dân nhiễm bệnh sốt rét ngã nước rất nặng.

Núi sông:

Xã Xuân Nha có núi Pha Lung.

Xã Mộc Thượng có núi Lô Động, núi Yên Huyệt, núi Phong Huyệt.

-Một dòng sông lớn từ chỗ giáp giang phận Yên Châu, qua các xã Quy Hướng, Hướng Càn, Mộc Hạ đến giáp giang phận châu Đà Bắc. Đó là sông Đà, dài 200 dặm. Trong đó:

¹Mộc Châu 木州: Đời Trần là đất đạo Đà Giang 沱江道. Thời thuộc Minh là đất huyện Mông 蒙 và huyện Tứ Mang 四忙. Năm Quang Thuận 10 (1469) đặt làm Mộc Châu 木州, một trong 5 châu thuộc phủ Gia Hưng. Các triều sau vẫn theo thế. Nay là huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La.

- Đoạn sông từ giang phận Yên Châu đến Viên Khê, dài 105 dặm, rộng trên dưới 48 trượng, sâu trên dưới 1 trượng.
- Đoạn sông từ Viên Khê đến giang phận Đà Bắc, dài 95 dặm, rộng trên dưới 50 trượng, sâu trên dưới 1 trượng 5 thước.

-Một sông nhỏ từ chỗ giáp giang phận Yên Châu, qua các xã Tú Tương, Xuân Nha đến giáp giang phận Mai Châu. Đó là sông Mã, dài 150 dặm, rộng trên dưới 25 trượng, sâu 1 trượng.

Danh thắng:

Trong châu không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía đông, qua hai xã Mộc Thượng, Xuân Nha đến giáp châu Đà Bắc, dài 125 dặm, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía nam, qua hai xã Mộc Thượng, Xuân Nha, lại chuyển về phía đông đến giáp Mai Châu, dài 250 dặm, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía tây, qua xã Quy Hương, đến giáp Yên Châu, dài 100 dặm, rộng 3 thước 5 tấc.

YÊN CHÂU

Yên Châu¹ do phủ Gia Hưng thống hạt, Mai Châu kiêm nhiếp.

Châu hạt phía đông giáp Mộc Châu, phía tây giáp châu Mai Sơn, phía nam giáp Mai Châu, phía bắc giáp châu Phù Yên.

Đông tây cách nhau 64 dặm. Nam bắc cách nhau 153 dặm.

Châu có 1 tổng:

1-Tổng Sách Lâm, 3 xã:

- 1.Xã Sách Lâm 2.Xã Trịnh Nho 3.Xã Bắc Nhĩ

Binh ngạch:

-Thổ dũng: 49 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 238 người.

Ruộng đất:

Trong châu không có các hạng đất.

-Ruộng tư: 432 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 372 quan.

-Nộp bằng thóc: 110 hộc.

Phong tục:

Trong châu, người Thổ (Thái) đàn ông cày cấy, có một ít người biết chữ, đàn bà dệt vải, không ai làm nghề buôn bán. Giỗ chạp và các việc cưới xin tang ma phần nhiều sơ sài đơn giản. Tục chuộng ma

¹Yên Châu 安州: Đời Trần là đất Mường Việt. Sử chép Thượng hoàng Trần Minh Tông đi đánh Ngưu Hống (1329) đóng quân ở Mường Việt 忙越, ban cho đất ấy tên là phủ Thái Bình, tức là nơi này. Đời Lê Thánh Tông (1469) đặt làm Việt Châu 越州, một trong 5 châu thuộc phủ Gia Hưng. Năm Minh Mệnh 3 (1822) đổi làm Yên Châu 安州. Nay là huyện Yên Châu tỉnh Sơn La.

quỉ, có bệnh tật chỉ cầu quỉ thân. Lại có tộc Mán Đen thì áo quần dùng màu đen, đốt nương làm rẫy, sống du canh du cư.

Sản vật:

Lúa thì có lúa nếp lúa tẻ. Quả cây có cam, quýt, sa nhân các loại. Gia súc chăn nuôi thông thường thì các nơi trong châu đều có. Thú rừng thì vài nơi cũng có hươu, nai, hổ, báo. Xã Sách Lâm có mỏ đồng ở Suối Lãm, nhưng đã đóng cửa, hiện đang sức cho khám thực.

Khí hậu:

Mùa xuân mùa hè nhiều nắng, thu đông nhiều mưa. Khí đất cao khô, nghề nông canh tác theo mùa. Nhưng khí lam chướng lạnh độc, mặt trời lên ba con sào mà mù núi chưa tan.

Núi sông:

Xã Trịnh Nho có núi Động Đình.

-Một dòng sông lớn từ chỗ giáp giang phận Mai Sơn, qua hai xã Trịnh Nho, Sách Lâm đến giáp giang phận Mộc Châu. Đó là *sông Đà*, dài 70 dặm. Trong đó:

- Đoạn sông từ giang phận Mai Sơn đến Thập Khê dài 50 dặm, rộng trên dưới 4 trượng, sâu trên dưới 9 thước.
- Đoạn sông từ Thập Khê đến giang phận Mộc Châu dài 20 dặm, rộng trên 50 trượng, sâu trên dưới 1 trượng.

Danh thắng:

Trong châu không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ phía tây giáp châu Mai Sơn, qua bến đò sông Đà ở núi Động Đình xã Trịnh Nho đến giáp châu Phù Yên, dài 200 dặm, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ phía tây giáp châu Mai Sơn, qua các xã Trịnh Nho, Sách Lâm, Bắc Nhĩ, đến giáp Mai Châu, dài 200 dặm, rộng 3 thước.

PHỦ QUY HOÁ

Phủ Quy Hoá¹ thống hạt 3 huyện Văn Chấn, Trấn Yên, Yên Lập và 2 châu Văn Bàn, Thủy Vĩ, gồm 18 tổng:

1-Huyện Văn Chấn, 4 tổng:

- | | | | |
|------------------|-----------------|--------------|-----------------|
| 1.Tổng Hương Sơn | 2.Tổng Phù Nham | 3.Tổng Sơn A | 4.Tổng Đại Lịch |
|------------------|-----------------|--------------|-----------------|

2-Huyện Trấn Yên, 4 tổng:

- | | | | |
|-----------------|-------------------|-------------------|----------------|
| 1.Tổng Bách Lãm | 2.Tổng Đông Quang | 3.Tổng Giới Phiên | 4.Tổng Yên Phú |
|-----------------|-------------------|-------------------|----------------|

3-Huyện Yên Lập, 5 tổng:

- | | | | |
|------------------|----------------|----------------|--------------------|
| 1.Tổng Sơn Lương | 2.Tổng Văn Bán | 3.Tổng Đông Lỗ | 4.Tổng Thượng Long |
| 5.Tổng Thu Ngạc | | | |

¹Phủ Quy Hoá 歸化府: Đời Lý là đất Đãng Châu 登州, cuối đời Trần là *trấn* Quy Hoá 歸化鎮. Thời thuộc Minh đổi làm *châu* Quy Hoá. Đầu đời Lê Thái Tổ là *lộ* Quy Hoá thuộc Tây đạo. Năm Quang Thuận 10 (1469) định bản đồ toàn quốc, đổi đặt là *phủ* Quy Hoá thuộc thừa tuyên Hưng Hoá, gồm 3 huyện Văn Chấn, Yên Lập, Trấn Yên và 2 châu Văn Bàn, Thủy Vĩ. Các triều sau đều theo thế. Nay là đất tỉnh Lào Cai, các huyện Trấn Yên, Văn Chấn, Văn Yên tỉnh Yên Bái, huyện Yên Lập và một số xã thuộc các huyện Sông Thao, Tam Thanh tỉnh Phú Thọ.

4-Châu Văn Bàn, 2 tổng:

- 1.Tổng Vũ Lao 2.Tổng Khánh An

5-Châu Thuỷ Vĩ, 3 tổng:

- 1.Tổng Gia Phú 2.Tổng Ngọc Uyển 3.Tổng Lạc Sơn

Bình ngạch:

- Lính tuyển: 18 người.
- Thổ dưng: 938 người.
- Thủ dưng: 200 người.

(Mới đặt ra để đóng giữ 2 đồn Quán Ty, Trấn Hà).

Nhân đinh:

- Đinh số chính nạp: 2.100 người.

Ruộng đất:

(Đất thuộc hạng bỏ hoang).

- Ruộng công tư các hạng: 3.248 mẫu.

Thuế cả năm:

- Nộp bằng tiền: 3.092 quan.
- Thuế sản vật quy ra tiền: 2.757 quan.
- Nộp bằng thóc: 881 hộc.

Phong tục:

Trong phủ hạt người Kinh, người Thổ (Thái), người Thanh, người Mán sống xen kẽ. Ba huyện Trấn Yên, Yên Lập, Văn Chấn chỉ những hào trưởng người Kinh có học võ vẽ đôi ba chữ đủ ký họ tên. Hai châu Văn Bàn, Thuỷ Vĩ thì người Thổ (Thái) làm hào mục, tập tục có biết chút lễ pháp. Người Thanh (Trung Quốc) làm nghề buôn bán kiếm sống, tập tục phần nhiều xa xỉ¹. Người Mán đốt nương làm rẫy, sống nhờ nguồn lợi rừng, quần áo dệt bằng gai, dây dùng cả màu đen và màu trắng. Còn như lễ tết hiếu hỉ thì chỉ có Thổ hào, Mán trưởng hơi giống phong tục người Kinh, còn lại phần nhiều sơ sài đơn giản.

Sản vật:

Thóc lúa, tre, gỗ và các gia súc thường nuôi cũng giống như các phủ khác. Ở sông thì có ba ba, cá chiền, cá mè. Ở rừng thì có thảo quả, củ nâu, gỗ sến, gỗ táu và các loài chim thú như gà rừng, chim hoạ mi, lợn rừng, hổ, báo, hươu, nai. Còn như mỏ vàng Văn Chấn, Thuỷ Vĩ, mỏ đồng Trấn Yên thì đã đóng cửa, hiện đang sức cho khám thực.

Khí hậu:

Thời tiết lạnh rét, khí đất cao ráo. Việc nông thì phần nhiều là ruộng vụ thu, canh tác theo mùa. Cây cỏ rậm rạp, mặt trời lên cao mà sương núi chưa tan, mặt trời chưa lặn mà sương mù đã dày đặc, khí lạnh bốc ào ào, dễ gây bệnh lam chướng.

Núi sông:

Trong phủ núi non liền nhau, kể núi có tên thì huyện Văn Chấn có núi Chi Sơn, núi Khau Bút. Huyện Yên Lập có núi Trâm Trĩ, núi Tượng Khẩu, núi Quang Sơn, núi Hộ Sơn. Huyện Trấn Yên có núi Cái Đỉnh, núi Mỏ Cò. Huyện Văn Bàn có núi Loan Khoá, núi Mã Yên, núi Nghi Sơn, núi Lan Sơn. Châu Thuỷ Vĩ có núi Loan Nương, núi Cổ Lôi, núi Cổ Tốt, núi Chiêu Sơn, núi Ái Sơn.

-Một dòng sông lớn từ nước Thanh (Trung Quốc) chảy vào phủ hạt qua các châu huyện Thuỷ Vĩ, Văn Bàn, Trấn Yên, lại qua huyện Hạ Hòa tỉnh Sơn Tây đến giang phận huyện Văn Chấn. Đó là sông Thao.

¹Chữ Hán: phong mĩ 風靡, ngv. chép nhầm chữ phong 封靡.

Danh thắng:

Huyện Trấn Yên có đền thần Diệp phu nhân. Huyện Trấn Yên và huyện Văn Bàn đều có đền thần Vệ Quốc. Châu Thủy Vĩ có đền Quan Công, đền Liễu Hạnh Công chúa, đền Long Vương.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ chỗ giáp huyện Tam Nông phủ Gia Hưng, qua 2 huyện Cẩm Khê, Hạ Hòa tỉnh Sơn Tây, lại qua các huyện châu Trấn Yên, Văn Bàn, Thủy Vĩ, đến giáp phủ Khai Hoá nước Thanh, dài 940 dặm, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ chỗ giáp huyện Tam Nông phủ Gia Hưng, qua châu huyện Trấn Yên, Văn Bàn, đến giáp châu Chiêu Tấn phủ Yên Tây, dài 473 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ chỗ giáp huyện Tam Nông phủ Gia Hưng đến huyện lỵ Văn Chấn, dài 12 dặm, rộng 3 thước.

HUYỆN VĂN CHẤN

Văn Chấn¹ là huyện thống hạt của phủ Quy Hoá.

Huyện lỵ đặt ở xã Đại Lịch tổng Đại Lịch. Chu vi 40 trượng, bốn phía trồng rào tre, mở một cửa trước.

Huyện hạt phía đông giáp huyện Hạ Hòa tỉnh Sơn Tây, phía tây giáp châu Quỳnh Nhai, phía nam giáp châu Phù Yên, phía bắc giáp huyện Trấn Yên.

Đông tây cách nhau 164 dặm. Nam bắc cách nhau 149 dặm.

Huyện có 4 tổng:

1-Tổng Hương Sơn, 2 xã:

1.Xã Hương Sơn 2.Xã Thạch Lương

2-Tổng Phù Nham, 3 xã:

1.Xã Phù Nham 2.Xã Sơn Bộc 3.Xã Hạ Lộ

3-Tổng Sơn A, 3 xã:

1.Xã Sơn A 2.Xã Gia Hội 3.Xã Tú Lệ

4-Tổng Đại Lịch, 3 xã:

1.Xã Đại Lịch 2.Xã Thượng Bằng La 3.Xã Hạ Bằng La

Bình ngạch:

-Thổ dưng: 489 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 1.030 người.

Ruộng đất:

Trong huyện không có đất các hạng.

-Ruộng tư: 779 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 1.369 quan.

-Thuế sản vật quy nộp bằng tiền: 2.757 quan.

¹Huyện Văn Chấn 文振縣: Xưa là đất Đãng Châu 登州 đời Lý. Tên huyện Văn Chấn 文振縣 đã có từ thời thuộc Minh, là một trong 4 huyện thuộc châu Quy Hoá. Đời Lê Quang Thuận (1469) vẫn là huyện Văn Chấn thuộc phủ Quy Hoá. Các triều sau vẫn theo thế. Nay là huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái.

-Nộp bằng thóc: 199 học.

Phong tục:

Trong huyện, người Thổ (?) chuyên việc cày cấy, khai khẩn đất bằng làm ruộng. Đến ngày lễ cầu thân thì bày bàn thờ dưới gốc cây mà cúng. Lấy vợ thì đi ở rể, sau đó mới thành hôn. Người Mán đốt nương làm rẫy, địu con sau lưng, nấu cháo đầu lũng, du canh du cư, chỉ theo nơi đất tốt mà dời đến, khi đất kém màu mỡ thì bỏ đi nơi khác. Các việc cưới xin, chúc mừng, tang ma, điếu viếng thì chỉ Thổ hào, Mán trưởng dần dần theo phong tục người Kinh, còn lại đều rất sơ sài đơn giản.

Sản vật:

Lúa thì có ngô, lúa nếp, lúa tẻ. Tre thì có tre vầu, nứa. Gỗ thì phần nhiều là gỗ tạp. Các súc vật chăn nuôi thông thường thì các nơi trong huyện đều có. Thú rừng thì rải rác vài nơi cũng có hươu, nai, hổ, báo. Xã Gia Hội có mỏ vàng đã đóng cửa, hiện đang sức cho khám thực.

Khí hậu:

Mùa xuân, mùa hè mưa nhiều. Mùa thu, mùa đông rét nhiều. Việc nông chỉ làm ruộng vụ thu. Cây cối rậm rạp, sương mù bốc ngùn ngụt, khí lam chướng rất nặng nề.

Núi sông:

Xã Thượng Bằng La có núi Chi Sơn. Xã Đại Lịch có núi Khau Bút.

-Một dòng sông lớn từ chỗ giáp giang phận huyện Trấn Yên đến giáp giang phận huyện Hạ Hòa tỉnh Sơn Tây. Đó là sông Thao, dài 10 dặm, rộng trên dưới 100 trượng, sâu 1 trượng 5 thước.

Danh thắng:

Trong huyện không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây, qua các xã Đại Lịch, Sơn Bộc, Hạ Lộ đến giáp châu Quỳnh Nhai, dài 230 dặm, 10 trượng, rộng 3 thước.

HUYỆN TRẤN YÊN

Huyện Trấn Yên¹ do phủ Quy Hoá thống hạt.

Huyện lỵ đặt ở xã Bách Lãm tổng Bách Lãm (tức đồn Quán Ti), xung quanh đắp lũy đất. Chu vi 74 trượng, thân lũy cao 6 thước, chân lũy rộng 7 thước, mặt lũy rộng 4 thước. Mở 3 cửa ở trước, bên phải và đằng sau. Trên lũy đặt 5 pháo đài, xung quanh bên ngoài lũy đều có rào cọc nhọn.

Huyện hạt phía đông giáp huyện Hạ Hòa tỉnh Sơn Tây, phía tây giáp châu Văn Bàn, phía nam giáp huyện Văn Chấn, phía bắc giáp Thu Châu tỉnh Tuyên Quang.

Đông tây cách nhau 162 dặm. Nam bắc cách nhau 56 dặm.

Huyện có 4 tổng:

1-Tổng Bách Lãm, 11 xã:

- | | | | |
|----------------|------------------|-----------------|----------------|
| 1.Xã Bách Lãm | 2.Xã Hào Gia | 3.Xã Cường Nỗ | 4.Xã Bái Dương |
| 5.Xã Hoá Quang | 6.Xã Minh Quán | 7.Xã Thanh Liên | 8.Xã Nga Quán |
| 9.Xã Yên Bái | 10.Xã Lương Nham | 11.Xã Cổ Phúc | |

¹Huyện Trấn Yên 鎮安縣: Xưa là đất Đãng Châu đời Lý. Thời thuộc Minh là đất châu Quy Hoá (gồm 4 huyện Yên Lập, Văn Chấn, Văn Bàn, Thủy Vĩ). Năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông, khi định bản đồ toàn quốc mới lập thêm huyện Trấn Yên 鎮安縣 thuộc phủ Quy Hoá. Các triều sau đều theo thế. Nay là huyện Trấn Yên và một phần huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái.

2-Tổng Đông Quang, 6 xã:

- | | | | |
|-----------------|--------------|---------------|--------------|
| 1.Xã Đông Quang | 2.Xã Mậu A | 3.Xã Phong Dụ | 4.Xã Báo Đáp |
| 5.Xã Đại Bộc | 6.Xã Đôn Bản | | |

3-Tổng Giới Phiên, 8 xã:

- | | | | |
|-----------------|--------------|----------------|----------------|
| 1.Xã Giới Phiên | 2.Xã Y Can | 3.Xã Âu Lâu | 4.Xã Lương Tàm |
| 5.Xã Đan Ốc | 6.Xã Lũ Điền | 7.Xã Bình Thản | 8.Xã Ca Vịnh |

4-Tổng Yên Phú, 7 xã:

- | | | | |
|---------------|----------------|----------------|---------------|
| 1.Xã Yên Phú | 2.Xã Đại Phác | 3.Xã Hoài Viễn | 4.Xã Quy Mông |
| 5.Xã Đôn Giáo | 6.Xã Quảng Mạc | 7.Xã Kiên Lao | |

Bình ngạch:

- Lính tuyển: 6 người.
- Thổ dưng: 160 người.
- Thủ dưng: 100 người.

(Mới đặt để đóng giữ đồn Quán Ty).

Nhân đinh:

- Đinh số chính nạp: 260 người.

Ruộng đất:

- Trong huyện không có các hạng đất.
- Ruộng tư: 681 mẫu.

Thuế cả năm:

- Nộp bằng tiền: 434 quan.
- Nộp bằng thóc: 228 hộc.

Phong tục:

Huyện có 4 tổng thì tổng Bách Lãm đều là người Kinh. Ba tổng Giới Phiên, Yên Phú, Đông Quang thì người Kinh người Thổ ở xen kẽ. Người Kinh cày ruộng, buôn bán, tập tục giống như người trung châu. Người Thổ gặp đầu thuận tiện thì ở, gác sàn làm nhà, [không kể] ruộng núi hay ruộng đồng, ở đâu có đất thì khai khẩn mà trồng cấy. Áo quần dùng vải nhuộm chàm. Duy các Hào trưởng thì hơi biết lễ pháp, các dịp lễ tết trong năm cũng hơi giống người Kinh. Người Mán làm nhà nơi cao, khăn hoang ở chân núi, đốt rẫy làm nương, đến khi đất cạn màu thì đi tìm chỗ khác. Có tộc *Mán Quần Trắng* và *Mán Quần Đen*, tùy theo từng tộc mà mặc màu đen hay màu trắng. Tộc người *Dao* và tộc người *Cao Lan* thì áo quần dùng xen cả màu đen và màu trắng. Người *Mèo* thì áo quần dùng toàn sợi đay, gai, không nhuộm màu. Người *Mán Sơn Bán* (tục gọi là *Xá Sùng*) thì lấy sùng thú đội ở trán, tính họ sợ tiếng kêu của ếch nhái, phần nhiều chọn chỗ cao lưng chừng núi mà ở. Trong một năm chỉ có ngày mồng một tháng giêng (tết Nguyên đán) là giết gà lợn để cúng tổ tiên mà thôi, ngoài ra không làm gì cả.

Sản vật:

Đất thích nghi với lúa nếp, dưa, khoai. Trong rừng có vầu, nứa, củ nâu, bạch niêm¹, gỗ táu. Thú thì có hổ, hươu. Cá thì có các loại cá chiên, cá mè. Còn các súc vật chăn nuôi thông thường thì cũng giống như ở các huyện khác. Xã Phong Dụ có mỏ đồng, nhưng đã đóng cửa, hiện đã sức cho khám thực.

Khí hậu:

Khí hậu trong huyện lạnh rét, mà rét nhất là hai tổng Đông Quang và Yên Phú. Sáng nửa ngày rồi mà ra ngoài trời vẫn còn tối, chỉ mới mưa nhỏ mà đất đã bùn lầy. Khí lạnh bốc lên ào ào, dễ thành bệnh lam chướng.

¹Ngv.: bạch niêm 白粘, chưa rõ cây gì.

Núi sông:

Xã Thanh Liễn có núi Cái Đỉnh, xã Mậu A có núi Mỏ Cò.

-Một dòng sông lớn từ giáp giang phận châu Văn Bàn qua bến đò huyện lỵ, đến giáp giang phận huyện Hạ Hòa tỉnh Sơn Tây. Đó là *sông Thao*, dài 250 dặm. Trong đó:

- Đoạn sông từ giang phận châu Văn Bàn đến Khe Cường dài 160 dặm, rộng trên dưới 50 trượng, sâu trên dưới 1 trượng 3 thước.
- Đoạn sông từ Khe Cường đến giang phận huyện Hạ Hòa dài 90 dặm, rộng trên dưới 54 trượng, sâu trên dưới 5 trượng 4 thước.

Danh thắng:

-Đền thần Diệp phu nhân: ở xã Bách Lãm. Tương truyền thần là Công chúa, là vị thần linh thiêng nhất của sông Thao, cầu đảo rất linh ứng, trải qua các đời đều được ghi vào *Tự điển* (Sổ thờ cúng của triều đình).

-Đền thần Vệ Quốc: ở xã Đông Quang.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông, qua Khe Quán đến giáp huyện Hạ Hòa tỉnh Sơn Tây, dài 8 dặm 30 trượng, rộng 5 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây, qua các xã Bái Dương, Minh Quán, Mậu A, Đông Quang đến giáp huyện Văn Bàn, dài 191 dặm 100 trượng, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía bắc, qua các xã Hào Gia, Cường Nỗ, đến giáp Thu Châu tỉnh Tuyên Quang, dài 150 dặm, rộng 3 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía nam ở bến đò sông Thao, qua xã Giới Phiên lại chuyển về phía tây qua các xã Âu Lâu, Quy Mông, Đôn Giáo, Quảng Mạc đến giáp châu Văn Bàn, dài 192 dặm 40 trượng, rộng 3 thước.

HUYỆN YÊN LẬP

Huyện Yên Lập¹ do phủ Quy Hoá thống hạt.

Huyện lỵ ở xã Văn Bán tổng Văn Bán, chu vi 80 trượng, bốn phía trồng rào tre, mở một cửa trước.

Huyện hạt phía đông giáp huyện Cẩm Khê tỉnh Sơn Tây, phía tây giáp huyện Văn Chấn, phía nam giáp huyện Thanh Sơn, phía bắc giáp huyện Hạ Hòa tỉnh Sơn Tây.

Đông tây cách nhau 105 dặm. Nam bắc cách nhau 181 dặm.

Huyện có 5 tổng:

1-Tổng Sơn Lương, 5 xã:

- | | | | |
|----------------|--------------|-------------|--------------|
| 1.Xã Sơn Lương | 2.Xã Yên Sào | 3.Xã Nga Mi | 4.Xã Sa Lung |
| 5.Xã Quế Sơn | | | |

2-Tổng Văn Bán, 5 xã:

- | | | | |
|--------------|-----------------|--------------|-----------------|
| 1.Xã Văn Bán | 2.Xã Khổng Tước | 3.Xã Văn Thê | 4.Xã Phượng Mao |
|--------------|-----------------|--------------|-----------------|

¹Huyện Yên Lập 安立縣: Xưa là đất Đãng Châu 登州 đời Lý. Tên huyện Yên Lập đã có từ thời thuộc Minh, là một trong 4 huyện thuộc châu Quy Hoá. Đời Lê Quang Thuận (1469) vẫn là huyện Yên Lập thuộc *phủ* Quy Hoá. Các triều sau vẫn theo thế. Nay là huyện Yên Lập tỉnh Phú Thọ (Yên Lập và Cẩm Khê trước đây hợp nhất thành huyện Sông Thao, sau lại tách ra nhưng một số xã như Yên Dưỡng, Đông Lương vẫn thuộc huyện Sông Thao).

5.Xã Bạn Lữ

3-Tổng Thượng Long, 4 xã:

1.Xã Thượng Long 2.Xã Hạ Long 3.Xã Mộ Xuân 4.Xã Đô Thủy

4-Tổng Thu Ngọc, 4 xã:

1.Xã Thu Ngọc 2.Xã Đông Lạc 3.Xã Phục Cổ 4.Xã Yên Dưỡng

5-Tổng Đông Lỗ, 3 xã [gồm 5] thôn:

1.Thôn Vân Lung xã Đông Lỗ 2.Thôn Hương Triện xã Đông Lỗ
3.Xã Xuân Ứng 4.Thôn Xuân Lôi xã Đoài Lỗ
5.Thôn Ngọc Lập xã Đoài Lỗ

Binh ngạch:

-Lính tuyển: 12 người.
-Thổ dũng: 240 người.

Nhân đinh:

Đinh số chính nạp: 355 người.

Ruộng đất:

Trong huyện không có các hạng đất.
Ruộng công, tư: 1.213 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 628 quan.
-Nộp bằng thóc: 314 hộc.

Phong tục:

Trong huyện dân số người Kinh, người Thổ xấp xỉ nhau. Phong tục người Kinh giống như các huyện khác. Người Thổ thì què mùa, chất phác, chỉ biết làm nghề nông. Ngôn ngữ, áo quần khác với người Kinh. Chỉ có những người Hào trưởng là hơi biết chữ và phong tục người Kinh. Việc cưới xin, tang ma cúng tế cũng dần dần theo phong tục người Kinh, tuy phần nhiều còn sơ sài đơn giản. Hai tổng Đông Lỗ, Thượng Long dân phần nhiều ở nhà sàn.

Sản vật:

Huyện phần nhiều làm lúa vụ thu, duy có xã Vân Bán có cấy lúa hè. Vùng núi trồng nhiều cây dó, khoai, đậu. Rừng nhiều gỗ tạp, tre nứa. Chim thú như gà rừng, hổ, hươu thì thỉnh thoảng cũng có. Gia súc chăn nuôi thông thường cũng như các huyện khác.

Khí hậu:

Địa thế của huyện gần núi, thời tiết phần nhiều là mưa gió lạnh rét. Mây mù ngang sườn núi, sương mù sát ngọn cây. Mặt trời lên từ giờ Mão¹ nhưng khuất mây, mới sang giờ Thân² mà sương mù đã che tối. Hơi lạnh bốc ào ào, bao phủ cả cây cối, phần nào có khí lam chướng.

Núi sông:

Xã Đô Thủy có núi Hộ Sơn. Xã Thượng Long có núi Quang Sơn, xã Hạ Long có núi Trầm Trĩ, xã Phục Cổ có núi Tượng Khẩu.

-Một dòng sông nhỏ từ chỗ giáp giang phận huyện Thanh Sơn qua xã Thu Ngọc lại quanh co chảy đến giáp giang phận huyện ấy. Đó là *sông Mỹ Hà*, dài 1 dặm 15 trượng, rộng trên dưới 3 trượng, sâu 9 thước.

¹Giờ Mão: từ 5-7 giờ sáng.

²Giờ Thân: từ 3-5 giờ chiều.

Danh thắng:

Trong huyện không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía đông, qua xã Văn Bán đến giáp huyện Cẩm Khê tỉnh Sơn Tây, dài 3 dặm 83 trượng, rộng 5 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây bắc, qua các xã Văn Thè, Quế Sơn, Yên Sào đến giáp huyện Văn Chấn, dài 33 dặm 115 trượng, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ huyện lỵ đi về phía tây nam, qua các xã Văn Lung, Đông Lỗ, Ngọc Lập, Thu Ngạc đến giáp huyện Thanh Sơn, dài 307 dặm 100 trượng, rộng 4 thước.

CHÂU VĂN BÀN

Châu Văn Bàn¹ do phủ Quy Hoá thống hạt. Châu lỵ mới đặt ở trại Khánh Yên xã Khảo Bàn tổng Khánh Yên (tức đồn Trấn Hà). Chung quanh đắp lũy đất, chu vi 41 trượng, thân lũy cao 6 thước, chân lũy rộng 7 thước, mặt lũy rộng 4 thước. Mở ba cửa trước, sau và bên phải, ở mỗi cửa đều có đặt 1 pháo đài.

Châu hạt phía đông giáp huyện Trấn Yên, phía tây giáp châu Chiêu Tấn, phía nam giáp huyện Trấn Yên, phía bắc giáp châu Lục Yên tỉnh Tuyên Quang.

Đông tây cách nhau 147 dặm. Nam bắc cách nhau 84 dặm.

Châu có 2 tổng:

1-Tổng Vũ Lao, 3 xã:

1.Xã Vũ Lao 2.Xã Văn Bàn 3.Xã Xuân Giao

2-Tổng Khánh Yên, 4 xã, trại:

1.Xã Khánh Yên 2.Xã Khảo Bàn 3.Xã Chu Quế 4.Trại Khánh Yên

Bình ngạch:

-Thổ dưỡng: 49 người.

-Thủ dưỡng: 100 người.

(mới đặt để đóng giữ đồn Trấn Hà).

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 115 người.

Ruộng đất:

Trong châu không có các hạng đất.

-Ruộng tư: 268 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 185 quan.

-Nộp bằng thóc: 68 học.

Phong tục:

Trong châu, tập tục của người Thổ phần nhiều chuộng quỷ thần, khi bị ốm đau bệnh tật thì đọc chú cầu khấn quỷ thần. Ít người biết chữ, chỉ làm việc nhà nông. Người Mán đốt nương làm rẫy, du canh du

¹Châu Văn Bàn 文盤州: Xưa là đất Đãng Châu 登州 đời Lý. Thời thuộc Minh đã có tên huyện Văn Bàn 文盤縣 là một trong 4 huyện thuộc châu Quy Hoá. Đời Lê Quang Thuận (1469) đổi làm châu Văn Bàn thuộc phủ Quy Hoá. Các triều sau vẫn theo thế. Nay là đất huyện Văn Bàn tỉnh Lào Cai.

cư. Có tộc người Mán Đen mặc áo quần màu đen. Có tộc người Mán tục gọi là *Xá Phó*, mặc áo ngắn 5 màu. Có tộc người Mán Sơn Bán tục gọi là *Xá Sùng*, dùng sừng thú đội trên đầu, tính hay sợ tiếng éch nhái kêu, phần nhiều chọn nơi cao giữa chừng núi mà ở¹. Lễ tiết trong năm thì chỉ có những người Thổ hào, Mán trưởng dần dần theo phong tục người Kinh, còn lại thì không làm gì.

Sản vật:

Trong châu đều là ruộng vụ thu, phần nhiều trồng lúa nếp. Sau khi gặt xong thì trồng khoai lang, ngô. Trong rừng có củ nâu, củ mài, các loại gỗ tạp, tre vầu, nứa. Các loài thú thì lợn rừng, sơn dương, hổ, báo rải rác cũng có nơi có. Súc vật thường nuôi thì cũng giống như ở châu khác.

Khí hậu:

Tháng giêng, tháng hai thường có gió bắc lạnh buốt, hạ tuần tháng 3 mới ấm dần. Tháng 5, 6 gió đông nam, trời nắng nóng. Tháng 7 nắng giảm dần chuyển sang lạnh, thường có gió tây, mưa lớn. Tháng 8 tháng 9 bắt đầu lạnh rét. Ba tháng mùa đông gió bắc lạnh buốt, sương mù bao phủ núi non, đến trưa cũng chưa tan hết, khí lam chướng khá nặng nề.

Núi sông:

Xã Khánh Yên có núi Loan Khoá², núi Mã Yên, núi Nghi Sơn, núi Lan Sơn.

-Một dòng sông lớn từ chỗ giáp giang phận châu Thủy Vĩ qua các xã Xuân Giao, Văn Bàn, Khảo Bàn, Chu Quế, chảy xuống giang phận huyện Trấn Yên. Đó là *sông Thao*, dài 35 dặm, rộng trên dưới 59 trượng, sâu trên dưới 1 trượng. Trong đó:

- Đoạn sông từ giang phận châu Thủy Vĩ đến châu lý châu Văn Bàn dài trên dưới 40 dặm 30 trượng, sâu trên dưới 1 trượng.
- Đoạn sông từ châu lý châu Văn Bàn đến giang phận huyện Trấn Yên dài 35 dặm, rộng trên dưới 59 trượng, sâu trên dưới 1 trượng.

Danh thắng:

-Đền thần Vệ Quốc: ở xã Khảo Bàn.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía đông qua xã Chu Quế đến giáp huyện Trấn Yên, dài 35 dặm 80 trượng rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía tây, qua xã Khánh Yên đến giáp châu Chiêu Tấn, dài 22 dặm 30 trượng, rộng 2 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía bắc, qua bến đò Trấn Hà, lại chuyển về phía tây, qua xã Văn Bàn đến giáp châu Thủy Vĩ, dài 39 dặm 85 trượng, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía bắc qua bến đò Trấn Hà, đến giáp châu Lục Yên tỉnh Tuyên Quang, dài 5 dặm 128 trượng, rộng 3 thước.

CHÂU THỦY VĨ

Châu Thủy Vĩ³ do phủ Quy Hoá thống thật. Châu lý ở phố Bảo Thắng, tổng Ngọc Uyển, chu vi 24 trượng, xung quanh trồng rào tre, mở một cửa trước.

¹Có lẽ vì lý do này cho nên có tên là Mán Sơn Bán 山半蠻.

²Núi Loan Khoá 巒課山, chữ 巒 ĐNNTC phiên là Man, nhưng chữ này chỉ có 1 âm là Loan.

³Châu Thủy Vĩ 水尾州: Xưa là đất Đãng Châu 登州 đời Lý. Tên Thủy Vĩ 水尾 có từ cuối Trần. Thời thuộc Minh là huyện Thủy Vĩ 水尾縣 (một trong 4 huyện thuộc châu Quy Hoá). Đời Lê Quang Thuận (1469) đổi

Châu hạt phía đông giáp huyện Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang, phía tây giáp châu Chiêu Tấn, phía nam giáp châu Văn Bàn, phía bắc giáp huyện Văn Sơn nước Thanh.

Đông tây cách nhau 209 dặm. Nam bắc cách nhau 17 dặm.

Châu có 3 tổng:

1-Tổng Gia Phú, 5 xã, trại:

- | | | | |
|----------------|-----------------|----------------|---------------|
| 1.Xã Gia Phú | 2.Xã Phong Niên | 3.Trại Phủ Yên | 4.Xã Làng Pha |
| 5.Xã Cam Đường | | | |

2-Tổng Ngọc Uyển, 6 xã, trại, phố, vạ:

- | | | | |
|-----------------|------------------|---------------|----------------|
| 1.Xã Ngọc Uyển | 2.Xã Sơn Yêu | 3.Trại Nam Lư | 4.Vạ Bảo Thắng |
| 5.Phố Bảo Thắng | 6.Phố Minh Hương | | |

3-Tổng Lạc Sơn, 3 xã:

- | | | |
|--------------|-----------------------------|------------------|
| 1.Xã Lạc Sơn | 2.Xã Đông Quán ¹ | 3.Xã Trình Tường |
|--------------|-----------------------------|------------------|

Binh ngạch:

Châu hạt không có binh ngạch.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 340 người.

Ruộng đất:

Trong châu không có các hạng đất.

Ruộng tư: 106 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 415 quan.

-Nộp bằng thóc: 69 hộc.

Phong tục:

Trong châu người Thanh (Trung Quốc), người Thổ, người Mán ở xen nhau. Người Thanh phần nhiều tính tình mạnh mẽ. Người Thổ ở nhà sàn, vỡ ruộng ở chỗ đất bằng, làm nghề nông và trồng dâu nuôi tằm, phần nhiều ăn gạo nếp. Duy có thổ hào dân dân theo phong tục người Kinh, hơi biết lễ pháp, áo quần ăn mặc và các lễ tiết trong năm thì giống với người Kinh. Người phố Minh Hương làm nghề buôn bán, theo phong tục nước Thanh, có phần xa xỉ. Người Mán làm nhà trên đỉnh núi, du canh du cư, đốt nương phát rẫy, sống nhờ ở nguồn lợi rừng. Có ba tộc người Mán: *Mán Sơn Tử*, *Mán Người Dao*, *Mán Sừng*, duy có Mán Người Dao dùng chàm đen vẽ lên mình các hình dạng cầm thú, hoa lá, cây cỏ. Trong năm chỉ ngày mồng 1 tháng giêng và ngày rằm tháng 7 giết gia súc để cúng tế tổ tiên mà thôi. Còn như việc cưới xin, tang ma đều sơ sài.

Sản vật:

Lúa nếp lúa tẻ đều có, nhưng cao lương tương đối nhiều hơn. Loại tre thì có tre vầu, nứa. Gỗ thì phần nhiều là gỗ tạp. Quả thì có thảo quả, cam, quýt. Các loài chim thú thì rải rác các nơi cũng có hoạ mi, hổ, hươu. Gia súc thường nuôi cũng giống như các châu khác. Xã Lạc Sơn có mỏ vàng, xã Trình Tường có mỏ đồng nhưng đã đóng cửa, hiện đã sức cho khám thực.

Khí hậu:

Gió mưa bình thường, nhưng khí hậu thì mát lạnh trội hơn. Mây đùn dưới chân núi, mù che sát ngọn cây. Khí lạnh bốc ào ào, dễ gây ra bệnh lam chướng.

là châu Thuỷ Vĩ thuộc phủ Quy Hoá. Các triều sau đều theo thế. Nay là phần lớn đất tỉnh Lào Cai.

¹Xã Đông Quán: Từ đầu Nguyễn trở về trước là động Hoa Quán 花貫. Đầu đời Thiệu Trị kiêng húy chữ Hoa, đổi là xã Đông Quán 同貫.

Núi sông:

Xã Đồng Quán có núi Ái Sơn, núi Loan Nương¹. Xã Lạc Sơn có núi Cổ Lôi. Xã Ngọc Uyển có núi Cổ Tốt. Xã Sơn Yêu có núi Chiêu Sơn.

-Một dòng sông lớn từ giáp nước Thanh (Trung Quốc), qua các xã phố Bảo Thắng, Sơn Yêu, Phong Niên, Cam Đường, Gia Phú, đến giáp giang phận châu Văn Bàn. Đó là *sông Thao*, dài 345 dặm. Trong đó:

- Đoạn sông từ giáp nước Thanh đến Khe Quán dài 145 dặm, rộng trên dưới 70 trượng.
- Đoạn sông từ Khe Quán đến giang phận châu Văn Bàn dài 200 dặm, rộng trên dưới 97 trượng, sâu trên dưới 3 trượng 5 thước.

-Một sông nhỏ từ giáp nước Thanh qua phố Bảo Thắng thông vào sông Thao. Đó là *sông Ngưu Giang*, dài 10 dặm, rộng 40 trượng, sâu 1 trượng.

-Một sông nhỏ từ giáp nước Thanh qua các xã Sơn Yêu, Ngọc Uyển, đến giáp giang phận tỉnh Tuyên Quang. Đó là *sông Lôi Giang*, dài 200 dặm, rộng 12 trượng sâu 1 trượng 5 thước.

Danh thắng:

- Đền Quan Công: ở phố Minh Hương.
- Đền Liễu Hạnh Công chúa: ở phố Minh Hương (sự tích xem ở phần tỉnh Nam Định).
- Đền Long Vương: ở xã Sơn Yêu.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía đông, qua xã Phong Niên đến giáp giới huyện Vị Xuyên tỉnh Tuyên Quang, dài 150 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía nam, qua bến đò sông Thao, lại chuyển về phía đông, qua hai xã Cam Đường, Gia Phú đến giáp châu Văn Bàn, dài 200 dặm, rộng 5 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía bắc đến phố Bảo Thắng, dài 2 dặm 30 trượng, rộng 4 thước.

Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về bến đò sông Thao ở phía tây, qua các xã Lạc Sơn, Đồng Quán, Trình Tường, đến giáp nước Thanh (Trung Quốc), dài 152 dặm 30 trượng, rộng 3 thước.

PHỦ YÊN TÂY

Kính xét: Luân Châu nguyên thuộc phủ này (Yên Tây). Năm Tự Đức thứ 5 (1852) đổi đặt thuộc phủ Điện Biên. Số dặm nam bắc chưa rõ.

Phủ Yên Tây² thống hạt 1 châu Chiêu Tấn, gồm 2 tổng:

¹Núi Loan Nương 巒娘山: ở xã Đồng Quán, bản dịch ĐNNTC (Hung Hoá) phiên là Man Nương.

²Phủ Yên Tây 安西府: Theo ĐNNTC và PĐĐDC: "Phủ Yên Tây thời thuộc Đường là đất châu Lâm Tây, đời Lý là đạo Lâm Tây, cuối Trần đổi là châu Ninh Viễn 寧遠州. Nhà Trần mất, phụ đạo là Đèo Cát Hãn làm phản, xin phụ thuộc nhà Minh. Lê Thái Tổ đánh dẹp Cát Hãn, đổi châu Ninh Viễn thành châu Phục Lễ 復禮州. Đời Hồng Đức (1470-1497) đổi tên hiện nay (tức Yên Tây), đúng ra là vào năm Quang Thuận 10/1469 khi định bản đồ toàn quốc), gồm 10 châu. Khoảng niên hiệu Vĩnh Hựu (1735-1740), Cảnh Hưng (1740-1786) Hoàng Công Thư (tức Hoàng Công Chất) chiếm động Mãnh Thiên 猛天, trải mấy chục năm. Chết, con là Công Toản chạy sang Vân Nam. Các châu Tung Lăng 嵩陵, Hoàng Nham 黃岩, Hợp Phì 合淝, Lê Tuyên 醴泉, Tuy Phụ 綏阜, Khiêm Châu 謙州] đều nội thuộc nước Thanh. [Như vậy phủ Yên Tây đến cuối đời Cảnh Hưng] chỉ còn 4 châu: Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai, Lai Châu, Luân Châu". Đầu triều Nguyễn, tổng trấn Bắc Thành là Nguyễn Văn Thành đã dâng sớ về triều tâu trình nguyên uỷ, nhưng Gia Long cho là còn bận nhiều việc nên chưa báo cho nhà Thanh. Năm Thiệu Trị 1 (1841) tách Lai Châu sang phủ Điện Biên mới lập. Năm Tự Đức thứ 4 (1851) và thứ 5 (1852) lại tách châu Quỳnh Nhai và Luân Châu sang phủ Điện Biên. Như vậy, phủ Yên Tây xưa gồm 10 châu, thực chỉ còn lại 1 châu Chiêu Tấn mà thôi.

1-Tổng Dương Quỳ 2-Tổng Phong Thu

Bình ngạch:

Ghi vào châu Chiêu Tấn.

Nhân đinh: [Bỏ trống]

Ruộng đất: [Bỏ trống]

Thuế tiền: [Bỏ trống]

Thuế thóc: [Bỏ trống]

Phong tục:

Sản vật:

Khí hậu:

Núi sông:

Danh thắng:

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ phía bắc giáp châu Thủy Vĩ đến phía nam giáp Lai Châu, dài 700 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ phía đông giáp châu Văn Bàn đến phía tây giáp châu Quảng Lăng nước Thanh (Trung Quốc), dài 525 dặm, rộng 3 thước.

CHÂU CHIÊU TẤN

Châu Chiêu Tấn¹ do phủ Yên Tây thống hạt. Châu lỵ ở xã Dương Quỳ tổng Dương Quỳ, chu vi 40 tượng. Xung quanh trồng rào tre, mở một cửa trước.

Châu hạt phía đông giáp châu Văn Bàn, phía tây giáp châu Quảng Lăng nước Thanh (Trung Quốc), phía nam giáp châu Quỳnh Nhai, phía bắc giáp châu Thủy Vĩ.

Đông tây cách nhau 266 dặm. Nam bắc cách nhau 313 dặm.

Châu có 2 tổng:

1-Tổng Dương Quỳ, 7 xã, thôn:

1.Xã Dương Quỳ	2.Xã Minh Lang	3.Xã Thanh Quỳ	4.Xã Than Uyên
5.Thôn Hương Vinh	6.Thôn Ngọ Phúc	7.Xã Lương Thiện	

2-Tổng Phong Thu, 4 xã, trại:

1.Xã Phong Thu	2.Xã Bình Lư	3.Trại Làng Nam	4.Trại Thân Thuộc
----------------	--------------	-----------------	-------------------

Bình ngạch:

-Thổ dưỡng: 147 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 512 người.

Ruộng đất:

Trong châu không có các hạng đất.

-Ruộng công, tư: 442 mẫu.

¹Châu Chiêu Tấn 昭晉州: Xưa là đất đạo Lâm Tây đời Lý, châu Ninh Viễn đời Trần (x. phủ Yên Tây). Năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông đặt châu Chiêu Tấn 昭晉州 là 1 trong 10 châu thuộc phủ Yên Tây. Nay là đất huyện Phong Thổ, Sơn Hồ tỉnh Lai Châu, một phần huyện Than Uyên và huyện Văn Bàn tỉnh Lào Cai.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 697 quan.

-Nộp bằng thóc: 132 hộ¹.

Phong tục:

Trong châu người Thanh (Trung Quốc), người Thổ (Tày), Nùng, Mán ở xen lẫn nhau. Người Thanh theo phong tục nước Thanh, có phân xa xỉ. Người Thổ (Tày), Nùng làm nghề trồng dâu nuôi tằm, đánh cá, săn bắn, ai có nghề nấy. Nhà thì ở nhà sàn lợp lá, mặc áo chui đầu² bằng vải nhuộm chàm. Có bệnh thì cầu khấn quỷ thần. Người Nùng phong tục rất quê mùa chất phác. Người Mán chuyên đốt rẫy làm nương, nhưng họ chỉ tìm những nơi đất tốt, đất hơi kém màu thì dời đi chỗ khác. Tục cưới xin, tang ma, cúng tế thì chỉ có những người Thổ hào, Mán trưởng dân dần theo tục người Kinh, ngoài ra không làm gì cả.

Sản vật:

Lúa nếp, lúa tẻ đều có, nhưng cao lương vẫn là nhiều hơn. Quả thì có đào, mận, cam, quýt. Loại tre thì có tre vầu, nứa. Hàng hoá có các loại lụa trắng (thổ quyển), lông cu li³. Chim thú thì rải rác cũng có vẹt, chim công và các loài hổ, báo, hươu, nai. Gia súc chăn nuôi thông thường cũng giống như các châu khác. Thôn Hương Vinh có mỏ bạc, nhưng đã đóng cửa, hiện đã sức cho khám thực.

Khí hậu:

Thời tiết mùa xuân, mùa hè ấm áp ôn hoà, không nóng lắm. Mùa thu, mùa đông lạnh rét trội hơn, trời nhiều mây mù che phủ, đến giờ Tý mới tan. Hơi lạnh ẩm ướt bốc ào ào, dễ sinh bệnh lam chướng.

Núi sông:

Thôn Than Uyên có núi Phong Cương. Xã Bình Lư có núi Ngũ Tiên. Thôn Minh Lương có núi Khau Cương, núi Khau Ca.

-Một sông nhỏ từ xã Lương Thiện chảy ra, qua xã Thanh Quý đến giáp giang phận Lai Châu. Đó là sông Kim Tử, dài 100 dặm, rộng trên dưới 5 trượng, sâu 8 thước.

Danh thắng:

Trong châu không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía đông đến giáp châu Văn Bàn, dài 22 dặm 30 trượng, rộng 3 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía tây qua các xã trại Minh Lương, Than Uyên, Thân Thuộc, Làng Nam, Bình Lư, Phong Thu đến giáp châu Quảng Lăng nước Thanh, dài 425 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía nam qua các xã, thôn Minh Lương, Than Uyên, Lương Thiện, Thanh Quý đến giáp châu Quỳnh Nhai, dài 425 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía bắc qua các xã thôn Minh Lương, Hương Vinh, Ngộ Phúc đến giáp châu Thủy Vĩ, dài 275 dặm, rộng 3 thước 5 tấc.

¹Ngv. chép nhầm là chữ mẫu 畝.

²Ngv.: xuyên y 穿衣.

³Ngv.: kim mao 金毛, loại cây bên ngoài có lông mượt, màu vàng sẫm, cắt ra từng đoạn thường có hình dáng như con chó, con cu li v.v..., cho nên còn gọi là "kim mao cầu tích", thường dùng để nhồi gối hoặc lấy một nhúm lông rịt vào mụn nhọt, chỗ đứt tay chảy máu v.v...

PHỦ ĐIỆN BIÊN

Kính xét: Luân Châu nguyên thuộc phủ Yên Tây, năm Tự Đức thứ 5 (1852) đổi thuộc vào phủ này.

Phủ hạt¹ ở phía tây thành tỉnh. Phủ kiêm lý 1 châu Ninh Biên, thống hạt 5 châu: Tuần Giáo, Luân Châu, Lai Châu, Quỳnh Nhai, Thuận Châu.

Phủ lỵ đặt ở xã Nông Hiệt tổng Phong Thanh châu Ninh Biên. Xung quanh đắp thành đất (nhân theo thành đất đời Lê), chu vi 510 trượng, cao 1 trượng 5 thước, dày 1 trượng. Ngoài thành trồng rào gai, có hào rộng 2 trượng, sâu 6 thước, mở 2 cửa trước, sau. Bốn góc thành đều có 1 lán đặt súng².

Phủ hạt phía đông hạt giáp Thuận Châu, phía tây giáp nước Nam Chưởng, phía nam giáp huyện Trình Cố tỉnh Thanh Hoá, phía bắc giáp châu Quảng Lăng nước Thanh (Trung Quốc).

Đông tây cách nhau 246 dặm. Nam bắc cách nhau 513 dặm.

Phủ kiêm lý châu Ninh Biên gồm 2 tổng, thống hạt 5 châu Tuần Giáo, Luân Châu, Lai Châu, Quỳnh Nhai, Thuận Châu gồm 3 tổng:

1-**Châu Tuần giáo**, 1 tổng:

-Tổng Phụ Yên

2-**Luân Châu**, 1 tổng:

-Tổng Văn Bả

3-**Lai Châu**, 1 tổng:

-Tổng Hoài Lai

4-**Châu Quỳnh Nhai** (chưa đặt tổng)

5-**Thuận Châu** (chưa đặt tổng)

Binh ngạch:

-Thổ dũng: 430 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 1.614 người.

Ruộng đất:

Trong phủ không có các hạng đất.

Ruộng tư: 1.103 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 2.148 quan.

-Nộp bằng thóc: 282 hộc.

Phong tục:

Trong phủ hạt người Thanh (Trung Quốc), người Thổ (Thái), người Mán ở xen nhau. Người Thanh tính khí mạnh tợn, tập tục xa xỉ. Người Thổ (Thái) phần nhiều tàn tiện, tập tục chất phác quê mùa. Người Mán đốt nương làm rẫy, sống du canh du cư. Có người lấy màu chàm đen vẽ lên chân, có người

¹ Phủ Điện Biên 奠邊府: Thành lập năm Thiệu Trị 1 (1841). Nguyên là đất thuộc hai phủ Gia Hưng và Yên Tây. Năm Thiệu Trị 1 (1841) tách 2 châu Ninh Biên, Tuần Giáo của phủ Gia Hưng và Lai Châu của phủ Yên Tây để thành lập phủ Điện Biên. Năm Tự Đức thứ 4 (1851) và thứ 5 (1852) lại tách thêm châu Quỳnh Nhai và Luân Châu (trước cũng của phủ Yên Tây) sang phủ Điện Biên. Khoảng cuối Tự Đức đầu Đồng Khánh lại tách Thuận Châu từ phủ Gia Hưng nhập vào phủ Điện Biên. Như vậy phủ Điện Biên đời Đồng Khánh nay là phần lớn đất tỉnh Lai Châu (trừ vùng Phong Thổ, Sin Hồ), các huyện Quỳnh Nhai, Mường La, Thuận Châu tỉnh Sơn La ngày nay.

² Lán đặt súng, ngv.: pháo xướng, xướng là nhà sơ sài kiểu lán trại.

lấy da thú hoặc sừng thú đội lên đầu. Đại để người Thổ (Thái), người Mán đều làm nghề trồng cấy, dâu tằm, tập tục phần nhiều chuộng ma quỷ. Các việc cưới xin, tang ma, cúng tế so với người Kinh thì có khác biệt.

Sản vật:

Trong phủ phần nhiều là lúa vụ thu, ít lúa vụ hè. Hoa màu, gia súc thường chăn nuôi, cùng là các sản vật tre gỗ v.v... thì các nơi trong phủ đều có. Hàng hoá thì cánh kiến, sa nhân, sáp ong và các loại gà rừng, hổ, báo, hươu, nai, cá, tôm rảo rác cũng có nơi có. Thuận Châu có mỏ diêm tiêu và mỏ lưu huỳnh, nhưng bản phủ đã có từ lâu xin tạm hoãn khai thác. Tuần Giáo có mỏ bạc, Lai Châu có mỏ đồng, nhưng đã đóng cửa, hiện đang sức cho khám thực.

Khí hậu:

Khí hậu nhiều lạnh rét. Khí đất phần nhiều cao, khô, ít chỗ thấp ướt. Mùa đông, mùa xuân mưa ít mà nắng nhiều. Sương mù bốc ào ào, che trùm cả cây cối, dễ sinh bệnh lam chướng. Các châu trong phủ hạt đều như thế. Riêng hai châu Ninh Biên và Luân Châu nông vụ thường làm sớm.

Núi sông:

Phủ hạt đều là núi. Kể những núi có tên:

Châu Ninh Biên có núi Hiền Liêu, núi Phạ, núi Cổ Thành.

Thuận Châu có núi Xích Thổ, núi Đốc, núi Tương, núi Khau Lũng.

Lai Châu có núi Chân Thạch, núi Càn Ca, núi Liên Sơn, núi Lai Sơn.

Tuần Giáo có núi Hào Sơn, núi Phú Thành.

Luân Châu có núi Quảng Sơn, núi Thạch Trản.

-Một dòng sông lớn từ giang phận nước Nam Chưởng chảy vào phủ hạt, qua các châu Lai Châu, Quỳnh Nhai, Thuận Châu, đến giang phận hai châu Mai Sơn, Sơn La phủ Gia Hưng. Đó là *sông Đà*.

Danh thắng:

-Chùa Cổ Thành: ở phủ lỵ.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ phủ lỵ đi về phía đông, qua 2 châu Tuần Giáo, Thuận Châu, đến giáp châu Sơn La phủ Gia Hưng, dài 350 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ phủ lỵ đi về phía bắc, qua 2 châu Tuần Giáo, Quỳnh Nhai đến giáp châu Chiêu Tấn phủ Yên Tây, dài 100 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ phủ lỵ đi về phía tây bắc, qua Lai Châu đến giáp châu Chiêu Tấn phủ Yên Tây, dài 500 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ phủ lỵ đi về phía nam, đến giáp nước Nam Chưởng, dài 250 dặm, rộng 3 thước.

CHÂU NINH BIÊN

Châu Ninh Biên¹ do phủ Điện Biên kiêm lý.

¹Châu Ninh Biên 寧邊州: Khoảng niên hiệu Vĩnh Hựu (1735-1740) Hoàng Công Chất chiếm cứ đất Mường Thanh, lập đồn Ba Vạn (vì trong thành có thể chứa được 3 vạn nhà hoặc 3 vạn người nên gọi tên như thế). Đến năm Cảnh Hưng Ất Mùi (1775) quân của triều Lê Trịnh bình định được, nhân đó chiêu dụ dân ở Mường Nhuyễn đến ở, lập ra châu Ninh Biên thuộc phủ Gia Hưng. Năm Thiệu Trị 1 (1841) tách châu Ninh Biên sang phủ Điện Biên mới lập. Nay là vùng thị xã Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên tỉnh Lai Châu.

Phủ hạt phía đông giáp châu Thuận Giáo, phía tây giáp nước Nam Chưởng, phía nam giáp huyện Trình Cố tỉnh Thanh Hoá, phía bắc giáp Lai Châu.

Đông tây cách nhau 128 dặm. Nam bắc cách nhau 435 dặm.

Châu có 2 tổng:

1-Tổng Phong Thanh, 7 xã:

1.Xã Phong Thanh	2.Xã Nông Hiệt	3.Xã Lai Sâm	4.Xã Tấu Cư
5.Xã Bá Bao	6.Xã Chiêu Lai	7.Xã Bình Thản	

2-Tổng Tiên Phong, 6 xã:

1.Xã Tiên Phong	2.Xã Bình Đôn	3.Xã Phương Man	4.Xã Tú Ba
5.Xã Mạnh Gia	6.Xã Hiền Liêu		

Bình ngạch:

-Thổ dưng: 184 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 242 người.

Ruộng đất:

Trong châu không các hạng đất.

Ruộng tư: 61 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 317 quan.

-Nộp bằng thóc: 15 hộc.

Phong tục:

Trong châu hạt, người Thổ (Thái) tiếng nói lú lo, tập tục phần nhiều chất phác, lấy cày ruộng dệt vải làm nghề, nghi lễ cúng tế đều không có. Về ca hát thì chỉ có thổi sáo lá¹ mà thôi. Ba xã Tiên Phong, Hiền Liêu, Tú Ba phần nhiều theo đạo Phật. Người phố Minh Hương phong tục có phần xa xỉ, so với người Thổ (Thái) thì khác nhau.

Sản vật:

Nhiều lúa thu, ít lúa hè. Đậu thì có đậu xanh, đậu vàng. Dưa thì có dưa chuột. Quả thì có chuối tiêu. Hàng hoá thì có các loại vải thô, sáp ong. Gia súc thường nuôi thì các nơi đều có. Các loài thú như hổ, báo, hươu, nai thì rải rác cũng có ở một vài nơi.

Khí hậu:

Trong bốn mùa thì rét lạnh quá nửa. Khí đất thì ít nơi cao khô, phần nhiều thấp ẩm. Việc nông thì tháng 4 gieo mạ, tháng 5, 6 xuống cấy, tháng 8, 9 gặt thóc. Thời tiết tuy đến sớm, nhưng nhiều khí lam chướng. Trong khoảng tháng 7, tháng 8 thỉnh thoảng nổi gió lốc, bạt cây gãy lúa.

Núi sông:

Xã Hiền Liêu có núi Hiền Liêu. Xã Lai Sâm có núi Phạ Sơn. Xã Tiên Phong có núi Cổ Thành.

-Một sông nhỏ từ chỗ giáp giang phận huyện Trình Cố tỉnh Thanh Hoá, qua các xã Hiền Lương, Tiên Phong, Mạnh Gia, Bình Đôn, đến giáp giang phận Thuận Châu. Đó là *sông Mã*, dài 150 dặm, rộng trên dưới 10 trượng, sâu 8 thước.

-Một sông nhỏ từ xã Tấu Cư qua các xã Phong Thanh, Bá Bao, Chiêu Lai, Bình Thản, Nông Hiệt, Phương Mạn thông vào sông Nậu Giang. Đó là *sông Sâm Giang*, dài 200 dặm 50 trượng, rộng trên dưới 4 trượng, sâu 5 thước.

¹Sáo lá, ngv. thảo địch 草笛, thường gọi là đàn môi, người thổi lấy một chiếc lá gập lại ngậm giữa hai môi thổi.

-Một sông nhỏ từ chỗ giáp giang phận nước Nam Chưởng chảy vào sông Sâm Giang thuộc bản châu (sông Sâm Giang ở phía đông châu hạt, chảy về phía tây, hợp lưu với sông Nậu Giang chảy sang địa giới nước Nam Chưởng), rồi lại chảy ra địa giới nước Nam Chưởng. Đó là *sông Nậu Giang*, dài 100 dặm, rộng trên dưới 4 trượng, sâu 5 thước.

Danh thắng:

-Chùa Cổ Thành: ở phủ lý (phủ lý đặt ở xã Nông Hiệt. Tương truyền chùa do người Lào cất dựng).

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ phủ lý (đặt ở xã Nông Hiệt) đi về phía đông, qua xã Chiêu Lai đến giáp châu Thuận Giáo, dài 150 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ phủ lý đi về phía đông qua xã Chiêu Lai, lại chuyển về phía bắc qua xã Tấu Cư đến giáp Luân Châu, dài 300 dặm, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ phủ lý về phía nam qua các xã Phương Man, Mạnh Gia, Tiên Phong, Hiền Liều đến giáp nước Nam Chưởng, dài 200 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ phủ lý về phía bắc qua xã Lai Sâm đến giáp Lai Châu, dài 150 dặm, rộng 3 thước.

CHÂU TUÂN GIÁO

Tuân Giáo¹ là châu do phủ Điện Biên thống hạt.

Châu lý ở xã Quy Mộ tổng Phụ Yên, chu vi 36 trượng, chung quanh trồng rào tre, có 1 cửa trước.

Châu hạt phía đông giáp Thuận Châu, phía tây giáp châu Ninh Biên, phía nam giáp Thuận Châu, phía bắc giáp Luân Châu.

Đông tây cách nhau 176 dặm. Nam bắc cách nhau 64 dặm.

Châu có 1 tổng:

Tổng Phụ Yên, 3 xã:

1.Xã Phụ Yên

2.Xã Quy Mộ

3.Xã Xuân Dương

Bình ngạch:

-Thủ dũng có 50 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 211 người.

Ruộng đất:

Trong châu không có các hạng đất.

-Ruộng tư: 15 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 274 quan.

-Nộp bằng thóc: 4 hộc.

¹Châu Thuận Giáo 遵教州: Nguyên là đất Thuận Châu đời Lê Thánh Tông. Vì địa bàn Thuận Châu quá rộng, năm Cảnh Hưng 40 (1779) tách riêng động Thuận Giáo làm châu Thuận Giáo. Đời Gia Long, Minh Mệnh vẫn theo thế. Năm Thiệu Trị 1 (1841) tách châu Thuận Giáo sang phủ Điện Biên mới lập. Nay là đất huyện Thuận Giáo tỉnh Lai Châu.

Phong tục:

Trong châu hạt, người Thổ (Thái) tập tục chuộng chất phác, khai khẩn đất bằng làm ruộng, ở nhà sàn lợp lá. Đàn ông mặc màu xanh đen, đàn bà mặc áo ngắn vải trắng. Trong núi nhiều thú, sông suối nhiều cá. Nhiều người Thổ (Thái) làm nghề đánh cá. Người Mán làm nhà trên đỉnh núi.

Sản vật:

Đất hợp với lúa nếp. Gỗ trong núi thì phần nhiều là gỗ tạp. Loài tre thì có tre vầu, nứa. Quả có sa nhân. Gia súc chăn nuôi thông thường cũng giống như ở châu khác. Rải rác cũng có nơi có hổ, báo, hươu, nai. Xã Quy Mộ có mỏ bạc, nhưng đã đóng cửa, hiện đang sức cho khám thực.

Khí hậu:

Thời tiết mưa gió bình thường, rét nắng ngang nhau. Khí đất cao khô. Việc nông theo mùa, nhưng cây cỏ rậm rạp, khí lạnh bốc ào ào, dễ sinh bệnh lam chướng.

Núi sông:

Trong châu không có sông lớn.

Xã Quy Mộ có núi Hào Sơn, núi Phú Thành.

Danh thắng:

Trong châu không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía tây, qua các xã Phụ Yên, Xuân Dương, đến giáp châu Ninh Biên, dài 100 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía nam, qua xã Phụ Yên, đến giáp Thuận Châu, dài 85 dặm, rộng 3 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía đông đến giáp Thuận Châu, dài 30 dặm, rộng 3 thước.

LUÂN CHÂU

Luân Châu¹ do châu Tuân Giáo là châu thống hạt của phủ Điện Biên kiêm nhiếp.

Châu hạt phía đông giáp châu Quỳnh Nhai, phía tây giáp châu Ninh Biên, phía nam giáp châu Tuân Giáo, phía bắc giáp Lai Châu.

Đông tây cách nhau 188 dặm. Nam bắc cách nhau 147 dặm.

Châu có 1 tổng

Tổng Văn Bảng, 3 xã:

1.Xã Văn Bảng

2.Xã Đôn Đức

3.Xã Cồn Luân

Binh ngạch:

Châu hạt không có binh ngạch.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 144 người.

Ruộng đất:

Châu hạt không có các hạng đất.

Ruộng tư: 46 mẫu.

¹Luân Châu 倫州: Đời Lê Quang Thuận (1469) đặt Luân Châu là một trong 10 châu thuộc phủ Yên Tây. Năm Tự Đức 5 (1852) tách Luân Châu sang phủ Điện Biên. Nay là đất huyện Mường Lay tỉnh Lai Châu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 192 quan.

-Nộp bằng thóc: 11 hộc.

Phong tục:

Châu hạt thế hẹp, đất cằn, dân nghèo, tục xén. Người Thổ (Thái) ở nhà sàn, đặt bếp giữa nhà. Đàn ông cày bừa, đàn bà canh củi. Tục chuộng ma quỷ, xảy ra chuyện gì thì cầu khẩn. Người Mán đốt nương làm rẫy, du canh du cư. Đàn ông thì dùng chàm đen vẽ lên hai chân hình dạng các loài thú vật, nói là có thể trừ được u quái. Các việc cưới xin, tang ma, cúng tế đều sơ sài đơn giản.

Sản vật:

Nhiều lúa nếp. Đậu thì có đậu xanh, đậu vàng. Loài tre thì có tre vầu, nứa. Hàng hoá thì có vải trắng, sáp ong. Các loài thú thì có hổ, báo, hươu, nai. Súc vật chăn nuôi thì cũng thông thường giống như ở châu khác.

Khí hậu:

Thời tiết rét nhiều, khí đất cao khô. Nông sự, việc nhà nông thì tháng 4 gieo mạ, tháng 5, 6 cấy lúa, tháng 8, 9 thu hoạch. Thời tiết đến sớm, nhưng núi non bao bọc, cỏ cây um tùm, khí núi bốc lên ào ào, dễ sinh bệnh lam chướng.

Núi sông:

Xã Văn Bảng có núi Quảng Sơn, núi Thạch Trản.

Một dòng sông lớn từ giáp giang phận Lai Châu, qua xã Đôn Đức đến giáp giang phận châu Quỳnh Nhai. Đó là sông Đà, dài 200 dặm. Trong đó:

•Đoạn sông từ giang phận Lai Châu đến Khe Bắc dài 70 dặm, rộng trên dưới 28 trượng, sâu trên dưới 8 thước.

•Đoạn sông từ Khe Bắc đến giáp phận châu Quỳnh Nhai, dài 130 dặm, rộng trên dưới 30 trượng, sâu trên dưới 1 trượng.

Danh thắng:

Châu hạt không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ phía bắc giáp Lai Châu, qua các xã Văn Bảng, Đôn Đức, Côn Luân đến giáp châu Quỳnh Nhai, dài 220 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ phía tây giáp châu Ninh Biên, qua 2 xã Văn Bảng, Côn Luân đến giáp châu Thuận Giáo, dài 200 dặm 30 trượng, rộng 3 thước.

LAI CHÂU

Lai Châu¹ là châu thống hạt của phủ Điện Biên.

Châu lỵ đặt ở xã Hoài Lai tổng Hoài Lai, chu vi 40 trượng, xung quanh trồng rào tre, mở 1 cửa trước.

¹Lai Châu 萊州: Một trong 10 châu thuộc phủ Yên Tây thành lập thời Lê Thánh Tông. Năm Thiệu Trị 1 (1841) tách Lai Châu sang phủ Điện Biên mới lập. Nay là đất huyện Mường Lay và thị xã Lai Châu.

Châu hạt phía đông giáp Luân Châu, phía tây giáp nước Nam Chưởng, phía nam giáp châu Ninh Biên, phía bắc giáp châu Quảng Lăng nước Thanh. Đông tây cách nhau 176 dặm. Nam bắc cách nhau 78 dặm.

Châu có 1 tổng:

Tổng Hoài Lai, 1 xã:

Xã Hoài Lai

Binh ngạch:

-Thổ dũng: 50 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 106 người.

Ruộng đất:

Trong châu không có các hạng đất.

-Ruộng tư: 106 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 153 quan.

-Nộp bằng thóc: 27 hộc.

Phong tục:

Trong châu, tập tục người Thổ (Thái) chuộng thật thà chất phác, làm nghề nông tang, mặc áo vải chàm chui cổ, ở nhà sàn lợp lá. Đàn bà con gái không kể đã có chồng hay chưa đều búi tóc. Các lễ tết trong năm đều sơ sài đơn giản. Có tục người Mán đàn ông dùng chàm đen vẽ hình thú vật lên hai chân, nói là để trừ ma quái.

Sản vật:

Lúa thì nhiều lúa nếp. Cây thì có tô mộc, gỗ sến, gỗ táu, xoan, cây vỏ dó. Quả thì có các loại cam, quýt. Lại có một nơi có hang tôm (tôm từ trong khe theo nước trôi ra rất nhiều). Hồ, báo, hươu, nai thì rải rác cũng có nơi có. Gia súc chăn nuôi thông thường cũng giống như ở châu khác. Xã Hoài Lai có mỏ đồng Lai Xương, nhưng đã đóng cửa, hiện đang sức cho khám thực.

Khí hậu:

Bầu trời thường âm u, ít ngày được trời quang mây tạnh. Mùa xuân, mùa đông rất rét. Mùa hè rất nóng. Chỉ có mùa thu là khí hậu ôn hoà. Khí đất cao khô, nhưng cây cối um tùm, nhiều khí lam chướng.

Núi sông:

Xã Hoài Lai có núi Liên Sơn, núi Lai Sơn, núi Chân Thạch, núi Càn Ca.

-Một dòng sông lớn từ giáp giang phận nước Nam Chưởng chảy qua xã Hoài Lai đến giáp giang phận Luân Châu. Đó là sông Đà, dài 150 dặm 10 trượng. Trong đó:

- Đoạn sông từ giáp giang phận nước Nam Chưởng đến Na Giang dài 76 dặm 10 trượng, rộng trên dưới 18 trượng, sâu trên dưới 7 thước.
- Đoạn sông từ Na Giang đến giáp giang phận Luân Châu dài 74 dặm, rộng trên dưới 20 trượng, sâu trên dưới 8 thước.

-Một sông nhỏ từ giáp giang phận châu Quảng Lăng chảy qua châu lý, hợp lưu với sông Kim Tử, thông vào sông Đà. Đó là sông Na Giang, dài 80 dặm, rộng trên dưới 3 trượng, sâu 8 thước.

Danh thắng:

Châu hạt không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía đông, qua bến đò sông Đà ở xã Hoài Lai, đến giáp Luân Châu, dài 5 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía tây, đến giáp nước Nam Chuông, dài 60 dặm, rộng 3 thước 5 tấc.

-Một đường nhỏ từ châu lý đi về phía bắc đến giáp châu Quảng Lăng nước Thanh, dài 200 dặm, rộng 3 thước.

CHÂU QUỲNH NHAI

Châu Quỳnh Nhai¹ do phủ Điện Biên thống hạt. Châu lý đặt ở xã Yên Trạch. Chu vi 70 trượng, xung quanh trồng rào tre, mở 1 cửa trước.

Châu hạt phía đông giáp huyện Văn Chấn, phía tây giáp Luân Châu, phía nam giáp Thuận Châu, phía bắc giáp Luân Châu.

Đông tây cách nhau 308 dặm. Nam bắc cách nhau 131 dặm.

Châu có 4 xã (chưa đặt tổng):

1.Xã Dương Di

2.Xã Yên Trạch

3.Xã Ngọc Thiển

4.Xã Yên Trịnh

Bình ngạch:

-Thổ dưng: 18 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 199 người.

Ruộng đất:

Châu hạt không có loại đất.

Ruộng tư: 623 mẫu.

Thuế cả năm:

-Nộp bằng tiền: 337 quan.

-Nộp bằng thóc: 159 hộc.

Phong tục:

Trong châu, người Thổ (Thái) tiếng nói lú lo, tập tục què mùa chất phác, làm nghề cày cấy, trồng dâu, nuôi tằm, đánh cá, săn bắn. Họ mặc áo vải nhuộm chàm, ở nhà sàn lợp lá. Tập tục chuộng quỉ thân, có bệnh không uống thuốc mà chỉ sát sinh để cầu thần mà thôi. Người Mán phát nương làm rẫy, sống nhờ nguồn lợi của rừng, phụ nữ lấy da buộc làm sừng dài khoảng một thước rưỡi để đội trên đầu, tục ấy thì khác với người Thổ (Thái).

Sản vật:

Lúa nếp, đậu xanh, sa nhân, sáp ong. Có một chỗ gọi là Hang tôm (tôm từ trong khe theo nước trôi ra rất nhiều). Các loài thú như hổ, báo, hươu, nai rải rác cũng có nơi có. Súc vật chăn nuôi thông thường cũng giống như ở châu khác.

Khí hậu:

Nắng ít, rét nhiều. Khí đất phân nhiều cao khô, ít nơi thấp ẩm. Việc nông phân nhiều là ruộng vụ thu. Cây cối um tùm, khí lạnh bốc lên ào ào, dễ sinh bệnh lam chương.

¹Châu Quỳnh Nhai 瓊崖州: Một trong 10 châu thuộc phủ Yên Tây thành lập thời Lê Thánh Tông. Năm Tự Đức 4 (1851) tách châu Quỳnh Nhai sang phủ Điện Biên mới lập. Nay là đất huyện Quỳnh Nhai tỉnh Lai Châu.

Núi sông:

Trong châu hạt không có núi nổi tiếng.

-Một dòng sông lớn từ giáp giang phận Luân Châu, qua xã Yên Trạch đến giáp giang phận Thuận Châu. Đó là *sông Đà*, dài 200 dặm. Trong đó:

- Đoạn sông từ giang phận Luân Châu đến Khe Chiền, dài 90 dặm, rộng trên dưới 20 trượng, sâu trên dưới 8 thước.
- Đoạn sông từ Khe Chiền đến giang phận Thuận Châu dài 110 dặm, rộng trên dưới 25 trượng, sâu trên dưới 9 thước.

Danh thắng:

Châu hạt không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía đông qua bến sông Đà, qua xã Ngọc Thiển, đến giáp huyện Văn Chân, dài 150 dặm, rộng 4 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía tây qua xã Yên Trạch đến giáp Luân Châu, dài 75 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía bắc qua bến sông Đà, qua 2 xã Dương Di, Yên Trịnh đến giáp Luân Châu, dài 175 dặm, rộng 3 thước.

THUẬN CHÂU

Thuận Châu¹ do phủ Điện Biên thống hạt. Châu lỵ ở xã Xuân Mai², chu vi 45 trượng, bốn phía trồng rào tre, mở 1 cửa trước.

Châu hạt phía đông giáp châu Sơn La, phía tây giáp châu Tuần Giáo, phía nam giáp châu Mai Sơn, phía bắc giáp châu Quỳnh Nhai.

Đông tây cách nhau 138 dặm. Nam bắc cách nhau 142 dặm.

Châu có 5 xã (chưa đặt tổng):

- | | | | |
|-----------------|----------------|------------------|---------------|
| 1.Xã Nam Trịnh | 2.Xã Trịnh Bắc | 3.Xã Khinh Khoái | 4.Xã Xuân Mai |
| 5.Xã Thanh Bình | | | |

Bình ngạch:

-Thổ dưỡng: 98 người.

Nhân đinh:

-Đinh số chính nạp: 712 người.

Ruộng đất:

Châu hạt không có các hạng đất.

-Ruộng tư: 250 mẫu.

¹Thuận Châu 順州: Đồi Trần là đất đạo Đà Giang 沱江道. Đồi Lê Quang Thuận (1469) đặt Thuận Châu thuộc phủ Gia Hưng. Đồi Lê Trung hưng trích đất Thuận Châu lập thêm 3 châu mới là Sơn La, Mai Sơn, Tuần Giáo. Đầu đời Tự Đức, Thuận Châu (phần còn lại) vẫn đặt thuộc phủ Gia Hưng. Nhưng đến khoảng cuối Tự Đức (hoặc đầu Đồng Khánh) lại tách Thuận Châu sang phủ Điện Biên (trong ĐNNTC Thuận Châu vẫn thuộc phủ Gia Hưng). Nay là huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La.

²Ngv. chép: xã Thanh Mai 青枚, nhưng trong 5 xã kê dưới không có xã Thanh Mai, chỉ có xã Xuân Mai 春枚, tra trên bản đồ cũng thấy chữ Xuân Mai ghi bên cạnh châu lỵ Thuận Châu.

Thuế cả năm:

- Nộp bằng tiền: 874 quan.
- Nộp bằng thóc: 64 hộc.

Phong tục:

Trong châu, người Thổ (Thái) đàn ông thì cày bừa, đàn bà dệt vải. Họ ở nhà sàn lợp lá, bếp đặt giữa nhà, tục chuộng ma quỷ, có bệnh không uống thuốc, chỉ giết súc vật làm lễ cầu đảo mà thôi. Con trai lấy vợ, không cầu nệ nghèo giàu, đều ở rể 6 năm, sau đó mới thành hôn. Còn lễ tết cúng tế trong năm đều sơ sài đơn giản. Người Mán phát nương làm rẫy, du canh du cư.

Sản vật:

Lúa thì có lúa nếp, đậu thì có đậu xanh, đậu vàng. Hàng hoá thì vải thô, sa nhân, cánh kiến, tô mộc, vỏ cây dó. Các loài chim thú như gà rừng, hổ, báo, hươu, nai thì rải rác cũng có nơi có. Súc vật chăn nuôi thông thường cũng như ở châu khác. Xã Xuân Mai có mỏ diêm tiêu Bản Đàm. Xã Nam Trịnh có mỏ lưu huỳnh Muồng Lâm, nhưng đã có tờ tâu xin tạm hoãn khai thác, hiện đã sức cho khám thực.

Khí hậu:

Thời tiết rét nhiều mà nóng ít. Khí đất phần nhiều cao khô, ít nơi thấp ẩm. Việc nông chỉ có ruộng vụ thu. Vì núi rừng cây cối rậm rạp, khí lạnh bốc lên dễ tích thành bệnh lam chướng.

Núi sông:

-Xã Xuân Mai có núi Khau Lũng, núi Xích Thổ, núi Đốc Sơn, núi Tương Sơn.

-Một dòng sông lớn từ chỗ giáp giang phận châu Quỳnh Nhai qua các xã Xuân Mai, Thanh Bình, Kinh Khoái, đến giáp giang phận châu Sơn La. Đó là *sông Đà*, dài 200 dặm. Trong đó:

- Đoạn sông từ giang phận châu Quỳnh Nhai đến Khe Kinh, dài 150 dặm, rộng trên dưới 25 trượng, sâu trên dưới 8 thước.
- Đoạn sông từ Khe Kinh đến giang phận châu Sơn La dài 50 dặm, rộng trên dưới 30 trượng, sâu trên dưới 1 trượng.

-Một sông nhỏ từ chỗ giáp giang phận châu Ninh Biên, qua các xã Nam Trịnh, Trịnh Bắc, đến giáp giang phận châu Sơn La. Đó là *sông Mã*, dài 200 dặm, rộng trên dưới 30 trượng, sâu 8 thước.

Danh thắng:

Châu hạt không có danh thắng.

Đường đi:

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía đông qua các xã Thanh Bình, Kinh Khoái, đến giáp châu Sơn La, dài 50 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía tây đến giáp châu Thuận Giáo, dài 75 dặm, rộng 3 thước.

-Một đường nhỏ từ châu lỵ đi về phía đông, qua xã Trịnh Bắc, lại chuyển về phía nam qua bến đò sông Mã đến giáp châu Mai Sơn, dài 350 dặm, rộng 5 thước.

興化省莅臣等欽遵批示編繪圖本進呈奏冊

目錄

原本無有

興化省	頁一
嘉興府	頁七
三農縣	頁十二
清山縣	頁十六
清水縣	頁二十
山羅州	頁二十三
枚山州	頁二十六
扶安州	頁二十九
枚州	頁三十三
陀北州	頁三十六
木州	頁三十九
安州	頁四十二
歸化府	頁四十五
文振縣	頁四十九
鎮安縣	頁五十二
安立縣	頁五十六
文盤州	頁五十九
水尾州	頁六十二
安西府	頁六十六
昭晉州	頁六十八
奠邊府	頁七十一
寧邊州	頁七十五

遵教州
 倫州
 萊州
 瓊崖州
 順州

頁七八
 頁八一
 頁八四
 頁八七
 頁九十

同慶敕製御覽

興化省

省城在三農縣竹批社地分。城砌蜂石，周圍通長叁百拾陸丈玖尺捌寸，高壹丈貳尺壹寸。城身肆角厚玖尺壹寸。門肆，濠闊貳丈捌尺，深玖尺。省轄東夾山西省不拔縣界，西夾清國廣陵州界，南夾清化省呈固縣界，北夾宣光省陸安州界。東南夾寧平省儒關府界，西南夾南掌國界，東北夾山西省臨洮府界，西北夾清國開化府界。東西相距柒百陸拾肆里，南北相距陸百肆拾陸里。

省轄統府肆縣陸州拾陸

嘉興府（府莅未建以下）

統轄三農、清山、清水叁縣，山羅、枚山、扶安、枚州、陀北州、木州、安州柒州

歸化府

統轄文振、鎮安、安立叁縣，文盤、水尾貳州

安西府

統轄昭晉壹州

莫邊府（有府莅）

兼理寧邊壹州。統轄遵教、倫州、萊州、瓊崖、順州五州

兵額

揀兵壹百叁拾陸人

又土勇貳千五百柒拾肆人

又手勇（新設，住守館司、鎮河貳屯）貳百人

人丁

正納丁數捌千玖百柒拾陸人

田土

公私各項田土壹萬玖貳百玖拾肆畝

稅錢

全年應徵壹萬五千五百肆貫

又產稅錢貳千捌百五貫

稅粟

全年應徵柒千柒百貳拾斛

風俗

省轄各府縣州民，漢、清、土、儂蠻間雜。其寰省漢民風俗醇質，稍之禮法。士農工商各有一業。言語、文字、服用、歲辰與山西省同。上游諸縣州間有清人居住，俗從清國，稍涉於奢。儂人風俗甚於樸陋。土民草廬架棧，平地墾田，林旁溪邊民居不一。蠻人隨地移居，依山築室，刀耕火耨，林利資生。大率土蠻性多獷悍，俗尚儉樸。男則漁獵耕

農，女間有蠶織爲業。食多糯米，服用藍布，囊背以裹兒，竹筒以汲水。疾病則祈禱，嫁娶則出贅。至如歲辰喪祭惟土豪、蠻長漸染漢風。餘皆率略，較與漢民有別。

物產

秋禾多，夏禾少。芋荳、柑橘及諸常畜產處處有之，但不甚多。林分則有草菓、青竹、斑竹、鐵樅、鐵櫟、麋鹿、虎豹、野豬、羊、熊之類。江分則有魚鱉鱸魴等物。又貨有砂仁、麻皮、楮皮、黃蠟、紫蟻、粗布、土絹等項。惟三農縣有白布、生漆產稅。餘如山羅、枚山之金礦，順州之砒硝礦、硫磺礦經奉摺請暫緩。文振之金礦，水尾之金礦、銅礦，昭晉、遵教之銀礦，鎮安、萊州、枚山、安州之銅礦，山羅、扶安之砒礦，枚山之砒硝礦現經封閉，茲現方行飭勘。

氣候

懷省正月膏雨，貳、叁月天氣溫和，五、陸月盛暑，柒、捌月多風雨，颶風間發，拾月雷收聲，拾壹月風寒，拾貳月大凍少雨，始發雷。地氣則山平土濕，節候如常。夏田玖月秧，拾貳月稼，肆月穫。秋田肆月秧，陸月稼，拾月穫，與中土同。上游諸縣州轄民皆山居。天氣一移寒暑卻別。將暑而知

熱，未寒而知寒。地氣高者燥，低者濕。山嵐蒸鬱，日至辰、巳霧氣未收。故其地多嵐瘴。叁、玖兩月尤甚。山溪及支江諸水大抵多惡。田地多沿山而耕，障溪而稼。山農多蜀黍，田農多糯米，而秈稻最少。一有積水浸濕農利欠收。蓋處處皆山而溪渠淺狹，水之消洩頗遲故也。

山水

省轄多山。舉其有名者，惟安州之洞庭山，木州之坡籠山，清山之雄珥山，清水之鑄舌山。其次則清山又有長山、菊山，清水又有熟練山，木州又有魯洞山、風穴山、煙穴山，山羅之班山、邱哥山、邱納山，枚山之賢山，文振之芝山、邱筆山，鎮安之蓋嶺山，喋鷺山，水尾之巒娘山、古雷嶺、古卒嶺、招山、愛山，文盤之闌山、巒課山、宜山、馬鞍嶺，遵教之毫山、富城山，倫州之廣山、石盞山，昭晉之風峒山、五仙嶺、邱崗山、邱軻山，寧邊之賢僚山、古城山、怕山，順州之赤土山、篤山、襄山、邱隴山，萊州之蓮山、萊山、真石山、乾哥山，扶安之石陵山、聽答山、汰山、萊山。蜀壘山，枚州之行山、赤石山、女王山、仙瓢山、彬山，陀北之尋景山、柘山、炭山、樺山、艾山、龍門山、寧山、艮山、神谷山，安立之光山、護山、沉峙山、象口山。

省轄江道，舉其大者，惟有洮江、沱江，其次則馬

名勝

江、美江、春臺江、熟練江、金子河、牛江、森江、潘江、扶安江、那江、耨江。

文廟、啓聖祠、會同廟、城隍廟均在三農縣竹批社地分。清山之傘圓山神祠、關公祠、陳大將祠、靈懿神祠，清水之丁大將軍祠，陀北之龍水堤神祠，枚山之橫江神祠，扶安之傘圓山神祠，寧邊之古城寺，鎮安之葉夫人神祠、衛國神祠，文盤之衛國神祠，水尾之關公祠、柳杏公主祠、龍王祠。

路程

一條關報路東自山西省山光站，渡沱江下農津，經興農站過洮江竹批津至山西省山石站，長柒拾里，橫壹丈。

一條小路自省城而南，經清山、扶安、滌什、沱江渡，又經枚山、山羅、順州、遵教、奠邊等府縣州，至夾南掌國界，長壹千貳百五拾里，橫肆尺。

一條小路自省城而西，經三農縣美河渡，過山西錦溪、夏和貳縣轄，至文振縣莅，長壹百陸拾里拾壹丈，橫肆尺。

一條小路自省城而西，經三農縣美河渡，又經山西省錦溪、夏和貳縣，又經鎮安、文盤、水尾叁縣州，至夾清國界，長玖百陸拾里五丈，橫肆尺。

一條小路自省城而西，經三農縣美河渡，過山西省錦溪、夏和貳縣轄，又經鎮安、文盤貳縣州，至昭晉州莅，長五百里，橫叁尺。

嘉興府

（府莅未建。東西南北，里數未詳）

統轄三農、清山、清水叁縣，山羅、枚山、扶安、枚州、陀北、木州、安州柒州，二拾總

三農縣五總：

文郎總 賢關總 上農總 四美總

易耨總

清山縣叁總：

芳膠總 春臺總 傑山總

清水縣二總：

安朗總 巨勝總

山羅州

（原未設總）

枚山州壹總：

呈吉總

扶安州貳總：

琬輝總 祥豐總

枚州貳總：

白枚總 青枚總

陀北州貳總：

賢良總 德間總

木州貳總：

木上總 木下總

安州壹總：

冊林總

兵額

揀兵壹百拾捌人，土勇壹千五拾玖人

人丁

正納丁數肆千柒百五十人

田土

公私田各項田土壹萬肆千肆百玖拾捌畝

稅錢

全年應徵玖千壹百拾肆貫。又產稅錢肆拾捌貫

稅粟

全年應徵陸千肆百貳拾叁斛

風俗

三農壹縣，清山縣壹總（芳膠總）均是漢民。士農工商各有其藝。昏喪祭祀，言語文字與中土同。上游諸縣州間有清人居住，俗從清國，稍涉於奢。土民草

蘆架棧，平地墾田。蠻人刀耕火耨，林利資生。有白族、黑族，又有俗號舍刀錢。其俗互有異同，大抵皆以農桑漁獵爲業。至於歲辰祭祀，惟土豪蠻長漸從漢俗。餘則無之。

物產

糯稻、秈稻、芋荳蜀黍等項府轄縣州亦各有之，但不多耳。林分有青竹、沙竹、鐵樅、鐵榜、蘇木、黃蠟、砂仁、麻皮、楮皮及山雞、麋鹿、虎豹之類，江分有鱸魴蝦蟹之類。惟三農縣有白布、生漆產稅。至如金礦出於山羅、枚山經奉摺請暫緩。山羅扶安之砒硝礦，枚山之砒硝貳礦，枚山、安州之銅礦現經封閉，茲現方各行飭勘。

氣候

三農、清山貳縣居近省城，天氣常調，地氣卑濕，節候如常，鮮有嵐瘴，殆與省同。上游諸縣州，所居山脚，天氣一移，寒暑卻異，地氣高燥，寒霧薰蒸，多有嵐瘴，每至叁、玖兩月尤重。

山水

府轄多山。舉其有名者，惟清山之雄珥山，安州之洞庭山，木州之坡籠山，清水之鑄舌山。其次則清山之秋菊山、長山，清水之熟練山，枚山之賢山、象山，山羅之班山、邱哥山、邱納山，扶安之蜀壘山、石陵山、聽答山、汰山、菜

山，木州之魯洞山、風穴山、煙穴山、枚州之行山、赤石山、女王山、仙瓢山、彬山，陀北之尋景山、炭山、樺山、龍門山、寧山、艮山、神谷山。

大江二條。一條自山西省錦溪縣江分經府轄三農縣，並興省城，與沱江合流，是為洮江。一條自莫邊府瓊崖順州江分經府轄山羅、枚山、扶安、木州、枚¹⁰⁹州、三農等縣州，與洮江合，是為沱江。

名勝

省文廟、啓聖祠、會同廟、城隍廟均在三農縣竹批社地分。清山有傘圓山神祠、關公祠、陳大將祠、靈懿神祠，清水有丁大將軍祠，陀北之龍水堤神祠，枚山之橫江神祠，扶安之傘圓山神祠。

路程

一條關報路自三農縣下農渡，經興農站興省城至竹批津次，長拾里柒拾丈，恒壹丈。

11a

一條小路自興省城經三農縣至美河渡，夾山西省錦溪縣界，長貳拾里五丈，橫肆尺。

一條小路自興省經三農縣清山、扶安、枚山、山羅等縣州至夾莫邊府順州界，長陸百五拾里，橫肆尺。

12a

三農縣

嘉興府統轄。縣莅在文郎總古薛社，周圍通長五拾五丈五尺。肆面竹籬，前門壹。

地轄東夾山西省山圍縣界，西夾清山縣界，南夾山西省不拔縣界，北夾山西省錦溪縣界。東西相距肆拾壹里，南北相距肆拾捌里。

縣轄五總

文郎總玖社：

文郎社

古薛社

名園社

春光社

南疆社

富疆社

自疆社

阜疆社

清淵社

賢關總陸社：

賢關社

家喻社

秋場社

香衙社

嘉襖社

域場社

上農總五社：

上農社

下農社

西陽社

山崗社

竹批社

四美總捌社：

四美社

芳關社

齊魯社

雄都社

平魯社

衛都社

雨洒社

光旭社

易耨總陸社：

易耨社

下耨社

翼衛社

香嫩社

壽川社

德豐社

13a

兵額

揀兵肆拾壹人。又土勇貳百柒拾人

人丁

正納丁數捌百五拾陸人

田土

公私各項田土玖千柒百柒拾肆畝

稅錢

全年應徵叁百肆百五拾貳貫。又產稅錢肆拾捌貫

稅粟

全年應徵五千貳百叁斛

風俗

轄民醇厚，勤儉，稍知禮義。士農工商亦各安常。言語、文字、衣服、器用、歲辰祭祀與中土同。

物產

禾穀，芋荳，葩利，畜產諸常物與他縣同。惟白布則賢關社，生漆則古薛、文郎、四美、易耨等社，均受產稅。

氣候

天氣風調雨順，夏暑冬寒。地氣山平土濕，節候如常。農事以辰，草木希疏，鮮有嵐瘴。

山水

縣轄無有名山

一條大江自夾錦溪縣江分縈迴四美、賢關、文郎、易耨四總，又經竹批津上農總至下農社，與沱江合，是為洮江，長肆拾捌里。

內自錦溪縣江分至竹批津，長叁拾捌里，廣捌拾柒丈上下，深壹丈五尺上下。

內自竹批津至下農社，長拾里，廣玖拾壹丈叁尺上下，深壹丈叁尺上下

一條大江自夾不拔縣江分，經山崗、下農貳社，與洮江合，是為沱江，長肆里，廣壹百拾五丈上下，深壹丈五尺上下。

一條小江自夾清山縣將分，經雨洒、齊魯、雄都、衛都等社至四美社渡，夾錦溪縣江分達于洮江，是為美河，長貳拾五里，廣拾柒丈上下，深捌尺。

名勝

省文廟、啓聖祠、會同廟、城隍廟均在竹批社地分。

路程

一條關報路自下農社津次，夾山西省不拔縣江分，經興農站至竹批社津次，夾山西省山圍縣江分，長拾里柒拾丈，橫壹丈。

一條小路自縣莅而北，經四美社至美河渡，夾山西省錦溪縣界，長拾貳里，橫肆尺。
 一條小路自縣莅而南經四美社沿美河左岸至夾清山縣界，長貳拾壹里捌拾捌丈捌尺，橫肆尺。
 一條小路自縣莅而東，經夏耨、竹批等社至省城，長捌里五丈，橫五尺。

清山縣

16a

嘉興府統轄。縣莅在芳膠總芳膠社，周圍通長五拾捌丈，肆面竹籬，前門壹。

地轄東夾山西省不拔縣界，西夾扶安州界，南夾清水縣界，北夾三農縣界。東西相距壹百肆拾陸里，南北相距柒拾柒里。

縣轄叁總

芳膠總肆社：

芳膠社

雄珥社

雄偉社

桑麻社

春臺總五社：

春臺社

迪果社

龍谷社

巨彭社

雲籠社

傑山總肆社：

傑山社

石碣社

來同社

秋菊社

兵額

揀兵五拾柒人
 又土勇叁拾人

人丁

正納丁數陸百柒拾叁人

田土

(縣轄無有土項)

公私各項田壹千肆百貳拾捌畝

稅錢

全年應徵壹千五拾叁貫

稅粟

全年應徵叁百柒拾貳斛

風俗

芳膠壹總漢民習俗與他縣同。餘土民輕捷善射，習俗勤儉，稍知文字。男耕女織，架棧爲廬。水機舂米。歲早則製環車以運水。農隙則斫竹木以營生。其俗中土稍異。惟明鄉壹庸稍涉於奢。

產物

縣轄皆是秋禾。惟芳膠社有夏禾。山堰多植芋荳。木有蘇木、苦練、鐵礪沙竹等項。畜產常物與他縣同。

氣候

天氣四序常調，寒暑不忒。秋田肆月秧，陸月稼，拾月穫。地氣山高土濕，微有嵐瘴。

山水

雄珥社有雄珥山，秋菊社有秋菊山，芳膠社有長山。

一條小江自秋菊、來同等社經雄偉社至夾三農縣

江分，入于洮江，是為美河，長壹百貳拾五里，廣拾五丈上下，深玖尺上下。

一條小江自夾陀北州江分至春臺社通于美河，是為春臺江，長壹百五拾五里拾丈，廣拾丈上下，深捌尺上下。

一條小江自夾清水縣江分經巨彭、雲籠等社通于美河，是為熟練江，長貳拾捌里，廣拾丈上下，深捌尺。

名勝

傘圓山神祠：在雄珥社。事跡詳山西省志。

關公祠：在明鄉廂。

陳大將祠：在雲籠社。陳大將（缺姓名）提兵討賊死節于此，土人祀之。一說神本社人，武勇過人。陳末哀牢入寇，將兵勦平之，歸化于美河之津。自此顯靈。土人立祠，顏曰武功廟。

靈懿神祠：在芳膠社。相傳丁初社人，姓枉。其婦

往稼于田遇風雷大作，寄住山上。夜見大光一條從天而下繞于身上，感而有娠，生女一，姿艷性莊，鄉人稱之為仙人。後沒于山上，舊親母所宿之處，未及葬，明日視之則白蟻已堆成土墳矣。後或有當風雨而此處晴，或夜當昏暗而此處明。土人立祠祀之。

路程

一條小路自縣莅而東，經桑麻社至夾山西省不拔縣界，長拾里，橫叁尺。

一條小路自縣莅而南，經雄偉、熟練（清水縣轄），又轉而西，經迪果、龍谷、石碣、來同、秋菊等社至夾扶安州界，長貳百五拾里，橫叁尺。一條小路自縣莅而北，至省城，長叁里，橫五尺。

20a

清水縣

嘉興府統轄，清山縣兼攝。東夾山西省不拔縣界，南夾清山縣界，南夾山西省不拔縣界，北夾清山縣界。東西相距捌拾柒里，南北相距貳百叁拾里。

縣轄貳總

安朗總肆社：

安朗社

香芹社

菜芹社

可久社

巨勝總捌社：

兵額

巨勝社 巨同社 勝山社 扶牢社
 熟練社 石券社 山微社 百勝社

揀兵貳拾人。又土勇貳百捌拾叁人

人丁

正納丁數肆百貳人

田土

(縣轄無有田土)

公私各項田五百柒拾捌畝

稅錢

全年應徵五百柒拾陸貫

稅粟

全年應徵壹百五拾貳斛

風俗

縣轄土民習俗，言語與清山縣土民同。蠻人刀耕火耨，隨地利而移居。其蠻漸染漢風，餘則無之。

物產

禾穀、芋荳、竹木、畜產亦皆有之。惟林分間有山雞及麋鹿之類。

氣候

天氣風雨寒暑，亦各如常。地氣山高土濕，農事以

山水

辰。山林落葉，溪壑成堆，一經雨潦湊成瘴毒，每至叁、玖兩月稍重。

巨勝社有鑄舌山，熟練社有熟練山。

一條小江自可久社注下，經熟練社至夾清山縣江分，是為熟練江，長貳里捌拾丈，橫拾丈上下，深捌尺上下

名勝

丁大將軍祠：在石券社。神姓丁，諱功木，清水縣人，佐黎太祖有功，封大將軍誠武郡公，管牧本處兵民。沒後邑人立祠祀之。

路程

一條小路自北夾清山縣界，經石券、扶牢、山微、巨勝、巨同、香芹、可久等社，至夾陀北州界，長壹百里拾五丈，橫叁尺。

山羅州

嘉興府統轄。州莅在程羅社，周圍通長陸拾丈，肆面竹籬，前門壹。地轄東夾扶安州界，西夾順州界，南夾枚山州界，北夾文振縣。東西相距貳百叁里，

南北相距壹百玖拾五里。

州轄肆社（原未設總）

程羅社 孝齋社 仁里社 向慕社

兵額

土勇玖拾捌人

23b

人丁

23a

正納丁數叁百陸拾貳人

田土

（州轄無有土項）

私田柒百玖拾貳畝

稅錢

全年應徵五百捌拾玖貫

稅粟

同年應徵貳百叁斛

風俗

24a

州轄土民言語侏儻習俗樸野，南勤耕稼，女務蠶桑。平地墾田，草廬架棧。蠻人依山築室，火耨刀耕，隨地利而移居。至如歲辰慶吊則皆無之。

物產

土宜糯稻，貨有麻皮、粗布。木多雜木，魚有魚谷（有壹處名魚谷，出魚頗多）。麋鹿、熊虎之類亦間有

之。畜產常物與他縣同。孝齋社有蝎蟪金礦，經奉摺請暫緩。又有碯硝礦，現經封閉，茲現方各行飭勘。

氣候

24b

天氣春夏多晴，秋冬多雨。地氣高燥，農事只有秋天。草木蒙蔽，嵐氣薰蒸，最為瘴毒。

山水

呈羅社有邱納山、班山、邱哥山

一條大江自夾瓊崖州江分，經孝齋、向慕貳社至夾

扶安州江分，是為沱江，長貳百叁里

內自瓊崖江至孝齋班溪，長壹百里，廣肆拾

玖丈上下，深玖尺上下

內自孝齋班溪至扶安江，長壹百叁里，廣五

拾丈上下，深壹丈上下

名勝

（州轄原無名勝）

路程

25a

一條小路自州莅而東，經向慕、仁里等社至夾扶安州界，長貳百五拾里，橫貳尺五寸

一條小路自州莅而西，至夾順州界，長拾柒里，橫貳尺陸寸

一條小路自州莅而南，至夾枚山州界，長壹百五拾里，橫叁尺

一條小路自州莅而北，經向慕社沱江渡，至夾文振縣界，長貳百貳拾五里，橫貳尺柒寸

26a

枚山州

嘉興府統轄。州莅在呈吉總呈班社，周圍通長陸拾丈，肆面竹籬，前門壹。

地轄東夾扶安州界，西夾順州界，南夾清化省呈固縣界，北夾山羅州界。東西相距貳百拾貳里，南北相距壹百肆拾貳里

州轄壹總

呈吉總五社：

呈吉社

呈瑞社

呈班社

呈蕃社

爐卑社

兵額

26b

土勇肆拾玖人

人丁

正納丁數五百捌人

田土

公私各項田土叁百捌拾捌畝

稅錢

全年應徵柒百貫

稅粟

全年應徵玖拾捌斛

27a

風俗

州轄土民率多勇悍，習俗儉約，以耕織爲業。平地墾田，草廬架棧。其歲辰慶吊，言語衣服與中土差異。

產物

穀有糯稻、秔稻、蜀黍，木有苦練、蘇木、鐵樺，菓有柑橘，獸有虎、鹿之類。畜產常物與他州同。呈瑞社有板魯金礦，經奉摺請暫緩，呈班社有慢窺銅礦、板及碓硝礦、慢樁碓硝礦，現經封閉，茲現方各行飭勘。

氣候

27b

天氣乍風乍雨，多寒少暑。地氣高燥。農事盡是秋田。草木蒙蔽，寒氣薰蒸，甚爲嵐瘴。

山水

呈蕃社有象山，呈班社有賢山
一條大江自夾山羅州江分，經呈蕃社至夾安州江

分，是爲沱江，長貳百肆拾里

內自山羅江至呈蕃橫江神祠，長壹百叁拾里，廣拾五丈上下，深玖尺上下

內自呈蕃橫江神祠至安州江，長壹百拾里，廣五拾丈五尺上下，深壹丈上下

名勝

橫江神祠：在呈蕃社

路程

一條小路自州莅而東，經呈蕃社至夾扶安州界，長壹百五拾里，橫叁尺

一條小路自州莅而西，經爐卑、呈吉等社至夾順州界，長壹百五拾里，橫貳尺捌寸

29a

扶安州

嘉興府統轄。州莅在光輝總光輝社。周圍通長捌拾丈，四面竹籬，前門壹。

地轄東夾清水縣界，西夾枚山州界，南夾木州界，北夾文振縣界。東西相距壹百柒拾肆里，南北相距壹百玖拾陸里。

州轄貳總

光輝總貳社：

光輝社 祥符社

新豐總叁社：

新豐社 嘉符社 祥豐社

兵額

土勇壹百捌拾貳人

人丁

正納丁數捌百柒拾叁人

田土

州轄無有土項

私田叁百叁拾捌畝

稅錢

全年應徵壹千壹百捌拾五貫

30a

稅粟

全年應徵捌拾陸斛

風俗

州轄土民習俗樸野，言語侏儻。男則耕樵，女則縫織，不知商賈。屋居架棧，不用雕刻，灶置中間，不拘方向。服用粗布，色尚青藍。水機舂米，囊背裏兒。水車灌田，竹筒汲水。病無服藥，只禱鬼神。娶妻出贅，然後成婚。蠻人刀耕火耨，留去無

常。衣服純用粗布。男人以素穿銅錢染文懸於衣肩後。其婚喪^{30b}祭祀皆是率略。

物產

其地肥饒，只有秋田。用力少而得穀多。穀有糯稻、秈稻，貨有布帛、黃蠟，及芋瓜竹木等項，畜產常物皆有之。麋鹿、虎豹之類亦間有之。祥豐社有碓礦，現經封閉。

氣候

春則涼風，夏則乍雨乍晴。秋冬則寒勝。山霧薰蒸，草木蒙蔽，其為嵐瘴。

31a

山水

光輝社有蜀壘山、汰山、聽答山，祥符社有萊山，嘉符社有石陵山

一條大江自夾木州江分，經嘉符、新豐貳社至夾陀北州江分，是為沱江，長叁百里

內自木州江至什溪，長壹百捌拾里，廣肆拾丈上下，深玖尺上下

內自什溪至陀北江，長壹百貳拾里，廣肆拾丈五尺上下，深壹尺上下

一條小江自光輝社經州莅祥符、祥豐貳社縈迴至新豐社，通于沱江，是為扶安江，長壹百柒拾五里，廣貳丈捌尺上下，深捌尺

名勝

傘圓山神祠：在光輝社。

路程

一條小路自州莅而東，經祥豐、新豐貳社，又轉而北扶安江渡至夾文振懸界，長壹百伍拾里，橫肆尺

一條小路自州莅而西，至夾枚山州界，長柒拾五里，橫叁尺

一條小路自州莅而東，經祥符、嘉符貳社，又轉而南至夾木州界，長壹百五拾里，橫貳尺上下

一條小路自州莅而北，至夾清山縣界，長壹百五里，橫肆尺

32a

33a

枚州

嘉興府統轄。伊州兼攝陀北州（州莅設在陀北州），東夾陀北州界，西夾木州界，南夾清化省關化州界，北夾木州界。東西相距壹百貳拾五里，南北相距壹百拾肆里。

州轄貳總

白枚總貳社：

枚上社

新枚社

33b 青枚總貳社：

枚下社 包羅社

兵額

土勇肆拾玖人

人丁

正納丁數貳百陸拾叁人

田土

州轄無有土項

私田貳百捌拾貳畝

稅錢

全年應徵叁百捌拾肆貫

33c

稅粟

全年應徵柒拾貳斛

風俗

州轄土民言語侏儻，農桑爲業。家居架棧，服用粗布，或白色，或藍色。婚喪祭祀類皆率略。

物產

穀有糯粳，貨有粗布。江有蝦鼈、鱸魴，獸有熊虎、麋鹿，木有苦練、蘇木，條有龍藤、雲藤等項，畜產諸常物與他州同。

34b

氣候

風雨如常，寒暑相半。氣氣山高土濕，其田可夏可秋。草木蒙蔽，日出三竿嵐煙未散。寒氣薰蒸易成瘴厲。

山水

包羅社有赤石山、女王山、仙瓢山、彬山，新枚社有行山。

一條大江自夾木州江分，經歸德、新枚貳社至夾陀北州間分，是爲沱江，長壹百里。

35a

內自木州江至稠溪，長陸拾里，廣肆拾玖丈貳尺上下，深捌尺上下

內自稠溪至陀北江，長肆拾里，廣五拾丈上下，深捌尺上下

一條小江自夾木州江分，經枚下社至夾陀北州江分，是爲馬江，長壹百里，廣拾丈，深柒尺。

名勝

縣轄無有名勝

路程

一條小路自夾木州界，過新枚社渡，又轉而西經枚上、枚下、包羅等社至夾木州界，長壹百五拾里，橫五尺。

一條小路自西夾木州界，經包羅、枚下、枚上，過新^{36b}枚渡至夾陀北州界，長壹百捌拾里，橫肆尺。

陀北州

36a

嘉興府統轄，枚州兼攝。州莅在伊州（陀北州）德間總豪壯社，周圍通長陸拾丈。肆面竹籬。前門壹。地轄東夾清水縣界，西夾扶安州界，南夾枚州界，北夾清山縣界。東西相距壹百捌拾玖里，南北相距壹百伍拾玖里。

州轄貳總

賢良總社：

賢良社 繡裏社

德間總叁社：

德間社 豪壯社 歸德社

兵額

州轄無有兵額

人丁

正納丁數貳百貳拾肆人

田土

州轄無有土項

私田貳百五拾壹畝

稅錢

全年應徵叁百貳拾捌貫

37a

稅粟

全年應徵叁百貳拾捌斛

風俗

州轄土民言語侏儻，習俗獷悍。多居山麓，平地爲田。衣服粗布黑色。蠻人有白族，衣服黑白叁用。有一蠻純用粗布染藍黑色。男人以索穿銅錢染文懸於衣肩（俗號舍刀錢），只以刀耕火耨，林利資生。歲辰節序惟土豪蠻長稍染漢風。餘皆率略。

物產

穀有秈稻、糯稻、蜀黍，土有芋荳、禹餘糧、麻皮、楮皮，木有苦練、蘇木，竹有青皮沙竹等項。畜產諸常物皆有之。麋鹿、虎豹之類亦間有之。

氣候

天氣冬多寒，夏多暑。地氣高燥。農睡稍晚。日三竿而瘴氣未消，日漸昃而山嵐已密。雨潦則溪水流溢，湊成瘴毒，叁、玖兩月尤甚。

山水

德間社有柜山、炭山、尋景山，繡裏社有樁山、艾山，

^{38a} 豪壯社有龍門山、寧山、艮山、神谷山。

一條大江自夾扶安州江分，經德間、歸德、豪壯、賢良等社至夾山西省不拔縣江分，是為沱江，長玖拾五里

內自扶安江至伊州蒞，長陸拾里，廣柒拾丈上下，深壹丈上下

自州蒞至不拔江，長叁拾五里，廣玖拾五丈上下，深肆丈上下

名勝

龍水堤神祠：在豪壯社，托坡山，深峒中為沱江最靈之神

路程

一條小路自州蒞而南，經沱江渡至枚州界，長^{38b} 貳拾五里，橫叁尺。

一條小路自州蒞而西，經豪壯、歸德、德間等社至夾扶安州界，長壹百柒拾五里，橫叁尺五寸。

一條小路自州蒞而北，精賢良、繡裏等社至夾清山縣界，長壹百五拾里，橫貳尺。

^{39a}

木州

嘉興府統轄。洲蒞在木下總木下社。周圍通長肆拾丈，肆面竹籬，前門壹。地轄東夾枚洲界，西夾安洲界，南夾清化省關化洲界，北夾扶安洲界。東西相距貳百拾貳里，南北相距陸拾捌里。

洲轄貳總

木上總叁社：

木上社 繡囊社 春芽社

木下總叁社：

木下社 歸向社 向乾社

^{39b}

兵額

土勇肆拾玖人

人丁

正納丁數叁百五拾壹人

田土

私田貳百叁拾畝

稅錢

全年應徵肆百柒拾壹貫

^{40a}

稅粟

全年應徵五拾玖斛

風俗

州轄土民輕捷善射。言語侏儻。男事耕農，女事縫織。間有白族，婦女衣服用白。歲辰喪祭與中土略同。

產物

穀宜糯稻，貨有麻皮，菓有柑橘、砂仁，木多雜木等項。畜產諸常物皆有之。麋鹿、虎豹之類亦間有之。

氣候

天氣春夏多晴，秋冬多雨。地氣雖高燥，不至太亢。農事以時耕作。草木蒙蔽，日已向中煙嵐未散。瘴厲最爲深重。

山水

春芽社有坡籠山，木上社有魯洞山、煙穴山、風穴山。

一條大江自夾安州江分，經歸向、向乾、木下等社至夾陀北州江分，是爲沱江，長貳百里

內自安州江至員溪，長壹百五里，廣肆拾捌丈上下，深壹丈上下

內自員溪至陀北江，長玖拾五里，橫五拾丈上下，深壹丈五尺上下

一條小江自夾安州江分，經繡囊、春芽等社至夾枚

名勝

州轄無有名勝

州江分。是爲馬江，長壹百五拾里，廣貳拾五丈上下，深壹丈

路程

一條小路自州莅而東，經木上、春芽貳社至夾陀北州界，長壹百貳拾五里，橫肆尺

一條小路自州莅而南，經木上、春芽貳社，又轉而東，至夾枚州界，長貳百五拾里，橫肆尺

一條小路自州莅而西，經歸向社至夾安州界，長壹百里，橫叁尺五寸

42a

安州

嘉興府統轄，木州兼攝。東夾木州界，西夾枚山州界，南夾枚州界，北夾扶安州界。東西相距陸拾肆里，南北相距壹百五拾叁里。

州轄壹總

冊林總叁社：

冊林社

鄭儒社

博珥社

兵額

41a

42b 土勇肆拾玖人

人丁

正納丁數貳百叁拾捌人

田土

私田肆百叁拾貳畝

稅錢

全年應徵叁百柒拾貳貫

稅粟

全年應徵壹百拾斛

風俗

43a

州轄土民，男以耕農爲業，少有識字，女以織布爲業。無有商賣。忌臘節序及冠昏喪祭等事類多率略。其俗尚鬼。有疾病只禱鬼神。又有黑族蠻，衣服用黑，刀耕火耨，隨地利而移居之。

物產

穀有秈稻、糯稻，菓有柑橘、砂仁等項畜產諸常物皆有之。麋鹿、虎豹之類亦間有之。冊林社有滌廩銅礦，現經封閉，茲現方飭勘。

氣候

43b

天氣春夏多晴，秋冬多雨。地氣高燥。農事以辰耕

作，但氣寒瘴毒，日出三竿，煙嵐未散。

山水

鄭儒社有洞庭山

一條大江自夾枚山州江分，經鄭儒、冊林貳社至夾

木州江分，是爲沱江，長柒拾里

內自枚山江至什溪，長五拾里，廣肆拾捌丈

上下，深壹丈上下

內自什溪至木州江，長貳拾里，廣五拾丈上

下，深壹丈上下

名勝

州轄原無有名勝

路程

44a

一條小路自西夾枚山州界，經鄭儒社洞庭山沱江渡至夾扶安州界，長貳百里，橫肆尺。

一條小路自西夾枚山州界，經鄭儒、冊林、博珥等社至夾枚州界，長貳百里，橫叁尺。

45a

歸化府

統轄文振、鎮安、安立叁縣文盤、水尾貳州拾捌總文振縣肆總：

香山總 扶岩總 山阿總 大歷總

鎮安縣肆總：

百廩總 東琬總 界番總 安富總

安立縣五總：

山梁總 雲半總 東魯總 上龍總

秋鄂總

文盤州貳總：

武牢總 慶安總

水尾州叁總：

嘉富總 玉琬總 樂山總

兵額

揀兵拾捌人。又土勇玖百叁拾捌人。又手勇（由新設，住守館司、鎮河貳屯）貳百人。

人丁

正納丁數貳千壹百人

田土（土項荒廢）

公私各項田叁千貳百肆拾捌畝

46a

稅錢

全年應徵叁千玖千貳貫。又產稅錢貳千柒百五拾柒貫

稅粟

全年應徵捌百捌拾壹斛

風俗

府轄漢土清蠻相雜。鎮安、安立、文振叁縣漢民之豪長者文字僅記姓名。文盤、水尾貳州土民之豪目者習尚粗知禮法。清人商賈營生，俗多豐靡。蠻人刀耕火耨，林利資生。其衣服或純用麻枲，或叁用黑白。至如節序、慶吊惟土豪蠻長稍有漢風，餘多率略。

物產

禾穀竹木及畜產諸常物與他府略同。江分則有魚鼈鱉魴，林分間有草菓、禹餘糧、鐵榜及山雞、畫眉鳥、野豬、虎豹、麋鹿之類。至如文振、水尾之金礦，鎮安之銅礦現經封閉，茲現方行飭勘。

氣候

府轄天氣寒涼，地氣高燥。多是秋田。農事以辰耕作。草木蒙蔽，日已出而務未收，日未入而務已暄。寒氣薰蒸易成嵐瘴。

山水

府轄所居皆是連山。舉其有名者，文振之芝山、邱筆山，安立之沉峙山、象口山、光山、護山，鎮安之蓋頂山、喋鷺山，文盤之巒課山、馬鞍嶺、宜山、闌山，水尾之巒娘山、古雷嶺、古卒嶺、

招山、慶山。

一條大江自清國流入府轄，經水尾、文盤、鎮安等

476 縣州，又經山西省夏和縣至文振縣江分，是為洮江。

名勝

鎮安有葉夫人神祠，鎮安、文盤各有衛國神祠，水尾有關公祠、柳杏公主祠、龍王祠。

路程

一條小路自夾嘉興府三農縣界，經山西省錦溪、夏和貳縣，又經鎮安、文盤、水尾等縣州至夾清國關化府界，長玖百肆拾里，橫肆尺。

一條小路自夾嘉興府三農縣界，經鎮安、文盤貳縣 **489** 州，至夾安西府昭晉州界，長肆百柒拾叁里，橫叁尺。

一條小路自夾嘉興府三農縣界至文振縣莅，長壹百貳拾里，橫叁尺。

文振縣

49a

歸化府統轄。縣莅在大歷總大歷社。周圍通長肆拾丈。肆面竹籬，前門壹。地轄東夾山西省夏和縣界，西夾瓊崖州界，南夾扶安州界，北夾鎮安縣

界。東西相距壹百陸拾肆里，南北相距壹百肆拾玖里。

縣轄肆總

香山總貳社：

香山社 石梁社

扶岩總叁社：

扶岩社 山僕社 下路社

山阿總叁社：

山阿社 嘉會社 秀麗社

大歷總叁社：

大歷社 上憑羅社 下憑羅社

兵額

土勇肆百捌拾玖人

人丁

正納丁數壹千叁拾人

50a

田土

私田柒百柒拾玖畝

稅錢

全年應徵壹萬叁百陸拾玖貫。又產稅錢貳千柒百五拾柒貫

稅粟

全年應徵壹百玖拾玖斛

風俗

縣轄土民專事耕耘，平地墾田。每至祈神日，樹下50b社祭。娶妻出贅，然後成婚。蠻人刀耕火耨，襁背裏兒，隴頭造粥，留去無常，但隨地利豐減而移居之。婚喪慶吊惟土豪蠻長漸染漢風，餘皆率略。

物產

穀有蜀黍、糯稻；竹有青竹、沙竹。木多雜木。畜產諸常物皆有之。麋鹿、虎豹之類亦間有之。嘉會社有金礦，現經封閉，茲現方飭勘。

氣候

春夏多雨，秋冬多寒。農事只有秋田。林木岑蔚，山51a務薰蒸，嵐瘴頗亦深重。

山水

上憑羅社有芝山，大歷社有邱筆山。
一條大江自夾鎮安縣江分至夾山西省夏和縣江分，是為洮江，長拾里，廣壹百丈上下，深壹丈五尺。

名勝

縣轄無有名勝

路程

一條小路自縣莅而西，經大歷、山僕、下路等社至

夾瓊崖州界，長貳百叁拾里拾丈，橫叁尺。

一條小路等縣莅而東，經下憑羅社至夾山西省夏和縣界，長貳拾五里，橫叁尺。

一條小路等縣莅而東南，至夾安立縣界，長五拾里，橫叁尺。

一條小路等縣莅而北，至夾鎮安縣界，長五拾里，橫叁尺。

52a

鎮安縣

歸化府統轄。縣莅在百廩總百廩社（即館司屯）。土壘周圍通長柒拾肆丈，壘身高陸尺，腳廣柒尺，面厚肆尺。前、右、後門叁。礮臺五所。寰壘之外各樹苗芽。地轄東夾山西省夏和縣界，西夾文盤州界，南夾文振縣界，北夾宣光省收州界。東西相距壹百陸拾貳里，南北相距五拾陸里。

縣轄肆總

百廩總拾壹社：

52b

百廩社

豪家社

疆弩社

沛陽社

化琫社

鳴鶴社

青槿社

鵝鶴社

安沛社

良岩社

鼓腹社

東琫總陸社：

東琫社 茂阿社 豐裕社 報答社
 大僕社 敦本社

界番總捌社：
 界番社 猗犴社 謳婁社 良蠶社
 丹屋社 屢田社 平坦社 歌詠社

安富總柒社：
 安富社 大樸社 懷遠社 龜蒙社
 敦教社 廣漠社 堅牢社

兵額

揀兵陸人。又土勇壹百陸拾人。又手勇（由新設，住

守館司屯）壹百人

人丁

正納丁數貳百陸拾人

田土

（縣轄無有土項）

私田陸百捌拾壹畝

稅錢

全年應徵肆百叁拾肆貫

53b

稅粟

全年應徵貳百貳拾捌斛

風俗

縣轄肆總。百廩總均是漢人，界番、安富、東琫叁總

漢土相雜。漢民農商為業，習俗與中土同。土民隨便構屋，架棧而居，山田、平田隨地耕墾。服用藍布。惟豪長粗知禮法。歲辰節序與漢人稍同。蠻人高處構家，開墾山麓，刀耕火耨。此處山土漸老又往他處。有白裙族、黑裙族。衣服黑白各隨其類。有僇^{Lang}人族、高蘭族，衣服黑白叁用。有貓人族衣服純用麻象，不用染色。有山半蠻（俗號舍鯨）以獸角施額，性畏蛙鳴聲，多擇半山高處而居。壹年之內只有正月元旦節殺牲祈先已，餘則無之。

物產

土宜糯稻、瓜芋。林有青竹、沙竹、禹餘糧、白粘、鐵榜等項。獸有虎、鹿，魚有鱧魴之類。其畜產常物與諸縣同。豐裕社有銅礦，現經封閉，茲現方飭勘。

氣候

縣轄氣寒。而東琫、安富貳總為最。日中而山猶昏暄。雨小而地已泥濕。寒氣薰蒸易成嵐瘴。

山水

青槌社有蓋頂山，茂阿社有嘒鷺山。

一條大江自夾文盤州江分，經縣莅津次至夾山西省夏和縣江分，是為洮江，長貳百五拾里

內自文盤江至琫溪，長壹百陸拾里，廣五拾丈上下，深壹丈叁尺上下

自琬溪至夏和江，長玖拾里，廣五拾肆丈上下，深五丈肆尺上下

名勝

葉夫人神祠：在百廩社。相傳神乃公主，為洮江最

靈之神，祈禱稔應，歷代預在祀典

衛國神祠：569在東琬社

路程

一條小路自縣莅而東，經館溪至夾山西省夏和縣界，長捌里叁拾丈，橫五尺

一條小路自縣莅而西，經沛陽、鳴鶴、茂阿、東琬等社至夾文盤縣界，長壹百玖拾壹里壹百丈，橫叁尺

一條小路自縣莅而北，經豪家、彊弩等社至夾宣光省收州界，長壹百五拾里，橫叁尺五寸

一條小路自縣莅而南洮江渡，經界番社，又轉而568西，經謳婁、龜蒙、敦教、廣漠等社至夾文盤州界，長壹百玖拾貳里肆拾丈，橫叁尺

56a

安立縣

歸化府統轄。縣莅在雲半總雲半社。周圍通長捌拾丈，肆面竹籬，前門壹。地轄東夾山西省錦溪縣

界，西夾文振縣界，陞夾清山縣界，北夾山西省夏和縣界。東西相距壹百五里，南北相距壹百捌拾壹里。

縣轄五總

山梁總五社：

山梁社

安巢社

峨眉社

沙籠社

桂山社

56b

雲半總五社：

雲半社

孔雀社

雲梯社

鳳毛社

伴侶社

上龍總肆社：

上龍社

下龍社

暮春社

徒水社

秋鄂總肆社：

秋鄂社

同樂社

復古社

安養社

東魯總叁社村：

東魯社並雲籠、香篆貳村

兌魯社並春雷、玉立貳村

春應社

兵額

57a

揀兵拾貳人，又土勇貳百肆拾人

人丁

正納丁數叁百五拾五人

田土（縣轄無有土項）

公私各項田壹千貳百拾叁畝

稅錢

全年應徵陸百貳拾捌貫

稅粟

全年應徵叁百拾肆斛

57b

風俗

縣轄漢、土相半。漢民風俗與他縣同。土民質野，但知農事。言語、衣服與漢民差異。惟豪長稍識漢俗文字。婚喪祭祀亦各漸染漢風，然猶率略。東魯、上龍貳總民多架棧而居。

物產

全轄多秋禾，惟雲半社有夏禾。山堰多植楮皮、芋荳，林分多有雜木、沙竹等項。山雞、虎、鹿亦間有之。常物畜產與他縣同。

58a

氣候

縣轄地勢近山，風雨寒涼差勝。雲起山腰霧迷木末。日出卯而雲氣騰，日轉申而霧氣暄。寒氣薰蒸，稍有嵐瘴。

山水

徒水社有護山，上龍社有光山，下龍社有沉峙山，復古社有象口山。

一條小江自夾清山縣江分，經秋鄂社紫迴又至夾伊縣江分，是為美河，長壹里拾五丈，廣叁丈上

58b

下，深玖尺。

名勝

縣轄無有名勝

路程

一條小路自縣莅而東，經雲半社至夾山西省錦溪縣界，長叁里拾叁丈，橫五尺。

一條小路自縣莅而西北，經雲梯、桂山、安巢等社至夾文振縣界，長叁拾叁里壹百拾五丈，橫肆尺。

一條小路自縣莅而西南，經雲籠、東魯、玉立、秋鄂等社至夾清山縣界，長叁百柒里壹百丈，橫肆尺。

59a

文盤州

歸化府統轄。州莅新設在慶安總考盤社慶安寨（即鎮河屯）。周圍土壘通長肆拾壹丈，壘身高陸尺，腳廣柒尺，面厚肆尺。前、後、右叁門，均置礮臺。地轄東夾鎮安縣界，西夾昭晉州界，南夾鎮安縣界，北夾宣光省陸安縣界。東西相距壹百肆拾柒里，南

北相距捌拾肆里。

州轄貳總

武牢總叁社：

938

武牢社 文盤社

春膠社

慶安總肆社寨：

慶安社 考盤社

株桂社

慶安寨

兵額

土勇肆拾玖人，又手勇（由新設，住守鎮河屯）壹百人。

人丁

正納丁數壹百拾五人

田土

州轄無有土項

私田貳百陸拾捌畝

939

稅錢

全年應徵壹百捌拾五貫

稅粟

全年應徵陸拾捌斛

風俗

州轄土民俗多尚鬼。疾病咒禱鬼神，少知文字，但事耕農。蠻人刀耕火耨，隨地移居。有一黑蠻衣服用

黑。有一蠻俗號舍副服短衣五色。有山半蠻俗號舍
 鯨以獸角施額，性畏蛙鳴，多擇半山高處而
 居。其歲辰節序，土豪蠻長漸染漢風，餘則無之。

940

物產

州轄並是秋田，糯米較多。收穫後植山芋蜀黍。林分有禹餘糧、山薯蕷、雜木、青竹、沙竹各項。野豬、山羊、虎豹之類亦間有之。畜產常物與他州同。

氣候

正、貳月常有北風噓寒。叁月下旬始溫。五、陸月常有東南風，暑熱正盛。柒月暑退將寒，常有西風大雨。玖月漸覺寒涼。冬月北風寒冷，霧障群山
 終朝不散。嵐瘴稍重。

941

山水

慶安社有巒課山、馬鞍嶺、宜山、闌山。
 一條大江自夾水尾州江分，經春膠、文盤、考盤、株桂等社放下鎮安縣江分，是為洮江，長柒拾五里叁拾丈。

內自水尾江至伊州莅，長肆拾里叁拾丈，廣五拾丈上下，深五丈上下
 自伊州莅至鎮安江，長叁拾五里，廣五拾玖丈上下，深壹丈上下

名勝

衛國神祠在考盤社。

路程

62b

一條小路自州莅而東，經株桂社至夾鎮安縣界，長叁拾五里捌拾丈，橫叁尺。

一條小路自州莅而西，經慶安社至夾昭晉州界，長貳拾貳里叁拾丈，橫貳尺五寸。

一條小路自州莅而北，經鎮河渡，又轉而經文盤社至夾水尾州界，長叁拾玖里捌拾五丈，橫叁尺。

一條小路自州莅而北，過鎮河渡至夾宣光省陸安州界，長五里壹百貳拾捌丈，橫叁尺。

62a

水尾州

歸化府統轄。州莅在玉琬總保勝庸。周圍通長貳拾肆丈，肆面竹籬，前門壹。地轄東夾宣光省渭川縣界，西夾昭晉州界，南夾文盤州界，北夾清國文山縣界。東西相距貳百玖里，南北相距壹百柒拾柒里。

州轄叁總

嘉富總五社寨：

嘉富社

豐年社

南安寨

廊坡社

62b

甘棠社

玉琬總陸社寨庸滿：

玉琬社

山腰社

南臚寨

保勝滿

保勝庸

明鄉庸

樂山總叁社：

樂山社

同貫社

呈祥社

兵額

州轄無有兵額

人丁

正納丁數叁百肆拾人

田土

州轄無有土項

私田壹百陸畝

63a

稅錢

全年應徵百柒拾五貫

稅粟

全年應徵陸拾玖斛

風俗

州轄清、土、蠻間雜。清人多獷悍，土民屋居架棧，平地墾田，農桑爲業，食多糯米。惟土豪漸染漢風，粗知禮法。其衣服，歲辰節序與漢人同。明鄉

庸人商賈爲藝，俗從清國，稍涉於奢。蠻人山嶺爲家，隨地³³⁰移處，刀耕火耨，林利資生。有山子豪蠻、猿人蠻、蛟蠻參名，惟猿人蠻以藍黑畫著身體，有畫禽獸葩木等樣。一年之內皆以正月初年壹、柒月拾五等日殺牲祭先而已。至如昏喪慶吊皆是率略。

物產

稻黍皆有而梁較多。竹有青竹、沙竹，木多雜木，菓有草菓、柑橘等項。畫眉鳥、虎、鹿之類亦間有之。畜產常物與諸州同。樂山社有金礦，呈祥社有銅礦，現經封閉，茲方各行飭勸。

氣候

天氣風雨如常，寒冷差勝。雲起山根，霧迷木末。寒氣薰蒸易成嵐瘴。

山水

同貫社有愛山、巒娘山，樂山社有古雷嶺，玉琬社有古卒嶺，山腰社有招山。

一條大江自夾清國經保勝、山腰、豐年、甘棠、嘉富等社庸至夾文盤州江分，是爲洮江，長叁百肆拾五里

內自清國江至貫溪，長壹百肆拾伍里，廣柒拾丈上下，深壹丈叁尺上下

自貫溪至文盤江，長貳百里，廣玖拾柒丈上下，深叁丈五尺上下

一條小江自夾清國經保勝庸通于洮江，是爲牛江，長拾里，廣肆拾丈，深壹丈。
一條小江自夾清國經山腰、玉琬等社至夾宣光省江分，是爲潘江，長貳百里，深壹丈五尺。

名勝

關公祠：在明鄉庸
柳杏公主祠：在明鄉庸。事跡詳見南定志
龍王祠：在山腰社

路程

一條小路自州莅而東，經豐年社至夾宣光省渭川縣界，長壹百五拾里，橫叁尺。
一條小路自州莅而南，過洮江渡，又轉而東經甘棠、嘉富貳社至夾文盤州界，長貳百里，橫五尺。
一條小路自州莅而北，至保勝堡，長貳里叁拾丈，橫肆尺。
一條小路自州莅而西洮江渡，經樂山、同貫、呈祥等社至夾清國界，長壹百五拾貳里叁拾丈，橫叁尺。

66a

安西府

奉照倫州原屬伊府。嗣德五年改隸莫邊府。府莅未建。東西南北里數未詳。嗣德五年改隸莫邊府

統轄昭晉壹州貳總

昭晉州貳總：

陽達總 豐收總

兵額

另奉著入昭晉州以下

人丁

田土

稅錢

稅粟

66b

風俗

物產

氣候

山水

名勝

路程

一條小路自北夾水尾州界至南夾萊州界，長柒百里，橫叁尺

一條小路自東夾文盤州界至西夾清國廣陵州界，長五百貳拾伍里，橫叁尺

66a

昭晉州

安西府統轄。州莅陽達總陽達社，周圍通長肆拾丈，肆面竹籬，前門壹。地轄東夾文盤州界，西夾清國廣陵州界，南夾瓊崖州界，北夾水尾州界。東西相距貳百陸拾陸里，南北相距叁百拾叁里。

州轄貳總

陽達總柒社村：

陽達社

明琅社

青葵社

灘淵社

向榮村

午覆村

良善社

豐收總肆社寨：

豐收社

廊南寨

平廬社

親屬寨

66b

兵額

土勇壹百肆拾柒人

人丁

正納丁數五百拾貳人

田土

州轄無有土項

公私各項田肆百肆拾貳畝

稅錢

全年應徵陸百玖拾柒貫

69a

稅粟

全年應徵壹百叁拾貳斛

風俗

州轄清、土、儂、蠻相雜。清人俗從清國，稍涉於奢。土民農桑漁獵各有其藝，草廬架棧，藍布穿衣。有病禱于鬼神。儂人風俗甚於樸野。蠻人火耨刀耕，惟尋土色之豐，稍有減色即徒他處。婚喪祭祀，土豪蠻長漸染漢風，餘則無之。

物產

69b

稻黍皆有而梁較多。菓有桃李、柑橘，竹有沙竹、青竹，貨有土絹、金毛等項。鸚鵡鳥、孔雀鳥及虎豹、麋鹿之類亦間有之。常物畜產與他州同。向榮村有銀礦，現經封閉，茲方飭勘。

氣候

春夏節候暖和，不甚炎熱。秋冬寒涼差勝，雲暗霧

迷，辰巳牌始散。寒濕薰蒸易成嵐瘴。

山水

灘淵村有風崗山，平廬社五仙山，明琅村有邱崗山，邱哥山。

一條小江自良善社流出，經青葵社至夾萊州江分，是為金子河，長壹百里，廣五丈上下，深捌尺。

名勝

州轄無有名勝。

路程

一條小路自州莅而東，至夾文盤州界，長貳拾貳里叁拾丈，橫叁尺五寸。

一條小路自州莅而西，經明琅、灘淵、親屬、廊南、平廬、豐收等社寨至夾清國廣陵州界，長肆百貳拾五里，橫叁尺。

一條小路自州莅而南，經明琅、灘淵、良善、青葵等社村至夾瓊崖州界，長肆百貳拾五里，橫叁尺。

一條小路自州莅而北，經明琅、向榮、午覆等社村至夾水尾州界，長貳百柒拾五里，橫叁尺五寸。

71a

奠邊府

(奉照倫州原屬安西府。嗣德五年改隸伊府)。

府轄在省城西，兼理寧邊壹州，統轄遵教、倫州、萊州、瓊崖、順州五州。府莅在寧邊州風清總農頓社。土城(由因故黎土城)周圍通長五百拾丈，高壹丈五尺，厚壹丈。城外樹茅竹。有濠廣貳丈，深陸尺。前後貳門。城肆角各置礮廠壹。其轄東夾順州界，西夾南掌國界，北夾清國廣陵州界。東西相距貳百肆拾陸里，南北相距五百拾叁里。

兼理寧邊州貳總

統轄遵教、倫州、萊州、瓊崖、順州五州叁總

遵教州壹總：

阜安總

倫州壹總：

文榜總

萊州壹總：

懷萊總

瓊崖州(未設總)

順州(未設總)

兵額

72a

土勇肆百叁拾人

人丁

正納丁數壹千陸百拾肆人

田土

府轄無有土項

私田壹千壹百叁畝

稅錢

全年應徵貳千壹百肆拾捌貫

稅粟

全年應徵貳百捌拾貳斛

72b

風俗

府轄清、土、蠻相雜。清人其性獷悍，其俗侈靡。土民性多儉嗇，俗尚樸陋。蠻人刀耕火耨，隨地移居，或以藍黑畫足，或以皮角戴頭。大抵土蠻皆以農桑爲業，其俗率多尚鬼。昏喪祭祀較與漢民有別。

物產

府轄秋禾多，夏禾少。葩利、畜產常物及竹木各項處處有之。貨有紫蟻、砂仁、黃蠟，及山雞、虎豹、麋鹿、魚蝦之類間亦有之。順州之礪硝、硫磺、礦，經奉 73a 摺請暫緩。遵教之銀礦，萊州之銅礦，現經封閉，茲方各行飭勘。

氣候

天氣多寒，地氣高燥者多，卑濕者少。冬春雨少而暑多，草木蒙蔽，霜霧薰蒸易成嵐瘴，諸州皆同。惟寧邊、倫州貳州農事常早。

山水

府轄皆山。舉其有名者，則寧邊之賢僚山、怕山、古城山；順州之赤土山、篤山、襄山、邱隴山；萊州之真⁷³⁶石山、乾哥山、蓮山；萊州、遵教之毫山、富城山；倫州之廣山、石蓋山。大江一條自南掌國江分流入府轄，經萊州、瓊崖、順州等州至嘉興府枚山、山羅貳州江分，是爲沱江。

名勝

古城寺：在府莅。

路程

一條小路自府莅而東，經遵教、順州貳州至夾嘉興府山羅州界，長叁百五拾里，橫叁尺。
 一條小路自府莅而北，經遵教、瓊崖貳州至夾安西府昭晉州界，長壹百里，橫叁尺。
 一條小路自府莅而西北，經萊州至夾安西府昭晉州界，長五百里，橫叁尺。
 一條小路自府莅而南，至夾南掌國界，長貳百五拾里，橫叁尺。

73a

寧邊州

莫邊府兼理。東夾遵教州界，西夾南掌國界，南夾清化省呈固縣界，北夾萊州界。東西相距壹百貳拾捌里，南北相距肆百叁拾五里。

州轄貳總

風清總柒社：

風清社

農頡社

萊森社

湊居社

伯包社

招來社

平坦社

仙峰總陸社：

仙峰社

平敦社

芳蔓社

繡葩社

猛加社

賢僚社

73b

兵額

土勇壹百捌拾肆人

人丁

正納丁數貳百肆拾貳人

田土

州轄無有土項

私田陸拾壹畝

稅錢

全年應徵叁百拾柒貫

稅粟

全年應徵拾五斛

風俗

州轄土民言語侏儻，俗多質樸，耕織爲業。祭祀並無，儻有歌唱則吹草笛而已。仙峰、賢僚、繡葩叁社多有從釋。明鄉庸人風俗稍涉於奢，較與土民相別。

物產

秋禾多，夏禾少。豈有青黃豈，瓜有鼠瓜，菓有芭蕉，貨有粗布、黃蠟等項。畜產諸常物皆有之。虎豹麋鹿之類亦間有之。

氣候

四序之中寒涼過半。地氣高燥者少，卑濕者多。農事肆月秧，五、陸月下稼，捌、玖月收穫。節候頗早，但多嵐瘴。柒、捌月間颶風間發，拔木偃禾者有之。

山水

賢僚社有賢僚山，萊森社有怕山，仙峰社有古城山。

一條小江自夾清化省呈固縣江分，經賢僚、仙峰、猛加、平敦等社至夾順州江分，是爲馬江，長壹

百五拾里，廣拾丈上下，深捌尺。

一條小江自州轄湊居社經風清、伯包、招來、平坦、農韻、芳蔓等社通于耨江，是爲森江，長貳百里五拾丈，廣肆丈上下，深五尺。

一條小江自夾南掌國江分流入州轄森江（森江在州東，其水西流合耨江，出南掌國界）來入之，又出南掌國界，是爲耨江，長壹百里，廣肆丈上下，深五尺。

名勝

古城寺：在府莅。由設在州轄農韻社。相傳牢巒所造。

路程

一條小路自府莅（由設在州轄農韻社）而東，經招來社至夾遵教州界，長壹百五拾里，橫叁尺。

一條小路自府莅而東，經招來社又轉而北，經湊居社至夾倫州界，長叁百里，橫肆尺。

一條小路自府莅而南，經芳蔓、猛加、仙峰、賢僚等社至夾南掌國界，長貳百里，橫叁尺。

一條小路自府莅而北，經萊森社至夾萊州界，長壹百五拾里，橫叁尺。

78a

遵教州

奠邊府統轄。州莅在阜安總歸慕社。周圍通長叁拾陸丈，肆面竹籬，前門壹。地轄東夾順州界，西夾寧邊州界，南夾順州界，北夾倫州界。東西相距壹百柒拾陸里，南北相距陸拾肆里。

州轄壹總

阜安總叁社：

阜安社

歸慕社

春陽社

兵額

78b

土勇五拾人

人丁

正納丁數貳百拾壹人

田土

州轄無有土項

私田拾五畝

稅錢

全年應徵貳百柒拾肆貫

稅粟

全年應徵肆斛

79a

風俗

州轄土民習尚質樸，平地墾田，草廬架棧。男服青黑色，女服白短衣。其山多獸，其水多魚。土人多有漁藝。蠻人山嶺為家，隨地利而居之。

物產

土宜糯稻，木多雜木，竹有青竹、沙竹，菓有砂仁，畜產常物與他州同。虎豹麋鹿之類間亦有之。歸慕社有銀礦，現經封閉，茲現方飭勘。

氣候

79b

天氣風雨如常，寒暑相半。地氣高燥，農事以辰，但草木蒙蔽，寒氣薰蒸，最為嵐瘴。

山水

州轄無有大川

歸慕社有毫山、富城山

名勝

州轄無有名勝

路程

一條小路等州莅而西，經阜安、春陽等社至夾寧邊州界，長壹百里，橫叁尺。

一條小路自州莅而南，經阜安社至夾順州界，長捌拾五里，橫叁尺五寸。

80a

一條小路自州莅而東，至夾順州界，長叁拾里、橫叁尺。

倫州

81a

奠邊府統轄，遵教州兼攝。東夾瓊崖州界，西夾寧邊州界，南夾遵教州界，北夾萊州界。東西相距壹百捌拾捌里，南北相距壹百肆拾柒里。

州轄壹總

文榜總叁社：

文榜社

敦德社

崑崙社

兵額

州轄無有兵額

人丁

正納丁數壹百肆拾肆人

田土

州轄無有土項

私田肆拾陸畝

稅錢

全年應徵壹玖拾貳貫

稅粟

全年應徵拾壹斛

風俗

州轄地狹土磽，民貧俗儉。土民屋居架棧，灶置中間。男事耕耘，女事織績。其俗尚鬼，動輒祈禱。蠻人刀耕火耨，隨地移居。男人以藍黑畫著兩足百類形樣，云可除妖。婚喪祭祀皆是率略。

物產

穀多糯稻，豈有綠、黃豈，竹有青竹、沙竹，貨有布帛、黃蠟，獸有虎豹麋鹿等類。畜產常物與他州同。

氣候

天氣多寒，地氣高燥。農事肆月秧，五、陸月下稼，捌、玖月收穫。節候常早。山峰環繞，草木蒙蔽，嵐氣^{82a}所蒸最爲瘴厲。

山水

文榜社有廣山、石蓋山

一條大江自夾萊州江分，經敦德社至夾瓊崖州江分，是爲沱江，長貳百里

內自萊州江至北溪，長柒拾里，廣貳拾捌丈上下，深捌尺上下

自北溪至瓊崖江，長壹百叁拾里，廣叁拾丈上下，深壹丈上下

名勝

州轄無有名勝

路程

一條小路自北夾萊州界，經文榜、敦德、崑崙等社

^{83a} 至夾瓊崖州界，長貳百貳拾里，橫叁尺。

一條小路自西夾寧邊州界，經文榜、崑崙貳社至夾遵教州界，長貳百里叁拾丈，橫叁尺。

84a

萊州

莫邊府統轄。州莅在懷萊總懷萊社。周圍通長肆拾丈，肆面竹籬，前門壹。其轄東夾倫州界，西夾南掌國界，南夾寧邊州界，北夾清國廣陵州界。東西相距壹百柒拾陸里，南北相距柒拾捌里。

州轄壹總

懷萊總壹社：

懷萊社

兵額

土勇五拾人

84b

人丁

正納丁數壹百陸人

田土

州轄無有土項

私田壹百陸畝

稅錢

全年應徵壹百五拾叁貫

稅粟

全年應徵貳拾柒斛

85a

風俗

州轄土民習尚樸野，以農桑爲業。藍布穿衣，草廬架棧。男女無論已未嫁娶均是綯髮。歲辰節序皆是率略。有一蠻男人以藍黑畫著兩足百類形樣，云可除妖。

物產

穀多糯稻，木有蘇木、鐵欖、鐵榜、苦練、楮皮，菓有柑橘等項。又有蝦穴一處（蝦自溪水流岫頗多）。麋鹿、虎豹之類間亦有之。常物畜產與他州同。懷萊社有萊莒銅礦，現經封閉，茲現方飭勘。

85b

氣候

天氣陰翳常多，晴霽長少。春、冬極寒，夏極熱，惟秋氣和平。地氣高燥，草木蒙蔽，嵐瘴深重。

山水

懷萊社有蓮山、萊山、真石山、乾哥山。

一條大江自夾南掌國江分經懷萊社至夾倫州江分，是為沱江，長壹百五拾里拾丈

內自南掌國江至那江，長柒拾陸里拾丈，廣拾捌丈上下，深捌尺上下

自那江至倫州江，長柒拾肆里，廣貳拾丈上下，深捌尺上下

一條小江自夾廣陵州江分經州莅與金子河合，^{86b}通于沱江，是為那江，長捌拾里，廣叁丈上下，深捌尺。

名勝

州轄無有名勝

路程

一條小路自州莅而東，經懷萊社沱江渡至夾倫州界，長五里，橫叁尺。

一條小路自州莅而西，至夾南掌國界，長陸拾里，橫叁尺五寸。

一條小路自州莅而北，至夾清國廣陵州界，長貳百里，橫叁尺。

87a

瓊崖州

莫邊府統轄。州莅在安宅社。周圍通長柒拾丈，肆面竹籬，前門壹。其轄東夾文振縣界，資夾倫州界，南夾順州界，北夾倫州界。東西相距叁百捌拾里，南北相距壹百叁拾壹里。

州轄肆社（原未設總）：

楊彌社 安宅社 玉濺社 安鄭社

兵額

土勇肆拾捌人

87b

人丁

正納丁數壹百玖拾玖人

田土

州轄無有土項

私田陸百貳拾叁畝

稅錢

全年應徵叁百叁拾柒貫

稅粟

全年應徵壹百五拾玖斛

風俗

88a

州轄土民言語侏儻，習俗樸陋，皆以農桑漁獵爲業。藍布爲衣，草廬架棧。其俗尚鬼，有病不求藥餌，惟殺牲禱神而已。蠻人刀耕火耨，林利資生。婦人以皮爲角，長壹尺半，戴在頭上，其俗土人別。

物產

穀有糯稻，莛有綠黃，產有砂仁、黃蠟。又有蝦穴一處（蝦自溪水流岫頗多）。虎豹、麋鹿之類間亦有之。畜產常物與他州同。

氣候

88b

天氣少暑多寒，地氣高燥者多，卑濕者少。農事多是秋田。草木叢雜，寒濕薰蒸，最爲嵐瘴。

山水

州轄無有名山

一條大江自夾倫州江分經安宅社至夾順州江分，是爲沱江，長貳百里

內自倫州江至氈溪，長玖拾里，廣貳拾丈上下，深捌尺上下

自氈溪至順州江，長壹百拾里，廣貳拾五丈上下，深玖尺上下

名勝

州轄無有名勝

路程

一條小路自州莅而東，過沱江渡，經玉濺社至夾文振縣界，長壹百五拾里，橫肆尺。

一條小路自州莅而西，經安宅社至夾倫州界，長柒拾五里，橫叁尺。

一條小路自州莅而北，過沱江渡，經楊彌、安鄭貳社至夾倫州界，長壹百柒拾五里，橫叁尺。

90a

順州

莫邊府統轄。州莅在青枚○社。周圍通長肆拾五丈。肆面竹籬，前門壹。其轄東夾山羅州界，西夾遵教州界，南夾枚山州界，北夾瓊崖州界。東西相距壹百叁拾捌里，南北相距壹百肆拾貳里。

州轄五社（原未設總）：

南鄭社 鄭北社 輕快社 春枚社
青平社

兵額

土勇玖拾捌人

90b

人丁

正納丁數柒百拾貳人

田土

州轄無有土項

私田貳百五拾畝

稅錢

全年應徵捌百柒拾肆貫

稅粟

全年應徵陸拾肆斛

風俗

91a

州轄土民，男尚耕耘，女織粗布。草廬架棧，灶置中間。俗多尚鬼，有病不求藥，惟殺牲祈禱而已。娶妻不拘貧富，出贅陸年然後成婚。其歲辰節序，祭祀慶吊皆是率略。蠻人刀耕火耨，隨地利而居之。

物產

穀有糯稻，荳有綠黃荳，貨有粗布，又有砂仁、紫蟻、蘇木、楮皮等項。山雞、虎豹、麋鹿之類亦間有之。畜產常物與他州同。春枚社板潭礮硝礮，南鄭社芒林硫磺礮，經奉摺請暫緩，茲方各行飭勘。

91b

氣候

天氣寒多而暑少。地氣高燥多而卑濕少。農事惟有秋田。寒氣所蒸積成嵐瘴。

山水

春枚社有邱隴山、赤土山、篤山、襄山。

一條大江自夾瓊崖州江分，經春枚、青平、輕快等社至夾山羅州江分，是為沱江，長貳百里

內自瓊崖州江至輕溪，長壹百五拾里，廣貳拾五丈上下，深捌尺上下

自輕溪至山羅江，長拾里，廣叁拾丈上下，深壹丈上下

一條小江自夾寧邊州江分，經南鄭、鄭北等社

92a

至夾山羅州江分，是為馬江，長貳百里，廣叁拾丈上下，深捌尺。

名勝

州轄無有名勝

路程

一條小路自州莅而東，經青平、輕快等社至夾山羅州界，長五拾里，橫叁尺。

一條小路自州莅而西，至夾遵教州界，長柒拾五里，橫叁尺。

一條小路自州莅而東，經鄭北社，又轉而南，過馬江渡至夾枚山州界，長叁百五拾里，橫五尺。

92b

